



PHƯƠNG ĐÔNG

BỘ MẶT TÔN GIÁO
NGÀY NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG

3

Số **25** tháng 7 năm 1973

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ — Phó chủ bút : LƯU-TRUNG-KHÁO

**Đặc biệt : BỘ MẶT TÔN GIÁO NGÀY
NAY BÊN PHƯƠNG ĐÔNG**

Nội dung :

1. Cái ruột thừa văn hóa PHƯƠNG ĐÔNG — 3
2. Không giáo vô thần hay hữu thần (tt) NGUYỄN VĂN THỌ — 5
3. Các nơi thờ tự ở nước ta ĐỖ BẢNG ĐOÀN
VÀ ĐỖ TRỌNG HUỀ — 13
4. Tìm hiểu ông Đạo Dừa Còn Phụng . . . PHAN NGHI LINH — 21
5. Sáng tạo nơi đất mới BÌNH NGUYỄN LỘC — 26
6. Bài kệ của đại sư Mãn Giác đời Lý . . . TRẦN TRỌNG SAN — 30
7. Vấn đề sơ bút trong Đại
đạo Tam kỳ Phổ độ TRẦN VĂN QUẾ — 35
8. Cương yếu về giáo lý
Phật giáo Hòa hảo HINH PHƯƠNG CƯ SĨ — 41
9. Thử tìm một phương pháp để
khảo sát về Lão giáo MICHAEL R. SASO
NGUYỄN VĂN THỌ dịch — 49
10. Đạo giáo ở Việt nam (tt) NHẤT THANH — 62
11. Tịnh quán KRISHNAMURTI — 65
12. Một lối nhìn trần tục hóa TRẦN ĐỨC HẢI — 71

Tín Tức, Hộp thơ

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24.592

GIÁ BÁO

Mỗi số	120đ
Công sở	giá gấp đôi
Một năm	1300đ
Một năm (độc giả sinh viên)	1150đ
Một năm độc giả ân nhân	3000 sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 150đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 350đ cước phí đường thủy một năm.

Ai tìm được 7 độc giả dài hạn 1300đ. hoặc 10 độc giả dài hạn 1150đ, sẽ được thưởng một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công sở, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố **V.N.**

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.500đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.300đ
Trang bìa mặt sau 2 màu (nhiều kỳ liên tiếp)		:	14.000đ
Trang bìa mặt sau 1 màu		:	10.000đ
6 kỳ liên tiếp sắp lên		:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Xuất bản :

Phạm-ích-Ảnh

Độc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lễ

CÁI RUỘT THỪA VĂN HÓA

Ngày mười lăm tháng ba âm lịch khi Cụ Mai thọ Truyền năm xuống, người ta lo rồi đây Phủ Quốc Vụ Khanh Văn hóa sẽ bị bãi bỏ. Và điều ấy trở thành sự thực cách đây một tháng với sắc lệnh 490 TT/SL.

Như vậy, khai sinh với Quốc vụ Khanh họ Mai, phủ Quốc vụ khanh nói trên cũng theo luôn họ Mai mà về chầu Phật tổ.

Tại sao có sự trùng hợp ấy ?

Mai đi dự...
mà là...
trung trung.

Dù sao chẳng nữa, với một Phủ riêng biệt, ngang hàng với các Bộ, nhất là với tinh thần hăng say vì văn hóa dân tộc, cụ Mai cũng làm được một cái gì, dù là thiêng liêng : cụ đã mang tới cho Văn hóa một sinh khí !

Nay thì Văn hóa đã bị « sang tên » cho Bộ Giáo Dục, và Bộ này được cải danh là bộ Văn hóa Giáo dục. Cái tên nghe rất « văn hóa » ấy không biết rồi đây có mang một thực chất nào chẳng ?

Vấn đề là ông Văn Giáo (Văn hóa — Giáo dục) có biết Văn hóa và hăng say với Văn hóa dân tộc như cụ Mai hay không ? Nhất là ông có phương tiện và thì giờ để đào bòng thêm cái ruột thừa Văn hóa khi mà ông đã có cả một trái núi « mệnh danh » Giáo dục trên vai, trái núi của cả chục ngàn trường Trung Tiểu Đại toàn quốc,

cùng với hằng triệu học sinh, sinh viên cũng như nhân viên. Một cái gánh nặng Giáo dục này thôi cũng đủ giết mòn tuổi xuân của ông rồi, thì giờ còn đâu để ông đi hội họp với các giới văn hóa, chủ tọa các cuộc triển lãm, thuyết trình, và phác họa những kế hoạch « tái thiết » văn hóa hậu chiến.

Mới đây, ông Tổng Ngô đã biết nghe lời nói phải mà dành riêng 15 phần thưởng Đạo đức cho học sinh đô thành. Nhưng thử hỏi

**TÁC ĐỘNG HƯỚNG SỰ CO THẮT TRỰC TIẾP
TRÊN CƠ TRON CỦA THỰC QUAN, DẠ DÀY,
RUỘT, ỐNG MẬT, NIÊU-ĐẠO...**

✱ mạnh ✱ nhanh ✱ ít độc

LÈVOSPASME

BICHLORHYDRATE DE DIPIPROVÉRINE

☐ **LỢI ĐIỂM :**

- Không làm nở con người
- Không làm khô miệng
- Không tăng nhịp tim
- Không ảnh hưởng trên các cơ năng khác

☐ **TRÌNH BÀY :**

- Viên bọc đường
- Chích thịt

☐ **CẢM KÝ :**

- Mắt hóa lực (glaucome)
- Khó tiểu tiện (Dysurie)

LES LABORATOIRES DAUSSE — PARIS 13^e

NHÀ NHẬP CẢNG : UFFAMA CÔNG-TY

184 - 186, Tự-Đức SAIGON — Tel. 95 308 — 92.830

Khổng giáo vô thần hay hữu thần

NGUYỄN-VĂN-THỌ

(Tiếp theo PD. số 24)

6— QUAN NIỆM VỀ THÁI CỰC CỦA TỔNG NHO.

Các giáo sĩ khi sang Trung Hoa giảng đạo thường cũng hay có lý luận như sau :

Đã đành, Tứ Thư Ngũ Kinh chấp nhận một đấng chủ tể tạo dựng vạn vật, đã đành Khổng giáo nguyên thủy không vô thần, nhưng sau này nhất là từ thời nhà Tống, do ảnh hưởng của Tống Nho, Tống Triết, đã trở nên vô thần, nhất là với ảnh hưởng của Chu Hi, một học giả vô thần.

Bằng chứng là họ dám cho rằng vũ trụ này do Thái cực xuất sinh, chứ không phải do Thượng đế tạo dựng v.v...

Như vậy nói rằng Khổng giáo vô thần không có oan. (1)

- 1) Longobardo conclut sa longue déposition par ces mots : « C'est en cela que consiste tout le noeud de nos difficultés et de nos controverses. » Premières difficultés et premières controverses dont le résultat fut heureux, car elles mirent en pleine lumière le bien-fondé du principe du Père Ricci : s'il est vrai en effet que les lettrés modernes sont dans l'ensemble, athées et matérialistes, il ne l'est pas moins que les textes anciens se prêtent à une interprétation spiritualiste.

Sagesse chinoise et philosophie chrétienne. p. 115

Sous la dynastie T'ang (Đường) s'étaient répandues les connaissances mathématiques, cosmologiques et autres, des Indiens et des Arabes. A cette lumière nouvelle, le taoïste Tch'enn Toan (mort vers 990) reprit l'examen de la cosmologie de Lao-Tzeu et de l'antique science chinoise des nombres (I-king). Le résultat fut une philosophie athée puisqu'elle ne recourt à rien qui fût avant le T'ai Ki, l'être primordial de Lao-Tzeu, et matérialiste puisqu'elle attribue à une formule (li, la norme immanente dans l'être primordial), l'énation de tout ce qui est hors de cet être primordial. Ces spéculations de Tch'enn-toan étaient purement philosophiques et abstraient complètement de toute religion.

Wieger, *Histoire des croyances...* p. 657 et suiv.

Henri Bernard-Maitre, *Sagesse chinoise et philosophie chrét.* p. 76

....Cette philosophie s'incarne dans la personnalité de Tchou Hi (1130-1200)

Trước hết tôi thấy rằng nói Chu Hi là vô thần và duy vật thì thật oan cho ông.

Tôi chỉ cần dẫn chứng một vài bằng cứ :

— Trọng bài tựa Trung Dung, Chu Hi đã viết : « Đạo chi bản nguyên xuất ư Thiên nhi bất khả dịch », mà tôi đã dịch :

« Nguồn đạo ấy phát từ Thượng đế,

Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời... » (1)

— Ông công nhận rằng Trung Dung là một đạo thống tương truyền của thần thánh thay Trời lập cực từ thượng cồ. (2)

— Ông cho rằng « Thánh nhân là hiện thân của Trời » (3)

— Ông đã giải chữ Đế trong Thuyết quái của Kinh Dịch như sau : « Đế là vị chủ tề ở trên trời. » (4)

Ấy Chu Hi vô thần như vậy đó !

Thứ đến, khi các triết gia cho rằng Thái cực là căn nguyên của vũ trụ như vậy có phải là một chủ trương vô thần không ?

Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p. 77

....Il (Tchou Hi) se posa le problème de la Cause première et des Causes finales, mais ce problème il ne le posa que pour refuser de le résoudre, et il n'ouvrit la porte que pour la refermer... Sans doute il admit la notion d'un T'ai Ki, premier principe spirituel, cause du monde et souverain bien; mais ce fut pour plonger aussitôt ce premier principe dans la nature, pour l'emprisonner définitivement au sein de la matière... (ib. 78)

....Pas de Dieu, pas de Souverain, pas de Juge, pas de Providence, quoi qu'en aient dit les anciens...

Wieger, *Histoires des croyances...* p. 668-669

1) — Trung Dung, chương I.

2) — Chu Tử nhận Trung Dung vi thượng cồ thần thánh kế Thiên lập cực sở truyền chi đạo thống.

Hồ Hoài Thâm, *Trang Quốc tiên hiền học thuyết*, tr. 66

3) — Et il (Tchou-Hi) conclut par ce cri d'enthousiasme : « En un mot, le Saint est le Ciel personnifié »

Cf. P. Stanislas Le Gall, *Le philosophe Tchou-Hi, sa doctrine, son influence* pp. 63 et ss.

4) — Xem, *Kinh Chu Dịch*, Nguyễn Duy Tính dịch, tr. 362

Du Halde rất sợ danh từ Thái cực, tuy như ta đã thấy Ông rất có cảm tình với Không giáo nguyên thủy. Du Halde cho rằng quan niệm Thái cực và Lý dễ đưa đến vô thần. (5)

Ông cũng cho rằng danh từ Thái cực là một danh từ rất mới, dùng để chỉ căn nguyên vạn hữu, nhưng mãi đến đời Không tử mới có, và chỉ thấy dùng có một lần trong Kinh Dịch nơi Hệ Từ. (6)

Du Halde cho rằng các triết gia thế kỷ 17 bên Trung Hoa đã định nghĩa Thái cực như là Cực điểm, như là Nóc, vì Thái cực liên kết các phần tử của vũ trụ này y như cái mái nhà liên kết và duy trì mỗi bộ phận của cái mái nhà.

Họ cũng sánh Thái cực với cái rễ nơi cây, với cái trục nơi bánh xe, và gọi đó là trục, là khu nữu cho vạn loài xoay quanh, là căn cơ, là cột trụ, là gốc gác vạn sự. Thái cực không phải là cái gì hư ảo, nhưng chính là một thực thể có trước trời đất. (1)

Nhưng Leibniz, một nhà toán học và một học giả thời danh ở Âu Châu thế kỷ 17 và 18 (1646-1716), lại cho rằng quan niệm của Á Châu

5) — Le T'ai Ki et le Li conduisent à l'Athéisme,

Du Halde. *Description... de l'Empire Chinois*, Tome 3, p. 38.

6) — Ils donnèrent au principe de toutes choses le nom de Tai ki et comme ce nom, de l'aveu même de Tchu Tze, qu'ils suivent dans leur système, n'a jamais été connu ni de Fo Hi, Auteur du Y king et fondateur de la Monarchie, ni de Ven Vang, et de Tcheou Kong son fils, ses interprètes qui ne sont venus que dix sept cent ans après Fo Hi, selon l'opinion de plusieurs Chinois, Ils s'appuient de l'autorité de Confucius.

Ib. p. 36

1) — Et comme ces deux mots Tai ki signifient grand pole, ou grand faite : ils disent qu'il est, par rapport à tous les Êtres, ce qu'est le faite par rapport à un édifice ; qu'il sert à unir ensemble, et à conserver toutes les parties de l'univers, de même que le faite assemble et soutient toutes les parties qui composent le toit d'un édifice.

Ailleurs ils le comparent à la racine de l'arbre, et à l'essieu d'un chariot : ils l'appelle le pivot, sur lequel tout roule ; la base, la colonne, et le fondement de toutes choses. Ce n'est pas, disent ils, un Être chimérique, qui soit semblable aux vides de la secte des Bonzes : c'est un être réel, qui existe véritablement, et c'est ce qu'on conçoit qui existe avant toutes choses...

Du Halde, *Description... de l'Empire chinois* Tome 3 p. 36,37

về Lý, về Thái cực chẳng có gì là vô thần, mà đó chỉ là một trong những phương thức dùng để chỉ Thượng đế. (2)

Wieger sau này cũng cho rằng Thái cực là Khu nữ, là Nguyên động lực chi phối vạn hữu. (1)

Ông cũng nhận định rằng Thái cực chính là Đạo, là Hoàng cực, là Nguyên thể. Ông cũng cho rằng tất cả những danh từ ấy đều là cưỡng ép, vì Nguyên thể bất khả tư nghị v.v.. (2)

Trong quyển THÁI CỰC LUẬN của tôi, tôi thấy Nho gia nói về Thái cực cũng như các triết gia Âu Châu nói về Logos, các triết gia Ấn độ nói về Atman v.v.. (3)

- 2) — Je croirais volontiers que beaucoup de philosophes orientaux ne diffèrent point des platoniciens et des stoiciens qui ont considéré Dieu comme âme du monde ou la nature universelle Immanente aux choses...

Sagesse chinoise et philosophie chrétienne, p. 158

Les Chinois appelle la Li (par excellence) l'être, la Substance, l'Entité. Cette Substance selon eux est infinie, éternelle, Incréée, Incorruptible, sans principe et sans fin. Elle n'est pas seulement le principe physique du ciel, de la terre et des autres choses corporelles ; mais encore « le principe moral » des vertus, des habitudes et des autres choses spirituelles... Elle est invisible, elle est parfaite dans son être au souverain degré, elle est même toute sorte de perfections.. Ils appelle la Li « la Nature » des choses, je crois que c'est comme nous disons que Dieu est la « Nature naturante ».

ib. 161

- 1) La norme s'appelle aussi T'ai Ki., le grand axe, parce qu'il meut tout dans l'univers. Maître Tcheou lui a encore ajouté l'épithète de Ou-ki (Vô cực) pour exprimer sa nature incorporelle. C'est l'impalpable moteur qui ne tombe pas sous les sens.

Wieger *Textes philosophiques*. Tom I, p. 180

- 2) L'être premier duquel est issu tout ce qui est, c'est Đạo, le Principe, c'est Hoàng cực, le Pôle Auguste, c'est Thái cực, l'Apogée, Noms d'emprunt, car l'être primordial est indéfinissable, innommable, ineffable.

Wieger, *Histoire des croyances*, p. 659

- 3) Xin xem Thái cực luận của tác giả, bản Ronéo, nhất là nơi Tổng luận.

Xin đọc thêm *Sagesse chinoise et philosophie chétienne* p.116, có một đoạn dài ghi lại 2 ý kiến tương phản về Thái cực. Một bên là các giáo sĩ lấy lịch sử chứng minh rằng trong dĩ vãng không hề bao giờ có đền thờ Thái cực mà chỉ có đền thờ Trời. Như vậy Thái cực không phải là Trời. Một bên là các tiên sĩ Công giáo Trung Hoa chủ trương ngược lại và cho rằng họ hiểu tình thần các sách Trung Hoa hơn người Âu châu.

Và tôi đã kết luận như sau :

« Đối với các thánh hiền Trung quốc, Thái cực sinh xuất vạn hữu. Thái cực vừa bao quát vạn hữu, vừa lồng trong vạn hữu. Thái cực là bản thể của vũ trụ, bất biến, bất thiên, bất sinh, bất hoại, nhưng lại vẫn chủ trì mọi biến thiên của vũ trụ và của con người.

« Đứng về phương diện khởi nguyên của vũ trụ, Dịch kinh chủ trương Thái cực sinh xuất vạn hữu. Đó là Nhất nguyên chủ nghĩa. Thái cực tuy là nhất, là Nguyên, nhưng lại biến hóa vô cùng tận. Và Thái cực cũng là Vô cực, là Thần, là Thượng đế, siêu xuất trên cơ cấu âm dương, cho nên quan niệm Thái cực có thể gọi là hoàn bị hơn quan niệm Apeiron của Anaximandre, quan niệm duy linh của Platon, quan niệm ngũ hành của Aristote.

« Quan niệm Thái cực tương tự như quan niệm Atman của Bà La Môn, quan niệm Logos của Âu Châu, quan niệm đấng Christ vũ trụ của Teilhard de Chardin.

— « Vì chủ trương Thái cực chẳng những là bản thể của vũ trụ, mà còn là Vô cực, là Trời, nên quan niệm Thái cực không phải là một quan niệm triết lý thông thường mà còn là một đề tài đạo giáo hết sức quan trọng.

— « Đối với các triết gia Trung quốc, Thái cực tiềm ẩn ngay trong lòng vạn hữu, trong lòng con người. Nhưng chỉ có con người mới nhận ra được chân lý ấy, mới cảm thông được với Thái cực, mới trở về được với căn nguyên.

— « Như vậy quan niệm Thái cực mở lối cho một phương pháp tu thân, một phương pháp trở về với Thượng đế, với căn nguyên gốc gác của mình. Đó là con đường hướng nội, con đường nội tâm, mà xưa nay các thánh hiền khắp thế giới đã nhất luật băng qua.. » (1)

Leibniz cũng cho rằng, ngay trong thời triết học kinh viện, cũng đã có một triết gia tên là David de Dinant chủ trương rằng Thượng đế là *Nguyên Thê* của vạn hữu. Spinoza cũng có chủ trương tương tự. (2).

1) Xem *Thái cực luận* của tác giả, phần Tổng luận.

2) Il y a eu un certain David de Dinant sous le règne des scolastiques qui soutenait que Dieu était la *matière première* des choses. On pourrait dire quelque chose semblable de Spinoza, qui paraît soutenir que les créatures ne sont que des modifications de Dieu.

Ta thấy ngày nay Âu Châu cũng có những quan niệm về Thượng đế hết sức là uyển chuyển, bởi vì nào có ai ở trần gian này nói được rằng chỉ có mình mới hiểu rõ về Thượng đế ?

Teilhard cho rằng đấng Christ chính là Thủy Chung, là Căn Cơ là Chốt Nóc, là Thực Thể và là Dung tích v.v... (3)

Chu Liêm Khê xưa cũng đã gọi thái Cực là Nhất, là Tuyệt đối (4)

Chu Hi đã gọi Thái Cực là Đạo. (5)

Ngày nay các nhà bình dịch Thánh kinh Trung Hoa, đã dịch Logos bằng chữ Đạo. Phúc Âm Gio An như vậy đã được bắt đầu như sau : Thái cơ hữu Đạo, Đạo dữ Thần đồng tại. (6)

Cho nên nói rằng chủ trương Thái Cực là nguồn gốc muôn loài là vô thần, thì cũng y như nói chủ chương Logos là nguồn gốc muôn loài, là Đầu và là Cuối vạn sự là vô thần vậy. (7)

7 — TỔNG LUẬN.

Thiên khảo luận này đã được trình bày một cách hết sức vô tư. Có lẽ đó cũng là một cái khuyết điểm của nó.

Ta có thể kết luận : Không có cách nào mà nói được rằng Không giáo là vô thần.

Trong thiên khảo luận trên chúng ta đã thấy rõ rằng người Á đông không ai mà không chấp nhận rằng Trời hay Thiên chính là chủ tể vạn hữu, là Hóa công v.v...

Và tôi xin mạn phép kể hầu quý vị một câu chuyện :

Trong khi tôi đang chuẩn bị soạn thảo bài này thì hôm mồng 4 tết Quý Sửu tôi nhận được một thiệp mời rất đẹp để lịch sự của Cha G. Lajeune, và xứ đạo Học Lạc Chợ Lớn, nội dung như sau :

Kính mời :

3) Xem Teilhard de Chardin (Plon) p.114

4) Tạ Vô Lượng, Trung quốc triết học sử Thiên lý thượng, tr. 58

5) Dịch kinh Đại toàn, Chu Hi đồ thuyết, tr. 14

6) Xem Thánh Kinh, Phúc Âm Joan, chương dẫn nhập.

7) Xem Apoca ypse 1, 3 và 18 Evangile Jean, Prologue, 3, 4

Ông Bà..

vui lòng đến dự buổi lễ « Tế Thiên, Tự Tồ » cử hành tại nhà thờ Phanxicô, 25 đường Học Lạc, Chợ Lớn, lúc 9 giờ sáng, ngày 04 tháng 02, năm 1973, tức ngày mừng hai tháng giêng năm Quý Sửu,

Linh mục chính xứ

G. LAJEUNE.

Tôi rất vui mừng vì nhận chân rằng những chuyện cãi vã nhau xưa về chữ Thiên, và vấn đề kính nhớ tổ tiên thực đã là một câu chuyện huyền, mà Thiên chính thực là Thượng đế, và đạo Khổng chính thực là hữu thần vậy.

Sau đây tôi xin mượn lời của G. Pauthier, Trong *Les Livres de sacrés de l'Orient* mà kết luận bài này như sau :

« Trong lịch sử, cũng như trong thi văn, trong biểu dương đạo giáo, cũng như trong suy khảo triết học, Á đông đã đi trước Âu châu. (1) Chúng ta cần tìm biết Á châu để hiểu chúng ta rõ hơn... Càng biết về Á châu rõ ràng hơn, ta càng thấy hiện ra một thế giới mới, một nền văn minh huy hoàng mà cổ thời chúng ta không ngờ tới được. Chúng ta sẽ ngạc nhiên khi thấy rõ chân tướng của tiền nhân chúng ta, đối chiếu với những dân tộc cổ Á đông, và càng ngày chúng ta càng thấy đúng, một cách thấm thía, lời một giáo sĩ Ai cập nói với Solon (mà Platon đã ghi trong *Timée*) : « Hỡi người thành Athènes, các người chỉ là những trẻ

1) Cf. G. Pauthier, *Les Livres sacrés de l'Orient*, Introduction pp. VII et IX : « Dans l'histoire comme dans la poésie, dans les manifestations religieuses comme dans les spéculations philosophiques l'Orient est l'antécédent de l'Occident...

Nous devons donc chercher à le connaître pour nous bien connaître nous-mêmes.. A mesure que les connaissances sur l'Orient se développeront, on verra se révéler, come un monde nouveau, une civilisation merveilleuse que l'antiquité n'avait pas même soupçonnée. On sera surpris de voir ce qu'étaient les Anciens. en comparaison de ces vieux peuples de l'Orient, et on sera de plus en plus frappé de la vérité de cette allocution d'un prêtre d'Egypte à Solon (conservée par Platon dans son *Timée*) : « O Athéniens, vous n'êtes que des enfants ! Vous ne connaissez rien de ce qui est plus ancien que vous ; remplis de votre propre excellence et de celle de votre nation, vous ignorez tout ce qui vous a précédés, vous croyez que ce n'est qu'avec vous et avec votre ville que le monde a commencé d'exister... » Nous ne craignons pas d'affirmer que l'étude des civilisations de l'Orient est désormais d'une nécessité absolue pour quiconque veut écrire sur les origines et l'affiliation des peuples, des langues, des arts, des religions, de la morale, de la philosophie, en un mot sur l'histoire tout entière de l'humanité...

нат ! Các người không hiểu biết được cái gì có trước các người; tưởng mình hay, tưởng nước mình giỏi, các người chẳng biết những gì về trước; các người đã tưởng rằng thế giới này bắt đầu có với các người, với thành thị các người..

• Chúng tôi không ngại quả quyết rằng sự học về các nền văn minh Á châu là một điều tối cần thiết cho những ai muốn khảo cứu về khởi nguyên, về liên lạc dòng dõi giữa các dân tộc, ngôn ngữ, mỹ thuật, đạo giáo, luân lý, triết học, tóm lại toàn thể lịch sử nhân loại.

«Chúng tôi cũng không ngại mà quả quyết thêm rằng, một phần lớn những sách vở đã được in từ khi phát minh ra nghề in (và hẳn là nhiều), khảo về các vấn đề có liên quan đến các bộ môn nói trên, cần phải được viết lại, bởi vì đã phát bởi từ những hệ thống không mấy đúng đắn, bởi vì chúng đã không đếm xỉa đến những nền văn minh quan trọng đó; những nền văn minh đã có, và hiện còn có nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển cộng đồng của nhân loại. Thực y thức những người muốn lập ra những hệ thống thiên văn mà đã bỏ qua hay đã không thềm đếm xỉa những vì sao sáng nhất trong hệ thống vũ trụ ! » (1)

- 1) Nous ne craignons pas d'affirmer encore que la plus grande partie des livres publiés depuis la découverte de l'imprimerie (et ils sont nombreux), dont les sujets se rapportent plus ou moins directement à ceux qui sont énumérés ci-dessus, sont à refaire, parce qu'ils partent tous de données plus ou moins inexactes, de bases plus ou moins fragiles, de systèmes plus ou moins faux, parce qu'ils n'ont tenu aucun compte de ces importantes civilisations qui ont eu et ont encore une grande influence sur le développement général de l'humanité. C'est comme si tous ceux qui ont créés des systèmes d'astronomie avaient négligé ou dédaigné de tenir compte des astres les plus rayonnants du système du monde. »

Cf Cheng TienHsi, *La Chine, oeuvre de Confucius*, p. 410

SAIGON ĂN QUẢN

CÔNG TY NẶC DANH VỐN : 20.000.000\$00

35, Nguyễn-Đình-Chiều — SAIGON

Đ.T. : 22.208 — 22.498

TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH

NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY

CÁC NƠI THỜ TỰ Ở NƯỚC TA

ĐỖ-BẢNG-ĐOÀN

ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

Nền tảng tín ngưỡng của dân tộc ta, sau khi ra khỏi tình trạng bán khai, là linh-hồn-giáo : cũng như nhiều dân tộc khác trên thế giới, chúng ta tin rằng linh hồn người chết vẫn tiếp tục sinh tồn trong một thế giới vô hình nào đó. Nhưng linh hồn giáo ở nước ta phát biểu dưới hình thức đặc biệt là thờ cúng tổ tiên và nơi thờ tự của tôn giáo căn bản này là các từ đường.

Từ linh hồn giáo chúng ta tiến lên đa-thần-giáo. Chúng ta tin rằng trong vũ trụ có nhiều thần linh có khả năng can thiệp vào đời sống chúng ta, gây ra hạnh phúc hoặc đau khổ cho chúng ta 'thường phạt chúng ta bằng cách này hay cách khác. Hầu hết những vị thần linh này đều là những nhân vật lúc sinh thời đã có công với quốc gia dân tộc hoặc với xóm làng. Nơi thờ tự của tôn giáo này là đền, đình, phủ, miếu, điện, miếu.

Tới thế kỷ thứ II Tây lịch kỷ nguyên, Phật giáo truyền sang nước ta và chúng ta bắt đầu dựng chùa đề thờ Phật.

Gần 10 thế kỷ nội thuộc Trung quốc đã đem lại cho chúng ta hai tôn giáo mới là Lão giáo mà nơi thờ tự là đạo quán và Khổng giáo mà nơi thờ tự là văn miếu.

Nhưng về phương diện tín ngưỡng cũng như về nhiều phương diện khác, dân tộc ta không phải chỉ biết có du nhập mà còn biết thâu hóa và dung hợp. Thật vậy chúng ta đã tổng hợp Lão giáo với đa thần giáo cổ hữu thành ra đạo phù thủy mà nơi thờ tự là các tinh. Rồi chúng ta lại tổng hợp một cách rộng rãi hơn Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo với đa thần giáo cổ hữu thành ra đạo Tam thánh mà nơi thờ tự là đàn Tam thánh.

Cuối cùng, tới thế kỷ XVII chúng ta tiếp xúc với Tây phương, làm quen với tín ngưỡng độc thần và du nhập Thiên chúa giáo mà nơi thờ tự là các nhà thờ.

TỪ-ĐƯỜNG

Nước ta từ đời cổ mỗi họ đã có một nhà từ đường là nơi thờ cúng tổ tiên, mỗi khi đến các tiết nguyên đán, thanh minh v.v., cùng ngày giỗ các vị quá cố; cả họ tụ tập ở từ đường, một là đề truy niệm các ngài, hai là họ hàng anh em gặp nhau cho thêm tình thân mật.

ĐỀN

Đời vua Hùng Vương thứ 6, sau khi cậu bé ở làng Phù đồng, quận Vũ.ninh (tỉnh Bắc-ninh) phá được giặc Ân, cưỡi ngựa sắt phi thẳng lên trời nhà Vua cảm công giúp nước cứu dân, tôn làm Phù Đồng Thiên Vương, sai lập đền tại nền nhà cũ của ngài cho dân làng Phù Đồng phụng sự. Lại xây đài Cửu trùng và điện Kính thiên ở trên núi Nghĩa linh (làng Hi cương, phủ Lâm thao, tỉnh Phú thọ) vua đến đó dâng hương, cảm tạ ơn trời đất đã sai Phù Đồng Thiên Vương xuống đánh đuổi giặc ngoại xâm làm cho nước nhà yên ổn. Nước ta có đền thờ từ đấy.

Đời Lý, năm Thiên-Tư Gia-Thụy thứ 3 (1188) vua Cao Tông đi tuần du xem các danh sơn đại xuyên trong nước. Xe vua qua những nơi đó dừng lại, ban phong hiệu cho các vị thần rồi sai dân lập đền thờ.

Đời Trần, mỗi làng có một cái đình dựng ở bên đường quan lộ, trong đình sắm đủ hương án lư hương, tàn lọng, cờ quạt đề bái vọng vua, hoặc quan khâm mạng đi qua và những khi cung nghinh sắc chỉ của triều đình ban ra truyền mệnh lệnh cho nhân dân biết. Theo sách Chu lễ, đời thượng cổ cứ đến mùa xuân vua cùng các quan công khanh đi ra ngoài xem xét dân tình, chủ ý ban phúc cho trăm họ. Nay vua bận công việc không thể đi khắp mọi nơi, giao cho các làng rước Thần ra đình tế lễ, cầu ban phúc cho dân. Thần được coi như thay nhà vua bảo vệ nhân dân, nên những đồ thờ như tàn, lọng, cờ, kiệu, bát bửu, lộ bộ, nhã nhạc được dùng theo nghi vệ của Thiên tử.

Đời Lê ban sắc cho những công thần khai quốc quá cố làm Thành hoàng, sai dân sở tại thờ ở đình làng, ấn định nghi vệ rước Thần. Thượng đẳng, kiệu tre 4 lọng vàng, 24 lá cờ tứ phương, hoặc tam tài, giữa thêu chim phượng hoàng.

Trung đẳng kiệu tre 2 lọng vàng, 20 lá cờ tứ phương, hoặc tam tài, giữa thêu đám mây bay.

Tôn thần kiệu che 1 lọng vàng, 16 lá cờ tứ phương hoặc tam tài, giữa thêu đám mây bay.

Vị nào sinh thời phụng mệnh đi sứ sang Tàu, ở trước kiệu giàn cờ tiết mao, che 2 lọng vàng.

Đời Nguyễn, trong tự điền bộ Lễ đền thờ các vị Thần được chia ra 5 bậc :

- Đền thờ các vị đế vương.
- Đền thờ các vị Tiên hoặc thánh có công giúp nước cứu dân.
- Đền thờ các trung thần, nghĩa sĩ.
- Đền thờ nghĩa phu, tiết phụ và những người thường dân lúc sinh thời có công với dân làng, hoặc sau khi chết từng hiền linh cứu giúp nhân dân.
- Đền thờ các vị thổ thần linh ứng.

A — Đền thờ các vị đế vương :

- Đền các vua Hùng ở làng Nghĩa cường, tỉnh Phú thọ.
- Đền Kinh Dương Vương ở làng Á Lữ, tỉnh Bắc ninh.
- Đền Thục An Dương ở làng Hương ái, tỉnh Nghệ an.
- Đền Triệu vũ Đế ở làng Xuân quang tỉnh Bắc ninh.
- Đền Trưng nữ Vương ở làng Đồng nhân, tỉnh Hà nội.
- Đền Lý Nam Đế ở làng Tử đường, tỉnh Thái bình.
- Đền Triệu Việt Vương ở làng Trinh Hà, tỉnh Thanh hóa.
- Đền Mai Hắc Đế ở làng Hương lâm, tỉnh Nghệ an.
- Đền Bồ Cái Đại Vương và đền Ngô vương Quyền ở làng Cam lâm, tỉnh Sơn Tây.
- Đền Đinh Tiên Hoàng ở làng Trường yên Thượng, tỉnh Ninh bình.
- Đền Lê Đại Hành ở làng Ninh thái, tỉnh Hà nam,
- Đền Lý Bát Đế ở làng Đình bả, tỉnh Bắc ninh.
- Đền các vua Trần ở làng Tức mặc, tỉnh Nam định.
- Đền các vua Lê ở làng Bồ vệ, tỉnh Thanh hóa.
- Đền tiên tổ nhà Nguyễn ở làng Gia Miêu, tỉnh Thanh hóa.

Mỗi đền có 1 Thủ từ và 10 đến 20 dân phu, ngày đêm thay nhau quét tước dọn dẹp, những người này được miễn sưu, sai, tạp dịch. Hằng năm đến ngày giỗ, triều đình sai quan Khâm mạng ra làm lễ quốc tế. Quan Tổng đốc hoặc Tuần phủ bản tỉnh trích tiền kho ra trừ biện hương nển lễ vật.

B— Đền thờ các vị tiên, thánh có công giúp nước cứu dân :

Đền thờ Phù Đổng thiên vương

Đền thờ Chử đồng Tử.

Đền thờ Tản Viên sơn thần,

Đền thờ Bạch Mã y thần

Đền thờ bà Liễu Hạnh tiên chúa.

Đền thờ Trần Tú Uyên

Đền thờ Sơn thần và Thủy thần. v.v...

Những vị thần kể trên đều được phong làm thượng đẳng thần.

C— Đền thờ các vị trung thần nghĩa sĩ :

Đền thờ Trương Hống, Trương Hát tướng đời Lý Nam Đế.

Đền thờ Đinh Điền, Nguyễn Bặc tướng đời Đinh.

Đền thờ Phạm cự Lương tướng đời Lê Đại Hành.

Đền thờ Trần Linh Lang hoàng tử vua Lý Thái Tông.

Đền thờ Lý thường Kiệt tướng đời Lý.

Đền thờ Hưng đạo Vương, Phạm ngũ Lão, Trần khát Chân tướng đời Trần.

Đền thờ Trần nguyên Hãn, Đinh Liệt, Lê Xi. Phạm đình Trọng tướng đời Lê.

Đền thờ Phạm tử Nghi tướng đời Mạc.

Đền thờ Ngô tông Chu, Võ Tính, Nguyễn tri Phương, Hoàng Diệu tướng đời Nguyễn v.v...

Những vị trên đều được phong làm Thượng đẳng thần.

D— Đền thờ nghĩa phu, tiết phụ và những người thường dân lúc sinh thời có công với dân làng, hoặc sau khi chết hiển linh cứu giúp nhân dân.

Những vị này được dân làng nhớ công ân lập đền thờ, xin triều đình phong sắc cho : Bộ Lễ hội đồng xét là đích thực tâu lên vua phong làm tôn thần. Sau lại giúp dân cầu mưa đảo gió giúp đỡ việc mùa màng, hoặc trừ khử tai ương dịch lệ, Dân làng cùng quan sở tại tâu lên vua, mới được thăng làm trung đẳng thần.

E— Đền thờ những vị thổ thần linh ứng.

Những vị đã hiển linh giúp dân trừ tà, trị bệnh được triều đình phong làm « Bản cảnh thành hoàng, linh phù tôn thần ».

Đền có thủ từ ở trông coi đèn hương.

ĐÌNH

Thờ công cộng các vị thành hoàng và chỗ dân làng hội họp bàn việc công dân, có thủ từ ở trông coi đèn hương.

PHỦ

Thờ Thánh mẫu cùng các vị hoàng tử, công chúa dưới quyền ngài, có bà đồng ở trông coi đèn hương.

MIẾU

Thờ thờ thần hoặc thờ địa, dân cử người ở gần đấy trông coi đèn hương.

DIỆN

Tư gia lập điện thờ đức thánh Trần, chủ nhà trông coi đèn hương. Ở bên chùa thờ Thánh mẫu cũng gọi là điện, có bà đồng trông coi đèn hương.

MIÊU

Thờ bà Nàng hoặc cô Nàng, chung quanh có những cây đa, cây đề cây xi cồ thụ phong cảnh âm u, có bà già ở gần đấy trông coi đèn hương.

CHÙA

Cuối đời Đông Hán, Sĩ Nhiếp (187-226) làm Thái thú Giao châu đóng phủ trị ở Luy lâu, nay làng Lũng Khê, phủ Thuận thành, tỉnh Bắc ninh, làm chùa Bát thập thờ Phật Bà Quan Âm, chùa Phúc nam thờ Phật Tứ Pháp. Nước ta có chùa thờ Phật từ đấy. Đến đời Lý, Trần vua sùng thượng đạo Phật, trong nước mở nhiều chùa cảnh rất đẹp. kẻ ra không xiết. Nay xin kể mấy chùa nổi tiếng cổ tích, mỹ thuật ở Hà nội và cố đô Huế.

Những Chùa ở Hà nội :

Chùa Khai quốc, Trấn bắc, Chiêu thiên, Vạn niên, Địa linh, Báo thiên, Đại bi, Báo ân, Hoàng ân, Một cột, Bà đá, Ngọc sơn v.v...

Những Chùa ở Huế :

Chùa Quốc ân, Thiên tông, Từ hiếu. Báo quốc, Linh mục, Diệu đế Trúc lâm v.v... Chùa có Hòa thượng cùng các sư ở trụ trì và trông coi đèn hương.

ĐẠO QUÁN

Đời Đường Huyền Tông (713-739) Lư Hán làm Đô hộ Giao Châu dựng đạo Quán Khai nguyên ở ấp Quán la (Hà nội) bên hồ Tây, thờ

Lão Tử cùng các Thánh của đạo Lão, Tiếp theo dân ta dựng đạo quán ở các nơi thờ Lão Tử cùng những vị thần, tiên. Sau đây là những đạo quán cổ tích có nhiều phong cảnh đẹp :

Quán Liễu trung ở làng Liễu trung, huyện Yên mỹ, tỉnh Hưng yên.

Quán Xá ở làng La chàng, huyện Ân thi, tỉnh Hưng yên.

Quán Long khánh ở làng Đồng nhân tỉnh Hà nội

Quán Trấn vũ ở phường Thụy chương tỉnh Hà nội, (nay ở đầu đường Cồ ngư, bên hồ Tây)

Quán Càn khôn ở núi Vệ linh, làng Thường lạc phủ Đa phúc, tỉnh Phúc yên

Quán Thông thánh ở làng Bạch hạc huyện Bạch hạc, tỉnh Vĩnh yên.

Quán Giá ở làng Yên sở, huyện Đan phượng, tỉnh Hà đông.

Đạo quán có đạo sĩ ở tụng kinh và trông coi đèn hương.

VĂN MIẾU

Đời Lý, năm Thần Vũ thứ 2 (1070) vua Thánh Tông dựng Văn miếu ở phía Đông nam kinh đô Thăng long (Hà nội) thờ Khổng tử, Tứ phối, Thập triết, Thất thập nhị hiền cùng các Tiên nho nước ta. Hàng năm xuân thu nhị kỳ, vua cùng các quan ra làm lễ quốc tế. Ngày thường có viên qua Lễ bộ trông coi đèn hương. Văn miếu quy mô rộng lớn, kiến trúc rất công phu và mỹ thuật là một thắng tích tại cố đô.

Ở các tỉnh cũng gọi là Văn miếu, có lễ sinh trông coi đèn hương. Phủ, huyện gọi là Văn tứ, tổng xã gọi là Văn chỉ có học trò thay nhau trông coi đèn hương.

TỈNH

Tỉnh thờ Lão Tử cùng các vị thánh, tướng của đạo phù thủy. Sử sách không chép rõ nguồn gốc phát sinh đạo. Chỉ biết rằng về đời Lê Thần Tông (1619.1662), Trần Lộc quê làng An đông, huyện Quảng xương, tỉnh Thanh hóa vào núi chơi, gặp dị nhân trao cho tấm bảng đồng trong khắc những câu kinh. Trần Lộc đem về nhà kính cẩn lập bàn thờ đêm đêm thắp hương tụng niệm. Được ít lâu có vị tiên đến nói là vâng mệnh Thượng Đế xuống phong cho ông làm Thượng sư, cai quản hung thần ác quỷ khắp trong ba cõi và truyền cho các phép thần thông biến hóa.

Ông vâng lệnh đêm ngày cố công học tập, tuân theo giáo lý và đường lối chỉ dẫn của đạo. Không bao lâu đạt tới các phép nhiệm màu

như bạt núi, sể đất, nhìn vào trong gương thấy rõ những việc ở trên trời dưới đất. Ông mở trường Nội đạo dạy bà con và đệ tử, học trò có tới 3, 4 nghìn người. Đã thành đạo chia nhau đi các nơi diệt trừ hung thần ác quỷ cùng độc sà, ác thú làm hại nhân dân.

Năm nhâm ngọ (1642) vua Thần Tông ốm nặng sai sứ giả đến triệu ông lên Thăng long chữa bệnh. Ông cử học trò là Pháp-Bộ Kim-Cương đi thay, đến bên giường vua tụng kinh niệm chú, hơn một tháng thì khỏi bệnh. Vua phong ông làm Quốc sư, nhưng ông không nhận, xin ở nhà dạy học trò. Khi ông mất vua sai lập đền đề thờ, phong làm Phục ma thượng đẳng thần. Ông mất rồi ba con cùng học trò đi khắp các nơi trừ tà trị bệnh và truyền dạy khoa giáo Nội đạo, chuyên vẽ bùa niệm chú, trừ bệnh cho dân. Bấy giờ số học trò ở Trung, Bắc kỳ có tới hơn 3 vạn người, họ làm tỉnh đề thờ Lão Tử và các vị thánh tướng. Đời sau gọi đệ tử phái nội đạo là thầy phù thủy, vì phái này chữa bệnh chỉ vẽ bùa rồi đốt đi, lấy than hòa nước lã cho bệnh nhân uống. Trước hồi Pháp đồ bộ ở nước ta làng nào cũng có tỉnh của thầy phù thủy.

ĐÀN TAM THÁNH

Thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và ba vị giáo chủ là : Phật Thích Ca, Thái Thượng Lão Quân, Khổng Tử cúng các vị tiên, thánh nước ta và Trung Hoa.

Đời Nguyễn, năm Minh Mệnh (1820-1840) tại thôn An ninh bên hồ Tây, thuộc huyện Vĩnh thuận tỉnh Hà nội, có nhà họ Nguyễn lập đàn ngay ở nhà đề thờ Quan-Vân-Tường, Trần-Hưng-Đạo cùng các vị tiên thánh. Họ Nguyễn thành kính thờ đã ba đời, đến năm Tự-Đức thứ 2 (1849) thần tiên mới bắt đầu khai loan giảng bút cho đơn thuốc trị bách bệnh và bảo cho biết những việc vị lai đề tránh tai nạn. Đạo trưởng giữ đàn là Nguyễn-thanh-Kính được chọn làm đồng bút, cầm cành đào viết lên mâm gạo cho đơn thuốc, hoặc cho thơ chỉ bảo mọi việc. Nhất là đến khoa thi Hương, thi Hội sĩ tử các nơi đến hỏi việc khoa danh rất linh nghiệm.

Năm Tự-Đức thứ 4 (1851) Nguyễn-dăng-Giai làm Kinh lược sứ bày tỉnh : Hà nội, Bắc ninh, Ninh bình, Lạng sơn, Tuyên quang, Thái nguyên và Cao bằng, thường đến đàn cầu thần tiên giảng bút, hỏi những việc quốc gia đại sự đều được như ý muốn. Năm Tự Đức thứ 6 (1853) ông bỏ tiền ra dựng lại đàn tại nền nhà cũ họ Nguyễn đề thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, ba vị giáo chủ kê trên cùng các thần tiên, gọi là Lãng linh viện. Nay đàn ở bên hồ Tây, tại phía Đông Nam hồ Trúc bạch. Sau khi

Lăng linh viện nổi tiếng anh linh, nhân dân khu cửa Bắc Hà Nội, trước chùa Ngọc sơn, đạo đường quán Trấn vũ cũng dựng đàn Tam thánh. Kế tiếp mấy năm sau, ở Kinh đô Huế và khắp miền thôn quê các tỉnh Hà đông, Hà nam, Hưng yên, Thái bình, Hải dương nhiều nơi dựng đàn Tam thánh ở bên đình làng, hay vẫn chỉ đề luyện cơ cầu bút, hỏi những sự cát hung. Đàn có đạo trưởng ở tụng kinh và trông coi đèn hương.

Các làng ở Bắc kỳ có đàn Tam thánh làng Đào xá, huyện Kim động tỉnh Hưng yên là uy nghi và kang trang nhất.

NHÀ THỜ

Đời Lê Thần Tông (1619-1662) các giáo sĩ Âu châu đem đạo Thiên Chúa truyền sang nước ta, dựng nhà xứ, nhà thờ ở các nơi thờ Thiên Chúa. Nhà xứ có linh mục ở nhà thờ, họ lễ có thầy già trông coi việc thờ tự và giảng đạo.

Những nhà thờ nổi tiếng cồ kính, to lớn và mỹ thuật :

Nhà thờ Phát Diệm ở Ninh Bình, nhà thờ lớn Hà nội, nhà thờ Phú nhai và nhà thờ Ninh Cường ở Nam định, nhà thờ tỉnh Phú thọ, nhà thờ Huế, nhà thờ tỉnh Thanh hóa v.v...

(Còn tiếp)

HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

☐ THƠM NGON, NGỌT

☐ BỒ HUYẾT, BỒ GAN

☐ DA DẼ HỒNG HÀO

Bại các nhà Thuốc Tây

Mua ở : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty—601—Lê.V Duyệt, Saigon

Tìm hiểu

ÔNG ĐẠO DỪA, CỒN PHỤNG

PHAN-NGHI-LINH



I- Sơ lược tiểu sử Ông Đạo Dừa.

Ông sanh ngày 25 tháng Chạp năm Kỷ Dậu (1910) tại Phước Thạnh (Mỹ Tho) nay thuộc Tỉnh Kiến Hòa. Quê hương của Ông được nổi tiếng là xứ dừa và cùng với nó Ông đã nổi danh là Ông Đạo Dừa mà Ông cũng hiểu là Dừa nghĩa là làm vừa lòng các phe lâm chiến, các tôn giáo sai biệt để tạo lập Hòa Bình trường cửu cho Việt Nam. Vùng địa linh Kiến Hòa đã sản xuất nhiều bậc kỳ tài và anh hùng dân tộc như cụ Trương Tấn Bửu, Phan Thanh Giản, Nguyễn Đình Chiểu, Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương...

Kiến Hòa là Bến tre cũ, một tỉnh nhỏ xinh tươi, màu mỡ sung

túc, choán một phần đất phì nhiêu miền Nam Trung Châu Sông Cửu Long gồm ba cù lao lớn : Cù Lao Minh, Cù Lao Bảo và Cù Lao An Hóa được giới hạn, bao bọc bởi 4 nhánh của sông Cửu Long, đổ ra 4 cửa biển : Cửa Đại, Cửa Ba Lai, Cửa Hàm Luông, và Cửa Cỏ Chiên,

Kiến Hòa được ví như trái châu ở giữa miệng Rồng Vàng Việt Nam (tức Sông Cửu Long), dòng sông xuất Thánh mang hy vọng cho Việt Nam về một tương lai huy hoàng theo niềm tin của các tôn giáo mới xuất hiện tại Việt Nam cách nay trên dưới 100 năm như : Bửu Sơn Kỳ Hương, Cao Đài Phật Giáo Hòa Hảo, và Hòa Hiệp Tôn Giáo.

Ông sanh trưởng trong một gia đình sung túc, nho phong khả kính Thân sinh là một vị Cai Tổng cương trực, thanh liêm, nay đã quá cố. Thân mẫu theo Đạo Minh Sư (x) ăn chay, niệm Phật. Hiện bà còn mạnh giỏi, sống an lành bên đàn con cháu thanh bần tại Cồn Phụng.

Lúc thiếu thời Ông theo học trường làng, rồi Trường Taber ở Sài Gòn. Sau đó sang Pháp du học

(1) Đạo đời Minh trốn tránh nhà Mãn Thanh đến trú ẩn tại Việt Nam.

từ năm 1928 đến 1935 qua các Trường :

— Pensionnat des Lazaristes, Lyon,

— Saint Joseph et Sainte Marie, Caen,

— Jean Baptiste de la Salle, Rouen,

— Và Trường Cao Đẳng Hóa Học Rouen, trong 3 năm.

Ông trở về nước năm 1935 nhưng không đi làm việc cho Pháp.

Sau đó Ông lập gia đình. Ông có tính tình phóng khoáng, thích ngao sơn du thủy, và hằng ưu tư đến những đau khổ, bất công mà người nghèo yếu phải gánh chịu.

Nhận thấy cuộc chiến tranh Việt Pháp bị các cường quốc ảnh hưởng chuyển dần từ lãnh vực quốc gia, sang lãnh vực quốc tế trong bối cảnh tranh chấp ý thức hệ, Ông chủ trương tìm cách giải quyết vấn đề bằng đường lối dung hòa của tôn giáo chân chính.

Ông quyết định chọn con đường thực nghiệm tâm linh của Đạo Phật, mặc dù Ông đã giữ đạo Chúa suốt 7 năm ở Pháp. Đó là con đường khổ hạnh vô song :

— 26 năm, mỗi ngày chỉ độ một bữa Ngọ trưa.

— 24 năm không ăn cơm, không ăn các thứ bột, không ăn các thứ bánh, chỉ độ đồ giồng, trái cây không trồng phân hóa học.

— 22 năm không dùng muối, không dùng đường, không uống nước sông, không uống nước mưa, chỉ uống nước dừa Xiêm và nước mía, rửa dụng cụ và trái cây bằng nước dừa khô.

— 27 năm không ăn trái cây ngoại quốc như bôm, nho, xá lị... không dùng đồ hộp.

— 25 năm không tắm.

— 27 năm không uống thuốc, chích thuốc chỉ cả, tự trị bằng phép nhịn ăn và cầu nguyện.

— 13 năm tịnh khẩu liên tiếp (1946-1959) để tìm bí mật cơ Trời, nói chuyện với Tâm.

— Hiện nay Ông đang tịnh khẩu lại gần 3 năm (1970-73) và sẽ khai khẩu khi có Hội Nghị Hòa Bình Việt Nam tại Cồn Phụng do chính Ông làm Trung Gian Hòa Giải.

— 26 năm ngồi kiết già hoài không nằm.

— 27 năm chỉ có manh quần, tấm áo che thân.

— 22 năm cầu nguyện Hòa Bình.

— 22 năm, đêm đêm ngự lên Đài Cao ở giữa Trời cao 18 thước hoặc 24 thước, không màng sương gió.

— 20 năm tự tay làm lấy thức ăn, thức uống, Đại Cách Mạng Bản Thân.

— 1970-1973 : không ăn, chỉ uống nước trái cây.

— Hiện nay : 48 tiếng đồng hồ mới độ (ăn) một lần.

Do cuộc sống hộ hạnh và thánh thiện nêu trên, Ông đã tâm chứng được những huyền cơ của tạo hóa. Ông tuyên bố rằng : « Ông được Thượng Đế giao phó cho Sứ Mạng đem lại Hòa Bình cho Việt Nam và Thế giới. »

Ông chủ trương tất cả mọi người phải ăn chay trường để tránh tội sát sanh, tránh phóng xạ bom nguyên tử. Mọi người phải làm lành, lánh dữ, làm phước và siêng năng cầu nguyện, sám hối để được hòa bình bản thân, góp phần kiến tạo hòa bình cho dân tộc và nhân loại.

Đối với Ông, Tất cả mọi người đều là con chung của Đức Thượng Đế, không phân biệt giàu nghèo, màu da, chủng tộc, đảng phái, tôn giáo; các tôn giáo phải hòa hiệp với nhau để làm gương cho mọi người.

Từ năm 1958 đến 1973, 15 năm trường, Ông đã kiên nhẫn, trường kỳ vận động hòa bình. Không giờ phút nào là Ông không nhớ đến hai tiếng Hòa Bình mà ai có sống gần gũi Ông sẽ dễ dàng nhận ra điều đó. Ông là người hòa bình của tất cả người hòa bình trên trái đất. Ông đã bị nhiều lần vào tù ra khám cũng vì hai chữ hòa bình.

— Tù Việt Nam cộng Hòa 07 lần.

— Tù trung lập Miên 02 lần (1962, 1967)

— Tù Mặt Trận Giải Phóng, 40 ngày trong rừng núi cạnh Quốc lộ 9 (1966).

Hiện Ông đang bị quản thúc tại Côn Phụng hơn 05 năm (1957-73) và có lẽ kéo dài vô hạn định để giảm bớt những hoạt động hòa bình vị tha, bác ái của Ông cũng như tầm ảnh hưởng của Ông đối với quần chúng về một nền hòa bình thống nhất đất nước, sống chung đạo đức tinh thần. Tuy nhiên bá tánh thập phương nguyện mộ đức độ của Ông để vượt mọi khó khăn trợ ngại kéo nhau về Côn Phụng hành hương, thăm viếng và ngưỡng mộ Ông vô cùng đông đảo và nồng nhiệt.

Những nam tín đồ trẻ tuổi theo ông đã giúp Ông trong công cuộc xây cất cơ sở nguy nga, tráng lệ, uy— nghiêm bao hàm nhiều ý nghĩa Cơ trời, nổi tiếng tại Việt nam và Thế giới hiện nay. Ông không nhận sự trợ giúp dù nhỏ nhất nào của các cơ quan cầm quyền và chánh trị : Ông muốn đứng lên trên hết mọi thế lực để làm tròn Sứ Mạng Hòa Giải : — Tôn giáo của Ông không được chính phủ V N C H chính thức công nhận và cho phép hoạt động chính thức trên giấy tờ.

Với tình thương bao la sẵn có, Ông dung nạp tất cả chiến sĩ của hai bên đã từ bỏ chiến đấu để trở về với Đạo.

GIÁO LÝ TÓM TẮT CỦA ÔNG LÀ :

- 1— Trường chay giữ giới
- 2— Cầu nguyện sám hối
- 3— Làm lành, lánh dữ.
- 4— Làm phước, nhân nhĩn,
- 5— Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.
- 6— Tứ Ân, Hiếu Nghĩa.
- 7— Nguyên làm tội mọi đời đời
cho Phật Chúa chớ không làm tội
mọi cho chiến tranh.

II— Sơ lược đời sống tại Cồn Phụng.

Cồn Phụng là một trong những cồn đất nhỏ do phù sa tạo nên thuộc về hạ lưu sông Cửu Long nằm trên sông Cửa Đại, cách bờ biển độ 50 km, dài trên 2km và rộng trên 500m. Nằm giữa 2 tỉnh Kiến Hòa và Định Tường Cồn Phụng hợp cùng 3 cồn Long, Lân, Qui làm nên một nơi linh địa về mặt địa lý cuộc huyền bí Đông Phương. X m Trường chay, nơi Cư ngụ của tín đồ và Đền Cầu Nguyên Lộ Thiên, Hội Trường Hòa Bình Nam Quốc chiếm một khoảng 700 thước bề dài vừa trên đất vừa dưới nước ở về đầu Cồn hướng Đông. Đây là cơ sở hành đạo duy nhất của Ông sau khi một cơ sở khác của Ông tại Phước Thạnh bị chiến tranh phá vào năm 1965.

Đại Đức đến Cồn Phụng hẳn vào đầu năm 1964, một thiếu số tín đồ đã theo ông về đây. Trước năm 1964, Ông tu cùng gia quyến tại làng Phước Thạnh. Trước 1950, Ông đảm sương dãi nắng khổ hạnh tại Thất Sơn (Châu Đốc).

Tất cả tín đồ tại Cồn Phụng đều dề râu tóc, vấn khăn, mặc đồ dề may theo kiểu cổ phục Việt nam trước thời Pháp thuộc. Họ sinh hoạt bình thường, làm những nghề không phạm tội sát sanh như bán đồ ăn chay, đưa đồ, làm thợ xây cất, thợ máy, chụp hình, làm bánh kẹo... Họ theo dõi tin tức hằng ngày qua báo chí, radio, và rất hiếm vô tuyến truyền hình.

Họ ở trong túp lều nhỏ cất một mái ngán và một mái dài gọi là trại hầu hết đều bằng cây lá sơ sài.

Số tín đồ tại Cồn Phụng hiện nay ước độ 1.000 người nam phụ lão ấu, trong đó có 500 Ông Đạo trẻ tuổi.

Những tín đồ khác ở rải rác khắp nơi, họ không được thống kê chính xác và không được tổ chức chặt chẽ như các tôn giáo khác vì ông không có ý thu nhận tín đồ và tạo lập một tôn giáo mới. Ông chỉ muốn làm sáng tỏ lại những chân truyền của Phật Chúa và các vị giáo chủ khác đã bị lu mờ dưới lớp bụi thời gian. Ông khuyên nhà ai nấy ở, nấy tu, không cần phải đi nơi này nơi nọ cho tốn tiền xe và mất ngày giờ.

Ông cũng khuyên họ không nên tạo lập gia đình và sanh con cái trong thời kỳ chiến tranh để có đủ nghị lực và thì giờ làm việc và cầu nguyện cho hòa bình. Mỗi ngày tín đồ đi cầu nguyện tại đền cầu nguyện lộ thiên màu sắc tươi sáng được xây cất từ 1966, theo bốn thời chính :

- 1)— 6 đến 7 giờ sáng,
- 2)— 6 đến 7 giờ chiều
- 3)— 1g đến 1g30 trưa,
- 4)— 12 đến 1 g khuya.

và một thời phụ vào 9 đến 10 giờ sáng.

Họ cũng đọc kinh Thiên Chúa trước hang đá thờ Đức Mẹ và Phật Bà Quan Thế Âm mỗi sáng thứ bảy từ 5 giờ đến 6 giờ.

Đến viếng Cồn Phụng, người ta sẽ nghe những tiếng đại đồng chung làm bằng tấc đạn cả nong vang lên đều không bao giờ dứt suốt ngày đêm, Những tiếng chuông ấy được Ông so sánh như những tiếng súng hòa bình chống lại súng chiến tranh.

Hiện nay Ông đang xúc tiến việc biến chế một chiếc xà lan của quân đội Mỹ phế thải thành HỘI TRƯỜNG HÒA BÌNH NAM QUỐC NƠI mà Ông hy vọng sẽ triệu tập được cuộc Hội Nghị Hòa Bình mới cho Việt Nam tại Hội Trường ấy khi công việc xây cất hoàn tất trong vòng nhiều tháng. Công việc bắt đầu từ ngày 19.02.1972 và đã khánh thành vào ngày 06-9. 1972 do các tín đồ làm lấy.— Cũng như việc biến những tấc đạn đại bác thành chuông cầu nguyện Hòa Bình trước đây, Ông coi việc biến xà lan Mỹ thành Hội Trường Hòa Bình như là một nỗ lực đầy ý nghĩa trong việc hòa bình hóa chiến cù vạy.

Nơi đây, Cậu Hai tức Ông Đạo Dừa làm nơi cầu nguyện hòa bình và nơi tiếp du khách thập phương và tín đồ các tôn giáo.

Cồn Phụng hiện nay là trung tâm hành hương và du lịch của tỉnh Kiến hòa, Định Tường, các vùng lân cận và thủ đô Saigon nữa

KÉM ĂN MẤT NGỦ

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON

LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGŨA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

số 48/BYT/QCDP ngày 13-7-72.

Sáng tạo nơi đất mới

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Một người gốc miền Bắc hỏi tôi : « Anh có biết tại sao mà từ mấy trăm năm nay ở miền Nam có một hiện tượng khá lạ lùng là sự xuất hiện của những ông Đạo Kỳ khôi : Đạo Lết, Đạo Ớt, Đạo cấm khẩu, Đạo Lăn v.v... »

Quả sự kiện đó có xảy ra thật sự, tôi có nghĩ đến hiện tượng kỳ dị nói trên, có thử tìm biết, và nay nhận câu hỏi đó, chúng tôi viết ra thành bài những gì mình đã nghĩ thầm, chưa chắc là đúng sự thật, nhưng lối giải thích của chúng tôi không phải là đáng vứt đi hết.

Trước nhưt, tôi thấy hiện tượng đó không phải chỉ xảy ra ở miền Nam nước Việt, mà cũng đã xảy ra ở vùng Farwest của Huê Kỳ mà làm vị giáo chủ tự ban cho mình cái quyền ba bốn chục vợ, vào thời nước Huê Kỳ còn hỗn độn. Như vậy thì đó có lẽ là tình trạng chung ở các đất vừa được di dân đến khẩn hoang.

Con người luôn luôn thích sáng tạo, bất cứ ở đâu, mà như vậy là điều tốt, bởi thiếu sự ham thích đó thì nhân loại sẽ không tiến được. Nhưng đặc biệt lưu dân thì thích sáng tạo hơn hết, bởi họ thiếu những thứ cần thiết mà đất cũ thừa khả năng cung cấp cho họ, còn đất mới thì không.

Vua chúa ta cổ nhúng tay vào các đợt di cư vào Nam cách đây mấy trăm năm, việc tổ chức cũng có phương pháp phần nào, nhưng không làm sao mà chu đáo được như ý muốn và theo nhu cầu của di dân. Các đợt di dân hẳn là đi bằng thuyền, mà đó là thuyền biển. Thuyền đưa di dân vào xong là trở mui về Trung và Bắc (Vâng, chúng tôi có bằng chứng là có người miền Bắc lên Chúa Trịnh, tự động di cư vào Nam, vào thuở ấy, chứ di dân không gồm toàn người Trung như các cuốn sử thường viết).

Định cư xong, di dân bỗng có một nhu cầu bất ngờ : đây là xứ đầm lầy và chằng chịt sông ngòi, việc xê dịch phải ở Trung và Bắc, nhưng thuyền sông thì họ không có mang theo. Trong đám di dân chắc chắn là có thợ mộc, nhưng có lẽ không có thợ chuyên môn đóng thuyền. Vậy chính những bác phó mộc ấy phải đóng thuyền lấy, nhưng các bác không biết kỹ thuật của đất tò, bởi các bác là thợ làm nhà, làm bàn, ghế chẳng hạn, thành thử các bác, dầu muốn dầu không vẫn phải sáng tạo kiểu thuyền mới, không còn giống thuyền Trung Bắc nữa.

Đó là sáng tạo vì nhu cầu vật chất, mà không phải chỉ sáng tạo kiểu thuyền mà thôi, mà cả nông cụ, điền khí, y phục, cũng được sửa đổi khác hết, vì một lý do thứ nhì nữa chứ không phải vì quên kiểu mẫu cũ hoặc vì không thạo kỹ thuật cũ. Lý do thứ nhì đó quan trọng hơn nhiều : Đó là lòng ham thích sáng tạo.

Ở đất cũ không dễ gì sáng tạo đâu, *một là* vì người cũ thường cịn nguồn sáng kiến, *hai là* vì người chung quanh thủ cựu, không ưa các sự thay đổi nó làm xáo trộn thói quen của họ.

Thêm vào đó, một duyên cớ *thứ ba nữa*, thấy được trong việc sáng tác ca dao, tục ngữ và truyện cổ tích. Di dân không thể mang theo linh khỉnh đủ cả các vật dụng, nhưng ca dao, tục ngữ và truyện cổ tích thì họ mang trong lòng, không nặng tay, nặng vai ồm, vác, thế sao cái kho tàng ca dao, tục ngữ, cổ tích của dân tộc vốn đã đủ dùng, mà họ lại còn sáng tác, thêm để làm gì ? Ấy, khí hậu đã khác, khung cảnh cũng khác thì tình cảm của họ cũng thay đổi như nhân sinh quan của họ. Xin đương cử một câu ca dao để làm thí dụ điển hình. Về hôn nhân thì ca dao ở đất tở thường nói đến nộp thái, nộp treo, thường nói đến những nghĩ lễ phiền phức. Di dân quá nghèo, làm cô cộ ra đi một mình, đến nơi, họ không có cha mẹ để lo việc hôn nhân cho họ, đứng lễ nghĩ của dân tộc, chính họ lại chẳng có đồng xu dính túi để mà là xem cho được, nên chỉ :

*Thương em, lấy cặng anh quèo,
Thiên hạ có trách, anh nói đôi bạn nghèo với nhau.*

Lấy cặng mà quèo, chỉ là một lối nói, chứ sự thật không có xảy ra như vậy. Người đặt ca dao muốn nói rằng cô cộ tỏ tình trực tiếp với nhau, rồi ăn ở với nhau mà không có hôn lễ, vì thiếu rất nhiều điều kiện, mà cái điều kiện khách quan, không gây tổn kém, đôi khi cũng thiếu, đó là người sống chung quanh họ, bởi dân định cư không đông đảo lắm vào buổi đầu ; thường khi phải đi cả ngày mới gặp được một cái nhà. Như vậy, nếu cô cộ mà có tiền đi chẳng nữa thì cử hành hôn lễ chắc cũng chẳng mời được ai.

Tôn giáo là một nhu cầu, đối với dân chúng, ngang hàng với ăn và mặc. Và di dân đã tái lập tôn giáo. Họ làm đúng theo tục đất tở, khi nào họ làm được, thí dụ như việc thờ thần làng. Thờ thần làng là tôn giáo của một tập thể nhưng lại không cần cán bộ tôn giáo nào hết. Chính hào mục và dân chúng trong làng lo việc tế tự. Nhờ vậy mà họ biết làm và làm được. Họ cất đình rồi bắt đầu thờ phượng, cúng kiến ngay, đôi khi hai ba năm trước khi có sắc của nhà vua ở Huế ban cho làng họ một vị thần chánh thức, có tên họ, chức tước.

Về Phật giáo thì họ không thể làm như vậy được, vì Phật giáo đòi hỏi phải có cán bộ tôn giáo là các nhà sư. Vua chúa ta tở chúc di dân tuy có quĩ củ phần nào, nhưng không hề thấy tài liệu cho biết có đưa các nhà sư theo một cách đầy đủ như là vào cuộc di cư năm 1954, trong các nhóm giáo dân của đạo Ky Tô.

Làng mới lập nào cũng có đình, nhưng thiếu chùa, là tại thiếu nhà sư. Ngày nay, có nhiều người tu tại gia, không cần nhà sư, nhưng di dân không thể làm như vậy được. Người tu tại gia, toàn là người biết chữ, họ đủ tự lực mua sách để học

giáo lý, giáo điều, còn di dân địa số gồm những bản nông mù chữ thì thiếu chùa, thiếu nhà sư, họ không thể nhờ Phật giáo an ủi họ được. Nhưng họ lại cần Phật giáo hơn là sự thờ thần làng. Thờ thần làng là một tôn giáo của chủng Mã lai, chưa trưởng thành với giáo lý, giáo điều, thì không được may mắn tiến tới vì Đông Nam Á đã chung đụng với ngoại nhân rồi : Trung Hoa, Ấn độ v.v... người ta bận nghiên cứu tôn giáo của kẻ thắng trận của kẻ chiếm được ưu thế văn hóa nhờ những cuộc len lỏi khác hơn là chiến tranh, tôn giáo chánh của chủng tộc phải dừng chặn lại với một nhúm khái niệm còn quá đơn sơ, không thỏa mãn được nhu cầu tinh thần của những người ra đời sau năm 1 của Ky tô kỷ nguyên.

Trên đây là một nguyên nhân chánh của sự xuất hiện của các ông Đạo nhảy dù. Nhưng, như đã nói, toàn thể di dân đều không thạo giáo lý, giáo điều của đạo Phật, nên các ông Đạo nhảy dù ấy không thành nhà sư được. Chỉ nội danh xưng cũng đủ cho thấy họ là gì. Họ hành động theo đạo Lão phần nào, chứ không phải theo đạo Phật. Cán bộ của đạo Lão tự xưng là Đạo sĩ, họ tự là Ông Đạo. Ông Đạo tức là danh từ Đạo sĩ được Việt hóa theo văn phạm của ta vậy. Đạo Lão ở bên Tàu có tổ chức hẳn hoi, không phải ai muốn làm Đạo sĩ cũng được mà phải qua một thời gian học tập, trọ giáo và rất cuộc được tổ chức nhìn nhận mới có đủ thẩm quyền hành đạo. Ở xứ ta thì không, khác hẳn với Phật giáo cũng đã có tổ chức hẳn hoi rồi. Trong tình thế đó thì đạo Lão là một ngôi nhà mở cửa tự do cho bất kỳ ai muốn vào thì vào, và cho bất kỳ ai muốn làm gì thì tự ý mà làm.

Đạo Lão lại rất gần gũi với tôn giáo của các dân tộc mà ý niệm tôn giáo còn sơ khai : Tin tưởng vào một đấng tối cao nào đó, tìm cách liên lạc với đấng tối cao đó bằng sự cúng tế, bằng những lời khấn nguyện, thường là những bài hát có vũ kèm theo. Đạo Lão hơn các đạo sơ khai của các dân tộc khác ở cái điểm xem cuộc thế là phù du, tức có một nhơn sinh quan tế nhị hơn ; điểm thứ nhì là họ tìm cách luyện trường xuân và trường sanh, còn tôn giáo của các dân tộc sơ kém thì không có làm như vậy.

Vậy, một ông Đạo ra đời là có thể được dân chúng hoan nghinh ngay và các lễ sau đây :

1) Ông Đạo liên lạc được với đấng tối cao, với thần thánh thì có thể làm trung gian cho họ để họ xin xỏ điều họ cần.

2) Các ông Đạo không làm cho họ mệt trí vì những giáo lý sâu sắc, khó hiểu.

3) Không có một tổ chức kiểm chế, các ông Đạo có thể hành động đúng theo nhu cầu địa phương của từng làng. Các ông Đạo theo dân chứ không có bắt dân học Đạo. Đó là một cái gì rất là dễ nuốt trôi đối với những người chất phác và ít chữ nghĩa. Các ông tự do sáng tạo, vừa thỏa mãn sở thích sáng tạo của chính các ông, lại vừa dễ uốn nắn người địa phương mà tâm trạng đã được các ông biết rõ.

Có một số ông Đạo cũng tụng kinh gõ mõ, y như các nhà sư, nhưng thực chất của đa số ông Đạo là đạo sĩ của một thứ Lão giáo lai căng chứ các ông không hề là nhà sư.

Quả thực về sau (về sau ở đây, nên hiểu là sau năm 1650 lối năm bảy chục năm) có nhà sư thật sự, cũng bắt đầu tu ở các hang động như các ông Đạo, nhưng vào những năm đầu của cuộc di cư thì chỉ có những ông Đạo như vừa tả trên đây, những hạng ông Đạo này, cho tới ngày nay vẫn còn xuất hiện, vì dầu sao, cái miền Nam này cũng cứ còn là đất mới với tánh cách Farwest mà qui củ về mọi ngành hoạt động, từ vật chất đến tinh thần cứ còn lỏng lẻo.

Riêng các nhà sư, một vấn đề không dính líu với bài này, thì các vị cũng đã làm khác, vào thuở đó. Các vị lập giáo phái mới hẳn hoi, chứ không theo các giáo phái sẵn có ở Trung và Bắc, và vài giáo phái rất lớn vẫn còn tồn tại đến ngày nay và vẫn đứng vững thật mạnh. Trường hợp của các giáo phái Phật giáo minh họa thật rõ rệt mà chúng tôi trình bày trên kia : Sở dĩ ham sáng tạo của loài người và điều kiện giúp họ sáng tạo được, đó là sự tự do hành động ở một vùng đất mới, và lòng dễ dãi, không nệ cổ của di dân.

Các nhà sư không phải là các ông Đạo được nói đến trên kia, nhưng phải kể qua các vị, vì nhiều người lẫn lộn các nhà sư lập giáo phái mới với các ông Đạo. Sự lẫn lộn này, bắt nguồn ở cái điểm nhiều giáo phái mới đã làm những điều kỳ quặc, khiến họ không khác các ông Đạo một cách đáng kể. Nhưng nên biết những nhà sư lập giáo phái mới với những hành động kỳ quặc đều thất bại cả và họ thường biến mất đi, một cách không tên, không tuổi y như là các ông Đạo.

Theo cuộc nghiên cứu của ông H. Maspéro thì ngày nay ở bên Tàu, đạo Lão còn đầy đủ cán bộ và đền miếu y như cách đây hai ngàn năm, nhưng oái oắn thay, lại không còn người tín đồ nào hết. Họ sống bằng một cách vá vtu, nhưng có mà sống vậy thôi. Ta có thể đoán biết tại sao lại có tình trạng đó : là vì người Trung Hoa đã biết cần đến những giáo lý vững hơn nên chỉ có ba tôn giáo là thỏa mãn họ được : Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Một yếu tố ngộ nghĩnh và đặc sắc của Đạo Lão, đó là nhân sinh quan về sự phù du của cuộc thế thì đã bị trùng với nhân sinh quan của Đạo Phật Tiểu Thừa, và như là đã bị Nho giáo vay mượn mất rồi, mà Nho giáo thì lại thắng thế ở Trung Hoa, thành thử đạo Lão chẳng còn gì nữa để cho người Trung Hoa ủng hộ. Nhưng tại miền Nam của nước ta thì cho đến ngày nay các ông Đạo trên vẫn còn xuất hiện được, và đôi khi vẫn còn được sùng kính ở vài địa phương thì đủ biết tinh thần di dân còn sống chứ chưa chết hẳn. (Phụ chú : Hai tiếng Ngày Nay, của ông H. Maspéro nên hiểu rằng là vào năm 1935, chứ Ngày Nay thật sự, tức vào năm 1973 này thì không biết số phận của tôn giáo ra sao ở bên ấy vì chúng tôi không có tài liệu chính xác về Hoa lục từ năm 1950 trở về sau này).

Bài kệ của

Đại sư Mãn Giác đời Lý

TRẦN-TRỌNG-SAN

Theo Đại Nam thiên uyển truyền đăng tập lục, đại sư Mãn Giác là người hương An Cách, Lũng Triền. Họ Nguyễn, húy là Trường. Thân phụ là Hoài Tố làm đến chức Trung thư viên ngoại lang. Khi vua Lý Nhân Tôn còn làm thái tử, có chiếu vời con em các danh gia vào hầu. Nguyễn Trường vì nghe rộng, nhớ nhiều, học thông Nho Thích, nên được dự tuyền. Đến khi Nhân Tôn lên ngôi, ông được vua ban danh hiệu là Hoài Tín. Sau ông dâng biểu xin xuất gia, rồi trở thành lãnh tụ của Pháp môn một thời. Lý Nhân Tôn cũng Cảm Linh Nhân hoàng thái hậu lúc ấy vừa mới lưu tâm về Thiền học, bèn dựng chùa ở bên cung Cảnh Hưng, mời ông tới ở để tiện hỏi han. Khi nói chuyện với ông, vua không gọi tên mà thường xưng là Trường lão. Năm thứ 5 niên hiệu Hội Phong, đời Lý Nhân Tôn (1096), ngày cuối tháng 11, ông cáo bệnh, làm bài kệ bảo mọi người. Tối hôm đó, ông mất, thọ 45 tuổi. Xá lợi đặt trong tháp tại chùa Sùng Nham, hương An Cách. Vua ban sắc cho tên thụy là Mãn Giác.

Về sau các sách chép về đại sư đều xưng là Mãn Giác. Bài kệ « Cáo tật thị chúng » nguyên chép trong Đại Nam Thiên uyển truyền đăng tập lục, được Bùi Huy Bích tuyền trích vào cuốn Hoàng Việt thi tuyền nhưng bỏ chữ « kệ » đi. Có lẽ bản ý của họ Bùi là muốn người đọc lưu ý đến tính cách thơ của bài này hơn là mục đích thuyết lý của tác giả.

Nguyên văn bài kệ nổi tiếng đó như sau.

CÁO TẬT THỊ CHÚNG

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tòng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đỉnh tiền tạc dạ nhất chi mai.

Nghĩa là :

NÓI BỆNH, BẢO MỌI NGƯỜI

Xuân đi, trăm hoa rụng.

Xuân đến, trăm hoa nở.

Sự việc trải qua trước mắt,

Tuổi già đến từ trên đầu.

Chớ bảo rằng hễ xuân tàn thì hoa rụng hết,

(Hãy trông) trước sân, đêm qua, vẫn còn một cành hoa mai

Bài « Cáo tật thị chúng » gồm toàn hình ảnh, chớ không nói rõ ý như nhiều bài kệ khác, bởi vậy có thể có nhiều cách giải thích khác nhau, tùy theo cảm nghĩ của người đọc.

Trong cuốn Văn học đời Lý, ông Ngô Tất Tố viết :

« Bài này ý nói : Cảnh vật trong vũ trụ, phần nhiều là những huyễn tượng, không có gì vĩnh viễn. Giống như hoa với mùa xuân : mùa xuân hết, trăm hoa đều héo rụng ; mùa xuân đến, trăm hoa lại đua nở. Đời người cũng vậy. Những lúc tuổi trẻ, công việc hàng ngày hàng phút đi qua trước mắt, mình không để ý, cái già nó đã tiến đến ở trên đầu mình lúc nào : hễ khi xuân tàn, có bao nhiêu hoa đều phải rụng cả. Giữa lúc tiết trời giá rét, cây cối trơ trụi, mà đêm hôm qua, ở trước sân, một cành mai đã đương nở hoa kia kia. Những người tu hành đắc đạo được nên chính giác, có thể vượt ra ngoài cuộc sinh hóa của trời đất, cũng giống như cành mai ấy ».

Trong cuốn Văn học Việt Nam thời Lý, ông Lê văn Siêu viết :

« Cuộc sống vô thường ấy mà con người vô minh bám chặt lấy đề khở sở vì nó và tù túng vì nó, thì người đạo sĩ đã chỉ coi là một cái vô áo đề người ta thay đổi hoài hoài, giống như hoa với mùa xuân. (...) »

Trăm hoa tuy vẫn phải chịu theo luật vô thường đề thịnh suy như bóng chớp chiều tà, nhưng người tu hành đắc đạo được nên chính giác thì có thể coi mình như vượt được ra ngoài cuộc sinh hóa của trời đất, giống như cành mai trước sân đương nở hoa, khi cây cối đã trơ trụi với gió rét ».

Trong cuốn Hai trăm năm văn học nhà Lý, ông Phạm văn Diêu viết :

« Con người một khi gột rửa hết thảy mọi ý niệm lưỡng nguyên đối đãi, mà trở về thực sự tự nhiên, từ tâm hồn đến hành động đều vô

tư, vô chấp, vô cầu, không mảy may tham vọng cạnh tranh, thì tự nhiên Phật tính sẽ hiện hiện như có hoa nở tung, mặc cho gió rét khi mùa xuân trở về. Đó là cái triết lý được trong hình tượng cây mai trước sân nở hoa giữa cảnh cây cối bốn phương trời trơ trụi buổi tàn đông trong bài Cáo tật thị chúng của Mãn Giác thiền sư ».

Như vậy, theo các ông Ngô tất Tố và Lê văn Siêu, thì cảnh mai nở hoa tượng trưng cho « bậc tu hành đắc đạo được nên chính giác ». Còn ông Phạm văn Diệu thì cho rằng đó là hình tượng của Phật tính.

Trong các lời giải thích trên, dường như vẫn còn chứa đựng sự ngập ngừng, vướng mắc trong khi tìm hiểu ý nghĩa ẩn tàng trong hình ảnh « xuân đã tàn, hoa rụng hết, mà vẫn còn một cành mai nở ». Vì trong trăm loài hoa, chỉ riêng có mai chịu nổi « tiết trời giá rét » chẳng ? Nhưng phải chăng trời còn giá lạnh lúc « xuân tàn », tức là khi sắp sang tháng Hạ ? Còn như nói « khi mùa xuân trở về » hay « buổi tàn đông », thì thiết tưởng không có liên hệ gì với hai chữ « xuân tàn » trong bài thơ cả.

Tôi cảm thấy băn khoăn, thắc mắc nhiều mỗi khi suy ngẫm về hai câu cuối bài Cáo tật thị chúng của đại sư Mãn giác. Mấy tiếng « Nhất chi mai » gợi hình, dồi dào âm điệu, nhiều lần vương vấn, lần quất trong trí tôi, với « ám hương », « sơ ảnh » đầy thi vị trong những câu thơ vịnh mai nổi tiếng của Tàu mà tôi thường nhớ.

Tôi chợt nhận ra có thể quan niệm một cách giải thích khác cho bài kệ này, căn cứ vào tính cách dẫn khởi của lối diễn tả thường thấy trong kinh Phật.

« Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai.

Sự trục nhân tiền quá,

Lão tòng đầu thượng lại. »

Bốn câu trên trong bài Cáo tật thị chúng trình bày cái lẽ biến hoại của hết thảy sự vật trong giới hữu vi, như lời Phật dạy trong kinh Niết bàn : « Mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt (...) Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch, thật không có sự trạng ấy. » (Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật, Thích Minh Châu dịch, Đại Học Vạn Hạnh xuất bản, 1967).

Tiếp theo là hai câu :

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

« Xuân tàn hoa rụng, nhưng vẫn còn một cành mai. » Vì vận của bài thơ nên ở đây dùng chữ « mai », chứ thật ra không tất nhiên phải là mai, mà có thể là đào, lý hay bất cứ loại hoa nào khác. Cũng có thể là sở dĩ nói đến « mai » vì theo nhận định phổ thông từ trước đến nay thì mai là thứ hoa héo rụng sau chót, sau khi trăm loài hoa khác đều đã điều tàn. Hai câu này chỉ cốt gợi ra ý tưởng là có một cái tồn tại vĩnh cửu trong khi mọi cái khác đều biến hoại. Sau khi thấu hiểu được chân ý rồi thì không còn vấn đề hoa rụng và mai nở nữa, « Được ý, quên lời » (đắc ý vong ngôn), Thiền gia và Đạo gia đều chủ trương như thế. Như nhà thơ Đào Uyên Minh có câu :

« *Thử trung hữu chân ý,
Dục biện, dĩ vong ngôn.* »

Nghĩa là :

« Trong đó có ý nghĩa chân thực,
Muốn phân biệt nhưng đã quên lời. »

Cái tồn tại vĩnh cửu đó là gì ? Đó là lẽ « không » của nhà Phật. « Không » (sunya) là Tuyệt đối, nó nội tại trong hết thảy sự vật mà không thể định nghĩa, vì thế chỉ có thể diễn tả bằng cách dẫn khởi. Trong kinh Bát nhã, cách dẫn khởi được thực hiện bằng lối lý luận phủ định. « Mọi vật đều là không, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng khác, chẳng thêm chẳng bớt. » (Thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm). « Không vô minh, cũng không hết vô minh ; không già chết, cũng không hết già chết. » (Vô vô minh, diệc vô vô minh tận ; vô lão tử, diệc vô lão tử tận.)

Tóm lại, theo ý tôi, bài kệ Cáo tật thị chúng của thiền sư Mãn-giác nhằm diễn tả bằng hình ảnh cái lẽ biến dịch chi phối hết thảy sự vật, và trình bày bằng cách dẫn khởi cái lý « không » chân thường, huyền diệu của Phật gia.

Trước kia Ngô Tất Tố đã dịch bài kệ này ra thơ, theo đúng điệu của nguyên tác như sau :

*Xuân trối, trăm hoa rụng ;
Xuân tới, trăm hoa cười.
Trước mắt, việc đi mãi ;
Trên đầu, già đến rồi.
Đừng tưởng xuân tàn, hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một cành mai.*

Hôm nay tôi dịch bằng lối lục bát, là thể thơ tôi nghĩ rất thuận tiện cho việc dịch những bài thơ như bài này :

*Xuân đi, hoa cũng rụng rơi ;
Xuân về, hoa lại nở tươi trước nhà.
Sự đời vút mắt trôi qua,
Trên đầu thắm thoát cái già đến ngay.
Tàn xuân, chẳng hết hoa này ;
Đêm qua, sân trước, cành mai vẫn còn.*

Xuân Quý Sửu, 1973.

TRẦN TRỌNG SAN

Nhà thuốc PHƯƠNG - ĐÔNG

KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG TÂY Y-DƯỢC

THUỐC BÒ
NHẬT VÔ ĐỊCH

CHINOMOTO

Đã bán ra thị trường mấy chục triệu chai rồi.

Ai đã dùng qua đều công nhận là thần hiệu và vô địch

Do Dược sĩ ĐÀO-SĨ-CHU Thủ khoa Đại Học Toulouse và Paris tự tay bào chế với sự cộng tác của các phụ tá Nhật và Việt Nam Đông Dược : M. Yamada, M. Umeda ; Sơn Điền và Hà Nông.

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê-văn-Duyên Saigon

Điện thoại 20.832 và 20.277

UỐNG KHỎI CHÍCH

là tã, Kiệt ly — có đấm, mào

VEREX

NGƯỜI LỚN — CON NÍT

Số 47 300. 811 / 0.0.0.00-10-68

Văn đề Cơ Bút trong ***Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ***

TRẦN-VĂN-QUẾ

I— KHÁI QUÁT : Cơ bút hay thần cơ diệu bút là hai loại dụng cụ dùng để triệu thỉnh các đẳng siêu hình Thần, Thánh, Tiên, Phật.

1) **THẦN CƠ :** tức là một cái giỏ tre, hình tròn bề kính độ 2 tấc đến 3 tấc ; bề cao độ 2 tấc rưỡi có một cái cần dài độ 7 tấc hai. Đầu cần cơ có xoi lỗ để cắm một cây bút lông hoặc cây bút gỗ.

Thần cơ cũng gọi là đại ngọc cơ và phải được hai đồng tử, một đồng dương và một đồng âm, nương thì mới được.

Khi đại ngọc cơ được treo lên nóc nhà, và tự nó viết ra chữ trên giấy thì gọi là huyền cơ. Kết quả như thế rất hi hữu, chỉ có trong một vài trường hợp đặc biệt mà thôi.

2) **DIỆU BÚT :** Tức là cây bút bằng gỗ to độ bằng tay cái, bằng gỗ, sơn son thếp vàng. Đầu cây bút chạm búp sen. Bút cũng được gọi là thần bút. Bút được treo lên nóc nhà và viết ra chữ gọi là « huyền bút ».

3) SỰ XỬ DỤNG THẦN CƠ VÀ DIỆU BÚT :

Trước khi được xử dụng thần cơ hay diệu bút phải được xông trầm nhiều lần và được vị pháp đàn trấn thần cầu nguyện thì mới được hữu hiệu.

II— MỘT ÍT LOẠI THƠ TIÊN.

1) LOẠI THI TIÊN TRẢ LỜI MẬT KHẢI.

Thí dụ thứ nhất :

Trong mật khải (tờ sớ kín, đốt không cho ai biết) có bài thơ như sau :

Uất ức nên đây vấn Ngọc Hoàng,
Có đâu tiên phật xuống trần gian,
Bày trò mê tín lừa dân chúng,
Đáp dạng thơ đây một Ngọc Hoàng.

Thơ tiếp đáp lại :

Đáp lại lời thơ chính Ngọc Hoàng
 Đời tàn tiên phật học trần gian.
 Giác mê sanh chúng kỳ nguơn, hạ,
 Độ tận toàn linh lệnh Ngọc Hoàng

2) LOẠI THƠ HỌA VẬN

Cụ Cao Đoài Sang có làm bài thơ tự thuật như sau :

Sầu dài ngày vắng dễ chi vui,
 Toan tính thâu đêm ruột rối nùi,
 Ngược sóng thuyền đầy cơn gió dập,
 Xuôi dòng nước lớn giạt bèo trôi,
 Bước đường danh lợi thêm gay trở,
 Ngánh lối tang thương luống ngậm ngùi !
 Lăn lỵ xuân hè năm tháng hện
 Thơi thoi đến thế, thế thì thôi

Chợt lệnh cơ Đoàn ngọc Quế giáng cơ họa lại như sau :

Chung tình đoạn gánh khó làm vui !
 Lăn lữa chưa xong chỉ rối nùi,
 Lời hện xưa còn vắng nguyệt chứng.
 Hương thề nay thả giữa dòng trôi.
 Kim trôi cải rụng lòng ngao ngán !
 Đá nát vàng phai dạ ngậm ngùi,
 Một khối tuyền đài « tình khó dứt »
 Ráp gương kiếp khác quyết chờ thôi !

3) LOẠI THƠ TIỀN vừa cho biết tình hình nước Tàu vào khoảng 1929-1930 và đồng thời xưng danh bằng lối chiết tự như sau :

Trung quốc phân vân thập bát niên,
 Tôn Văn vô hệ thống dân quyền,
 Đại đồng trạch cử trung ương chủ,
 Tưởng Thạch hoành Khang thủ Nội Xuyên

Về ý nghĩa bài thơ cho biết tình hình nước Tàu từ năm 1911 đến 1929 với hai nhà cách mạng Tôn Văn và Tưởng giới Thạch. Đồng thời đức Lý thái Bạch xưng danh trong bài thơ ấy như sau :

Chữ thập bát là chữ « Mộc »

Chữ Tôn mà bỏ chữ Hệ thì còn chữ Tử. Chữ Tử hiệp với chữ Mộc thành chữ Lý.

Câu : Đại đồng Trạch cử trung ương chủ, chữ đạo mà có cái chấm ở trong là chữ Thái.

Chữ Thạch mà đem nét ngang vào giữa chữ Khâu có phết bên tả là chữ Bạch.

câu thơ : Trường Thạch hoành Khang thủ nội xuyên.

4) LOẠI THƠ TIỀN THỀ VÔ VI :

Đề ra gồm 16 chữ như sau : Kỳ ba Đạo chuyển cứu đời nguy, sửa thể thì, cơn thống khổ, trẻ nên ghi, được sắp làm hai bài thi thuận nghịch vô vi như sau :

I (Thuận đọc)

Kỳ ba Đạo mở cứu đời nguy,
Mở cứu đời nguy sửa thể thì,
Nguy sửa thể thì cơn thống khổ,
Thì cơn thống khổ, trẻ nên ghi.

II (Nghịch đọc)

Ghi nên trẻ khổ thống cơn thì
Khổ thống cơn thì thể sửa nguy,
Thì thể sửa nguy đời cứu mở,
Nguy đời cứu mở Đạo ba kỳ.

5) LOẠI THƠ THI CA HIỆN HÀNH

Thi

Hiện nay khắp cả quyết đua tranh,
Thân chết màng dẫu mẫn giết giành,
Vật chất tràn lan người biến đổi,
Khiến cho tai nạn cả nhưn sanh.

Ca

Cả nhưn sanh học hành chơn lý,
Rõ những điều đồ kị nơi tâm,
Ngày sau mới rõ cơ thâm,
Ngàn thu tự loại khỏi lăm gian nguy.

Thi

Gian nguy hết khổ đến thanh nhàn,
 Truyền bá Đạo Trời thế đặng an,
 Toàn cả Ngũ Châu đến bá phọc,
 Mới rằng Tồ quốc cả năm phang.

Ca

Cả năm phang được an hơn hờ
 Ngâm thái bình gặp thuở Thuấn Nghiêu,
 Nhà nhà no ấm đủ điều,
 Khỏi lo loạn lạc, mỹ miều nhà Nam

v.v...

6) LOẠI THƠ ĐIỀU VĨ TAM THANH

I Bài thơ của đức Phật Quan Âm cho :

Cuộc đời tàn tạ *môn môn mon*
 Công quả rắng lo *bón bốn bòn*,
 Giác mộng Nam Kha *tĩnh tính tình*
 Công danh phú quý *cồn còn con*
 Hồng trần chẳng nhiễm *nhe, nhè, nhẹ*.
 Chung đỉnh nặng mang *lớn, lơn, lòn*
 Hạnh phúc nghìn thu *hương, hướng, hưởng*,
 Tiếng chuông cảnh tỉnh *bốn, bòn, bon*,

II Bài thơ của đức Lý Thái Bạch cho :

Gió lườn thổi mạnh *rẽ rề re*
 Nhấp rượu ba ly *nhé nhẽ nhè*
 Thương thức chó đứng *qua, quá, quả*,
 Ném mùi cho biết *thè thề the*.
 Trăng soi chậu úp *ro, rò, rở*.
 Miệng túi càn khôn *xé xẻ xe*
 Kìa ánh bình minh *lơ lờ lộ*
 Nghiêng tai nghe Lão *khê khề khe*

7) LOẠI TRƯỜNG THIÊN QUÁN THỦ VÀ QUÁN TÂM ^{tiếp}
 được năm 1929 tại thánh tịnh An long hỏa tự

THI BÀI

Buổi thống khổ *Thầy* càng đau dạ
Khổ trần hồng *thương* đã biết bao ?
Nào nề *xót* bấy tâm bào,
Dân tình biến đổi *do* màu khó an
Lê Nguyễn *Lê* ngôi *vàng* vị báu
Đồ cơ đồ khai tạo *hồng* châu
Thán cừu *lạc* nghiệp là đâu ?
Thầy Khai Đạo chánh *chuyên* bầu càn khôn
Nọc chiếu diệu bảo tồn *đạo* đức,
Kinh Thầy ban diên xuất *mầu* vi.
Giải sâu *thương* trí tâm suy.
Nạn tai chịu buổi đời nguy *đạt* thành.

.
Con lo hành đạo con gần với *Cha*
Thức thế cuộc *chấn* thà thọ khổ
Tinh hồn dân *chịu* khổ đáo đầu
Tu lo tâm mới cao sâu
Hành y nghĩa vụ *trọn* câu Đạo Trời.
Mượn kinh sám dạy đời *mê* học,
Câu thánh ngôn lừa lọc *chi* con ?
Đạo khai khuyến *thế* vương tròn,
Đức tài lý *sự* kêu con *sưu* tâm.
Sửa sanh chúng nên tâm *đạo* đức,
Thành danh nên *con* dứt trái oan,
Nhà nhà lo gỡ *khổ* nàn,
Nam bang Đạo mô cứu toàn *hình* nhi,
Đời nhìn rõ nhiều khi lao lý
Tân nhơn loài xem kỹ *Ngũ* châu,
Thế tình nhiều nổi rơi châu,
Thời kỳ Thiên định thăm sâu đau thương !
Tam ngưng hạ chiến trường *bình* tướng,
Chuyên Đạo *mầu* tứ hướng ghê thay,
Giao dân sớm nề Cao Đài,
Rước đưa ai biết vì ai, đó người ?
Các thiên mạng dẹp đời *lợi* lộc,
Con hiền ôi ! Danh vọng mà *chi* ?

Hườn nguyên huyền dụng trí trí,
 Đáo hồi Bạch ngọc ai bì dóm gan ?
 Vị lai trí tận màn trần bề
 Xưa Giê giu chỉ thế cuối cùng
 Trần ai biến loạn nảo nùng.
 Gian nan cảm đến. Thiên cung xót lòng.
 Lắm cơn dạy chúng đồng biến cải,
 Lúc đáo đầu nhưn loại khổ mang.
 Nắng chang hỏa hải điều tàn
 Mưa dầm lấm buổi lụy trần hùng anh !
 Đâu có biết mở thành đại hội ,
 Bằng chi hằng nguồn cội Đạo lành,
 Cõi trần chơn bước gấp ghềnh,
 Phật đem lý chánh ai đánh bỏ qua.
 Sớm tỉnh liệu cứu Nhà Nam Việt,
 Trưa chiều lo chung hiệp quân linh.
 Thanh thao khuyên thế nhân tình,
 Nhân thân này bởi kiếp mình khéo tu.

Các chữ quán thủ và quán tâm trong bài trường thiên trên đây được sắp xếp thành bài trường thiên thứ hai sau đây :

- 1) Buổi khổ nảo dân lê đồ thán,
 Thấy Ngọc Kinh giải nạn chúng sanh,
 Kêu con thức tỉnh tu hành,
 Mượn câu đạo đức sửa thành Nhà Nam.
- 2) Đời tận thế kỳ tam chuyển giáo,
 Rước các con hườn đáo vị xưa.
 Trần gian lắm lúc nắng mưa,
 Đầu bằng cõi Phật sớm trưa thanh nhàn.
- 3) Thấy thương xót da vàng Hồng Lạc,
 Chuyển Đạo mẫu thương đặt cứu con,
 Sao con chẳng chịu lo tròn,
 Mê chi thế sự nên con khổ hình.
- 4) Nhìn Ngũ Châu đạo binh ghê gớm,
 Vì lợi danh trí dóm tận cùng,
 Biến thiên chủng loại hải hùng.
 Mở nguồn chơn lý cứu chung thế này.

Ngọc Hoàng Thượng Đế

Cương yền về Giáo lý

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

HÌNH PHƯƠNG CƯ SĨ

Cho đến nay, dù muốn hay không, Phật Giáo Hòa Hảo vẫn giữ một vai quan trọng trong xã hội Việt và đã có một địa vị tôn giáo vững vàng trong sự hiện diện giữa các tôn giáo trên thế gian. Bởi vậy người ta đã đua nhau tìm hiểu về tôn giáo này.

Một số người ngoại quốc, như Mi (Giáo sư A. Richard Gard; Tiến Sĩ Waltes Slote; Giáo Sư Milton Sacks...), Pháp (nhà văn Phitippe Devillers; Giáo Sư Maurice Durand (chết); Giáo Sư Georges Condominas...), Nhật (Bác sĩ Hisao Shoga; Giáo Sư Yotoumoto; Ông Makoto Snabuki...) đã viết hoặc đã diễn thuyết về Phật Giáo Hòa Hảo. Một số khác người Việt Nam, đã và đang làm luận án mà PGHH là trọng tâm nghiên cứu.

Vì vậy, đứng trên phương diện hoàn toàn khách quan mà nói, không bất cứ người Việt có chút học thức nào lại không cần hiểu biết về PGHH. Hiểu không chỉ để rộng tầm kiến thức mà còn hiểu để thu hái kinh nghiệm, trau dồi thân tâm và phấn khởi tinh thần quốc gia.

Phải thẳng thắn nhìn nhận rằng Phật Giáo Hòa Hảo là một Đạo Phật, không thể nào nói khác hơn. Bởi người khai sáng mối Đạo này, Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ, đã nhiều lần xác định :

Đạo vô vi của Phật ân cần

Nổi theo chí Thích Ca ngày trước.

Nhưng đó là một Đạo Phật đã được vị Giáo Chủ trong hiện tại làm một cuộc chỉnh Pháp lớn lao. Đã bác bỏ tất cả những thần khai tôn giáo nặng mang cuồng tín, mê vọng, mà dựng lại một nền đạo có lý trí, vững chắc trong suy tư và giản dị trong hành động.

I— Sự quy nguyên và canh tân trong P.G.H.H.

a) MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO PHẬT.

Như những người có nghiên cứu Đạo Phật đã rõ, mục đích của Phật là cắt đứt mọi khổ đau để mang đến cho mọi người một chân hạnh phúc. Đó là một lối sống, một con đường thực hành, không phải những lý thuyết vu vơ vô ích. Ngải nói với các đệ tử : « Dù cho thế giới này hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng, thì điều mà chúng ta phải nhận sự hiện hữu ở đời này là những khổ đau : Sinh, lão, bệnh, tử ».

Người ta sinh ra là để nhận chịu quả khổ. Sống ngày nào là khổ ngày đó. nhưng chết đi liệu có thoát khổ được không ? Phật bảo

rằng không. Vì chết đi sẽ lại đầu thai kiếp khác. Ngài đem thuyết luân hồi để chứng minh việc sinh tử, tử sinh không ngừng của con người lục Đạo.

Tại sao có luân hồi ? Bởi vì hành vi của chúng sinh trong kiếp này sẽ là nguyên nhân cho những việc xảy ra ở kiếp lai sinh. Đó là thuyết nghiệp báo.

Nếu muốn diệt khổ phải trừ nghiệp báo, vì nghiệp báo là gốc của luân hồi. Muốn dứt nghiệp báo luân hồi thì phải diệt vô minh (12 nhân duyên) và biết theo con đường chánh có tám nẻo ra (bát chánh đạo) mà đi đến nơi thành quả (*trí khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo*).

B) — Đạo Phật bị sai lạc

Giáo lý chân truyền của Phật như đã thấy, vốn rất cao thâm và thiết thực. Chính trong căn nguyên giáo điều của Phật trực tiếp nhiếp hóa, Phật không hề bảo ai tụng kinh, gõ mõ, bói quẻ, xin xăm... Nhưng về sau Đạo càng truyền đi, càng sai lạc. Người ta bày ra nhiều chuyện như hát Phật, chạy đàn... lắm kẻ còn bỏ tiền ra để làm những xá mã cho rằng những vật ấy có công năng bay được về trời mà thưa xin, cầu đảo phúc đức cho mình .v.v.. Tệ trạng này lan diễn khắp nơi trên đất nước Việt Nam.

C) — Đức Huỳnh Giáo chủ đã quy nguyên và canh tân Đạo Phật

Trước kia, Đạo Phật Việt Nam đã rục rở trên 300 năm trong tuổi

Lý, Trần ; về sau, đến đời Nguyễn khoảng 200 năm, lại dần dần rơi xuống chỗ tiêu trầm đọa lạc. Rồi đến hồi Pháp thuộc, đạo Phật cũng không được phát khai mấy chút.

Trước hoàn cảnh đó, Đức Huỳnh Giáo Chủ nhận thấy cần phải làm ngay một cuộc chỉnh lý đề quy nguyên Phật Pháp. Cho nên năm 1939, Ngài mạnh dạn đứng lên bài trừ tất cả những tệ đoan đã làm cho chính nghĩa Phật pháp bị mờ. Có thể nói đây là một cuộc cách mạng lớn trong đạo Phật. Những điều cải cách của Đức Giáo chủ PGHH có thể xếp thành hệ thống :

1 — Bài trừ dị đoan mê tín : đồng cốt, bóng chàng, xá mã, lầu kho, giấy tiền vàng bạc.

2 — Bỏ hẳn những nghi lễ phiền toái : thầy lễ, thầy cúng, gõ mõ, tụng kinh.

3 — Giản dị hóa việc thờ cúng : không vẽ hình, đúc tượng, chẳng cúng kiến chè xôi.

Công việc tu hành, theo Đức Giáo chủ, chỉ cần trau dồi trí tuệ, sửa tánh răn lòng, gần lành xa ác và luôn luôn niệm Phật chớ không cần khổ hạnh và cũng chẳng bày bố cho nhiều kẻ phiền toái.

Chẳng những đem đạo Phật trở lại cái bản thể thanh tịnh thuần túy mà thôi, Đức Giáo Chủ PGHH còn canh tân phương pháp tu hành. Ngài đã chủ trương không thờ tượng cốt mà đặt vào ngôi tam bảo

một bức trần màu dà hầu tiêu biểu tinh thần vô vi. Trước sân nhà mỗi tín đồ PGHH đều có dựng một bàn thông thiên làm nơi thanh tịnh tri niệm hầu cách cảm tứ phương. Lạy thì lật ngửa bàn tay chớ không lật sấp. Xá thì không chỉ xá ngay chính giữa Đức Phật Di Đà mà còn xá cả hai bên đề tỏ lòng sùng ngưỡng cả hai vị Quan Thế âm và Đại Thế Chí.

Theo tứ ân trong kinh điển cũ thì : ân phụ mẫu, ân quốc vương, ân tam bảo, ân chúng sanh. Vay trong căn bản giáo điều của PGHH được canh cải : Ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào và nhân loại. Người ta thấy sự thay đổi quan trọng ở ân thứ hai, từ chỗ tôn thờ quân quyền đã đổi sang khuynh hướng bảo vệ quốc gia dân tộc.

Ngài còn đem tinh ba Nho Giáo, Lão Giáo lồng vào Giáo Pháp để làm một sự tổng hợp trong Giáo thuyết PGHH.

II.— Sự tổng hợp tam giáo trong Phật Giáo Hòa Hảo

A)— Bản chất Đạo Phật trong PGHH

Đạo Phật từ Ấn Độ và Trung Hoa truyền sang Việt Nam. Tiều thừa Nam Tông từ dưới đi lên và Đại thừa Bắc Tông từ trên đi xuống. Hai ngõ đường không hẹn gặp nhau tại Nam Việt đề rồi ở đây, với pháp môn «Thiền Tịnh song tu» Đức Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo

đã qui nguyên và dung hóa cho cả hai dòng Pháp ấy không còn sự phân biệt Bắc Nam, và hai thừa cũng chỉ còn lại có một thừa hợp nhất. Đó là Phật thừa của Đức Thích Ca Mâu Ni, đạo giải thoát của đấng từ phụ.

Ngoài ra, người ta còn có thể ghi nhận thêm: bản chất Bi Trí Dũng, căn gốc của đạo Phật, đang được thể hiện trong Giáo thuyết PGHH đã không có tính cách đơn phương, vì nó được điều hòa tổng hợp với sắc thái nhập thế của Nho Giáo.

B)— Nho Giáo trong Phật Giáo Hòa Hảo

Dân tộc Việt Nam suốt hai ngàn năm nay đã thấm nhuần Nho Giáo trong nếp sống và nếp suy tư. Tinh thần Nho Giáo thường biểu lộ trong phong tục và tập quán, sinh hoạt hằng ngày của con người. Do đó mà dùng Nho Giáo đi vào đạo Phật tức là đi từ bậc thấp đến bậc cao, từ quen đến lạ, từ gần đến xa, ấy chính là dụng ý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, khi Ngài rút tia tinh hoa Nho Giáo tô điểm cho giáo thuyết của Ngài được phong phú và thích thời.

Phương pháp diễn dịch của Ngài cũng chú trọng vào tinh thần Nho Giáo nhằm giúp cho dân chúng mau hiểu, dễ cảm thông, khi nêu ra những mẫu người quân tử hiền nhân, tượng trưng cho tinh thần sĩ phu Việt Nam tích cực nhập thế để đem tài đức ra phục vụ xã hội và đặt trí tang bồng.

Chỉ quân tử lòng như vận đại.

Đốc làm sao rõ mặt tang bồng,

Nghiêng hai vai gánh nặng
non sông,

Vót trăm họ làm than bề khổ.

Qua sắc thái nói trên, chúng ta thấy tinh thần Nho Giáo tượng trưng cho bước đầu của chương trình tu thân trên con đường «Học Phật Tu nhân» trong giáo lý PGHH. Tinh thần ấy hướng về nội tâm thì tu sửa con người, hướng ra ngoài giới thì tích cực phục vụ, nó thể hiện qua bản chất sống chết coi thường, xung phong can trường, sắt đá chịu đựng của các tín đồ PGHH trong nhiệm vụ lo đạo giúp đời, hy sinh vì tổ quốc dân tộc, ngoài tiền tuyến cũng như ở hậu phương.

C) — Lão giáo trong Phật Giáo Hòa Hảo

Tuy tích cực tham gia vào việc đời, sờ mó mọi khía cạnh đề chân thiện mỹ hóa mọi khía cạnh của cuộc đời, người tín đồ PGHH chân chính lúc nào cũng không được quyền đề cho cân, đai, mào, miện buộc ràng, tự dìm mình trong tham, sân và danh lợi.

Tinh thần vô vi phóng khoáng của Lão giáo lại có dịp được thể hiện trong tư tưởng và hành động của người tín đồ P.G.H.H. ở mỗi trường hợp, mọi giai đoạn. Người tín đồ P.G.H.H. luôn luôn giữ thái độ điềm đạm, bất khuất và vô vi «Bởi ta không tranh, nên không ai tranh lại ta». Thảnh như có vì

nghĩa vụ cứu đời mà phải xông xáo vào cuộc đời, thì cũng với tinh thần bất vụ lợi danh, với một nếp sống an nhiên phóng khoáng, không xa rời bản chất tự nhiên.

Do đó mà Giáo lý PGHH với sự hòa đồng Phật, Khổng, Lão tạo ra một tác phong đặc biệt : tích cực tu sửa thân mình, làm tròn nhiệm vụ con người trong hiện tại, rồi sau đó mới giải thoát cho mình và cho nhân loại chúng sanh :

*Muốn về cõi Phật lập thân
cõi trần.*

III — Giáo lý học Phật tu nhân.

Đã biết qua về sự tổng hợp Tam giáo trong Giáo thuyết PG-HG, tưởng cũng nên thuyết minh về Giáo lý học Phật tu nhân mà các tín đồ Đạo này đang thường hành,

Đức Huỳnh Giáo chủ có dạy :

Tu đền nợ thế cho rồi,

*Thì sau mới được đứng ngồi
tòa sen.*

*Tu đền nợ thế là bốn phần
tu nhân, còn đứng ngồi tòa sen
là đạt được quả vị Phật. Bởi vì
muốn thành Phật, trước phải tu vẹn
đạo làm người.*

A — VỀ HỌC PHẬT.

Song song với công việc tu nhân, người Phật tử phải luôn luôn

trau giòi phước huệ đề chống gần được đạo, đề tỏ ngộ bản tâm, lần đến giải thoát.

Trong việc tu phước, Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên : «*Cái hành đạo đúng theo ý nghĩa xác thực của nó là làm thế nào thực hiện những đức tính cao cả bằng mọi biện pháp đem lại phúc lợi cho toàn thể chúng sanh. Đó là sự thỏa mãn trong đời hành đạo của mình.*».

Còn về tu huệ, tức phải trau giòi trí huệ cho tinh minh, vệt sáng màn vô minh che mờ căn trí, có thể khiến ta mãi mãi lộn trong bể trần thống khổ. Mà muốn cho trí huệ tinh minh, đắc thành đạo quả, ta phải gồm tu hai phép Thiền, Tịnh, tức là vừa trì hành quán tưởng, vừa tịnh niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, hầu có lạng lòng mà ngộ Đạo.

B) — Về tu nhân

Muốn thành bậc giác ngộ, trước phải vẹn đạo tu nhân. Mà trong phép tu nhân, Đức Giáo Chủ dạy tín đồ của Ngài phải biết cách xử thế tiếp vật và đền đáp từ ân.

Trong Sấm Giảng của Ngài, Đức Giáo Chủ đã dạy phải tu nhân xử kỷ cho vẹn toàn. Nào cách ở ăn với xóm giềng, việc xã giao trong hương đảng, nào tình bè bạn, nghĩa thầy trò, đạo chồng vợ.v.v.. Ngài đã quan niệm một xã hội an lạc tại thế gian, một xã hội mà trong đó toàn là con người chân

thật với sự phát triển tốt độ của thân tâm,

Còn về tứ ân, đó là *ân từ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào và nhân loại.*

Không đền ân từ tiên cha mẹ thì làm sao báo được chữ hiếu, không báo vệ quê hương thì làm sao đền được cái nghĩa tấc đất ngọn rau, không tri ân tam bảo sẽ không xứng đáng là Phật tử vì uống nước phải nhớ nguồn, bởi vì có Phật, Pháp, Tăng, người Phật tử mới có cơ duyên tu học, và sau rốt, nếu không biết ân đồng bào nhân loại thử hỏi ta có thể sống lẻ loi một mình mà không nhờ sự giúp đỡ của những kẻ chung quanh được không ? Cho nên người tín đồ nhà Phật phải cố gắng làm tròn được bốn ân đó.

IV— Tư tưởng cách mạng trong Phật Giáo Hòa Hảo.

A— TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG THOÁT THAI TỪ PHẬT GIÁO.

Khi chủ trương đem Đạo Phật nhập thế gian, tỏa rộng vào đại chúng và khi quan niệm Đạo Phật yêu đời chứ không chán đời, Đức Huỳnh Giáo chủ đã đưa ra một khía cạnh trọng đại về nhân sinh quan :

— Phật đạo vị nhân sinh.

Ngài chủ trương dùng đạo Phật làm căn bản tư tưởng cho mọi

hoạt động cách mạng, xã hội, chánh trị, văn hóa.

Về quan điểm chánh trị, năm 1946, Đức Huỳnh giáo chủ đã tuyên bố :

« Tôi tin chắc rằng Giáo lý giải thoát chúng sanh chẳng những được truyền bá ở thiên lâm mà còn phải thực hiện trên đường chính trị ».

Quan điểm quần chúng của Ngài đã được bộc lộ trong một bài phỏng vấn năm 1946 :

« Đức Phật Thích Ca là một nhà cách mạng triệt để về tư tưởng, lấy chủ nghĩa từ bi bác ái đại đồng đối với tất cả chúng sinh làm nền cốt. Nếu trong cõi nhân gian này còn có chúng sanh tiền tiến áp bức chúng sanh lạc hậu thì là một việc trái hẳn với những giáo lý chân chánh ấy ».

Dưới nhơn tuyến đó, hiện ra đám chúng sanh vừa mang nặng cái khổ cá nhân do chính họ tạo ra, và cái khổ tập thể do ngoại cảnh gây nên dưới các hình thức áp bức bóc lột ; chúng sanh mạnh hiếp chúng sanh yếu, nước lớn thống trị nước nhỏ. Vì thế mà trong giáo lý PGHH xuất phát một chủ trương cách mạng toàn diện :

- Cách mạng đạo đức
- Cách mạng xã hội
- Cách mạng quốc gia

Tạo nên một ý thức hệ, kết tinh thành đường lớn rõ rệt là :

★ Chống vô thần để bảo vệ tín ngưỡng.

★ Chống độc tài và bất công để bảo vệ lý tưởng Dân Chủ và xã hội.

★ Chống xâm lược để bảo vệ tồ quốc.

B) — Chủ trương Dân Chủ xã hội.

Trong tất cả những cơ cấu chính trị của Đức Huỳnh giáo Chủ đã lập ra trong quá trình PGHH, đáng kể nhất là Việt Nam Dân chủ xã hội Đảng, thành lập ngày 21-9-1946.

Nhận định của Ngài là nếu chỉ nói đến giải phóng dân tộc mà không có một chương trình cải tạo xã hội thì sứ mạng của người hành đạo chưa hoàn tất : Chủ nghĩa Quốc Gia sẽ trở nên trừu tượng, nếu đánh đuổi thực dân rồi mà chúng sanh vẫn còn lâm than đói rách hay nhân dân vẫn còn bị dưới gót sắt một chế độ độc tài. Như thế thì cuộc cách mạng dân tộc chỉ có nghĩa là dịch chủ tái nô mà thôi.

Xuất phát từ những ý thức trên chương trình hành động của Việt Nam Dân chủ xã hội Đảng nặng về phía cải tạo đời sống nông thôn, và có hai khẩu hiệu chánh biểu thị cho chủ nghĩa :

- Toàn dân tham chính.
- Toàn dân sản xuất.

— Toàn dân tham chính là thực hiện dân chủ, và không chấp nhận bất cứ hình thức độc tài nào.

— Toàn dân sản xuất là bất cứ ai cũng phải sản xuất, không thể có sự kiện kẻ ngồi không sống bằng bóc lột sức lao động của những kẻ khác. Như thế mới hợp với tính chất bình đẳng của Đạo Phật.

Chương trình Dân chủ xã hội của Đức giáo chủ còn gồm có 6 chương : Chánh trị, kinh tế, xã hội văn hóa, thanh niên và quân sự, nhưng vì phạm vi chật hẹp của đề tài, chúng tôi không tiện giảng ra đầy đủ.

V— Tinh thần dân tộc trong PGHH.

A— BẢO TỒN NỀN NẾP DÂN TỘC.

Sản sanh từ lòng đất mẹ, nền Đại Đạo PGHH tuy bắt nguồn từ Giáo lý căn cốt của Đức Thích ca, trang điểm thêm bằng tinh ba Khổng, Lão, nhưng sắc thái và tinh thần của đạo vẫn là sắc thái, tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Quan niệm Tiên Rồng vốn có từ ngàn xưa, đã vun quén chẳng ít cho tinh thần dân tộc, khiến người Việt, từ lâu, biết sống trên cái bản ngã đặc biệt, rất đáng lấy làm tự hào, thì Đức Huỳnh Giáo chủ luôn luôn tiếp tục phát dương cái quan niệm đó không cho mất mát, phai mờ, Ngài có nói :

Thần rún sức ra công khuyến đồ,

Gìn thuần phong mỹ tục Rừng Tiên.

Hoàng khai chánh pháp giữa thời kỳ mà quần chúng quá ư đọa lạc bởi sự cám dỗ của vật chất văn minh. Đức giáo chủ cũng rất lưu tâm đến việc bảo tồn nền xưa nếp cũ. Những gì lỗi lằng, phiền phức, làm trở ngại cho việc tu học và sự tiến bộ Quốc gia, Ngài đều khuyến nên gạt bỏ. Nhưng những gì đáng gọi là thuần phong mỹ tục, cần gìn giữ cho khỏi mất nòi, Ngài hô hào nên theo. Ví như tục lệ thờ cúng tổ tiên, sùng phụng các anh hùng liệt nữ là tục lệ tốt, Ngài luôn luôn ca ngợi và khuyến khích tri hành.

Chẳng hạn .

Thường nguyện cầu siêu độ tổ tông.

Với bá tánh vạn dân vô sự.
Hoặc là :

Tử vì nước còn ghi linh miếu,

Thác vì đời thanh sử danh bia.

Ngài còn nuôi dưỡng tinh thần quốc gia bằng cách kêu gọi mọi người tích cực bảo vệ tổ quốc, tránh gây tổn hại cho đất nước và nhất là đã tìm mọi cơ hội đề đánh thức người đời trong khi họ đang ngủ quên theo số phận của người dân bị trị.

B)— Sấm Giảng với đặc tính dân tộc

Trong Sấm Kinh PGHH, nhan nhản những tính chất dân tộc. Nội cái giọng đọc của những câu kinh, cũng là cái giọng thâm trầm tha thiết của tinh thần dân tộc Việt Nam rồi.

AI có về miền Tây (Nam phần Việt Nam) qua các Độc Giảng Đường, hoặc từng theo dõi những buổi phát thanh PGHH trên các đài vô tuyến truyền thanh và truyền hình Việt Nam, sẽ được nghe những giọng ngâm đặc biệt đó. Nó tha thướt, trầm trầm, dễ khơi gợi cảm xúc cho người nghe và dễ làm người ta thấm thía đến cảm thông ý nghĩa của câu văn phổ diễn.

Bởi nguồn văn chương lưu loát với đầy tính chất dân tộc (các thể văn, vẻ, nơi thơ phối hợp nhau) mà nhiều người đã tin rằng trong tương lai, Sấm Kinh PGHH phải có một địa vị xứng đáng trong văn học sử Việt Nam.

C)— Dân tộc nhưng đại đồng

Mặc dầu ta thấy giáo lý PGHH có bảo tồn cò tục, có bảo vệ quốc gia, có hưng truyền đạo cũ và có trị thủ những lẽ lối thi ca căn cốt của giống nòi, nhưng bảo tồn cò tục không có nghĩa là nắm giữ tất cả những hủ tục, cũng như bảo vệ quốc gia đâu cứ phải là bài ngoại, bế quan : chính những nghi lễ rườm rà bề bộn, làm tốn kém và mất thì giờ, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã quả quyết cắt rời khỏi đạo và những điều gì mới mẻ mà

hay ho, không phải là căn bã của văn minh vật chất, không làm trở ngại cho bước tiến của quê hương, Ngài đều công nhiên thừa nhận.

Thật ra, có vô số bằng chứng đề nói lên cái tinh thần mở rộng sự hòa hợp, cái tinh chất muốn vươn lên cho vượt được thời gian và không gian trong sấm kinh PG. HH. Chính Đức Giáo chủ đã thổ lộ lòng khát khao cho con dân đất Việt chóng lên đến chỗ thế giới hợp quần :

Đem nguồn sống mới cho nhân loại.

Đề tiến tiến lên cõi đại đồng.

KẾT LUẬN :

Nhìn qua những nét chính trong Giáo lý PGHH trên hai triệu người dân Việt nam đã đặt trọn niềm tin tưởng và quy hướng theo đề tu trì.

Với tính chất một Tôn giáo vị nhân sinh, người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã vào đời đề hòa mình với đời hầu chung sức xoa dịu mọi khổ đau của con người, đề hướng dẫn nhau trên đường cùng tu cùng tiến theo ánh từ quang của Đấng Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Chúng tôi tin tưởng rằng với tính chất vừa nhiệm mầu vừa thực tế, Giáo lý này trong tương lai sẽ có thể góp phần giải quyết được những mâu thuẫn lớn của chúng sanh hiện đang lún ngập trong bể trầm luân đau đau thương khổ lụy này.

HÌNH PHƯƠNG CƯ SĨ.

Thử tìm một phương pháp đề khảo sát về **LÃO GIÁO**

Nguyên tác : MICHAEL SASO

NGUYỄN-VĂN-THỌ dịch và chú giải

Sự khảo sát về Lão Giáo gần đây đã trở nên thông thường đối với những học giả đã từng sống một thời gian trong những cộng đồng Hoa Kiều tị nạn ở Đông Nam Á. Những lễ nghi rườ rĩ và bình dân của các đạo sĩ với vai trò mà chúng đóng góp trong đời sống đạo giáo của các cộng đồng Hoa kiều, đã khiến các học giả phải chú tâm, mặc dầu họ ở Á Đông chưa được là bao. Những lễ nghi đạo Lão cử hành nơi miếu mạo, hay tại tư gia, mới nhìn, ngỡ giản dị, nhưng nếu đi sâu vào cơ cấu và nội dung chúng, ta sẽ thấy chúng hết sức phức tạp. Dầu một lễ nghi đơn giản nhất cũng liên quan đến công phu tu luyện nội đan, chuyển khí, điều tức, hô thần, kiến thần, chiêm bốc, cho nên nếu không biết nhiều bộ môn học thuật, sẽ không đủ khả năng phân tích và hiểu biết. Vì thế, thiết tưởng cũng nên phác họa ra một vài tiêu chuẩn đại cương, khả dĩ giúp ta khảo về lễ nghi đạo Lão. Đó chẳng qua là khởi xướng ra một phương pháp khảo cứu trong một lãnh vực còn hoang sơ, chưa có gì để giúp các học giả khảo sát về lễ nghi Lão giáo, một vấn đề gian nan, mơ hồ, thiếu điều.

Trước khi vào chủ đề, tôi muốn lưu ý độc giả đến ít nhiều cạm bẫy và khó khăn trên con đường tìm hiểu Lão giáo về phương diện nghi lễ cổ truyền. Đầu tiên và hết sức quan trọng cần xin lưu ý là : các đạo sĩ, cũng như những người hành nghề gia truyền rất ghét tiết lộ bí quyết sinh nhai của họ. Về điểm này, các đạo sĩ hoàn toàn giống thầy lang Tàu, người thợ may, hay người bán đậu hủ. Họ chỉ truyền bí quyết cho con cái hay cho những đệ tử đã vất vả nhiều năm để phục vụ thầy. Một học giả trẻ măng và háng hái vừa mới ra trường mà muốn vào đời đề khảo về Lão giáo cũng y như một cô cậu học sinh, vừa hết tiểu học, đến xin việc với ông thợ mộc. Một đạo sĩ thường bắt đầu học nghề từ năm 10 hay 11 tuổi, và có chút chút, thì cũng phải vào khoảng 30. Cho nên, muốn khảo cứu về Lão giáo, cần phải được chuẩn bị kỹ càng, nhất là cần phải đọc thực nhiều kinh sách trong Bộ Đạo tạng (1) và hiểu biết những nghi thức có liên quan đến một cuộc hành lễ đạo Lão. Ta có thể lấy nghi lễ công giáo mà so sánh. Nghĩa là (nếu chúng ta không có chuẩn bị mà khảo về lễ nghi Lão giáo) thì chẳng khác nào vào nhà thờ Công giáo lần đầu tiên, mà muốn khảo sát về lễ Mi-sa công giáo, khi chưa hề hiểu chút gì về những nghi thức phức tạp do vị linh mục cử hành. Một học giả, trước khi vào đời đề khảo sát về Lão giáo, cần phải thuộc những tiết mục dạy về lễ nghi Lão giáo trong bộ Đạo tạng, mà lát nữa tôi sẽ bàn tới.

(1— Đạo tạng là toàn thể thư tịch Lão giáo. Tất cả có 1464 bộ. Mỗi bộ gồm từ 1 quyển đến 300, 400 quyển.

Điểm thứ hai cần lưu ý trước khi vào chủ đề, là đạo lão có rất nhiều môn phái trong toàn cõi Á Đông và Đông Nam Á. Một học giả tường thuật về một lễ nghi đạo lão đã được cử hành: thế này thế kia, có thể bị một đồng nghiệp phản đối, vì chính họ đã thấy một nghi lễ cũng trùng tên như vậy, mà đã được cử hành cách khác, ngay ở làng bên, ví dụ có môn phái, khi muốn phong chức, thì bắt người sắp được thụ phong phải leo lên một chiếc thang guơm 36 bậc. Phái *Chinh Nhất* (Cheng I) tức là phái « Chân truyền » thì lại cho nghi lễ này là tà, là nhảm. Các môn phái *Lư Sơn*, quảng khân đồ thì chỉ dùng nghi lễ trên, làm trò cho dân chúng xem trước các cửa đền, cửa phủ mà thôi. Thực ra, lễ phong chức chân truyền hết sức là trang nghiêm, theo đúng nghi-lễ, ghi trong sách của phái *Long Hồ Sơn* (Lung-hu-Shan) mà đến nay, nhiều miền ở Đài Loan, trung thành với truyền thống, vẫn còn giữ. Vì thế nên một học giả cần phải biết lai-lịch các môn phái lão giáo, và không nên mô tả xuống những hình thức lễ nghi bên ngoài, vì đó mới chỉ là một phần nhỏ nhoi của toàn cục, mà cần phải biết những điều tâm niệm bên trong, diễn biến song song với các nghi lễ cử hành bên ngoài. Chính những điều tâm niệm ấy mới giúp ta đoán định được sự linh ứng của lễ nghi.

Sau hết, cần phải bàn qua về hai chữ *Chinh* (Cheng) và *Tà* (Tà là tiêng, khinh mà môn phái này thường dùng để chê nghi lễ môn phái kia). Chữ *Chinh* (Cheng) thực ra là dùng để chỉ những nghi lễ làm theo đúng nghi thức chân truyền

LÝ-KIỆT chia Đạo tạng thành 12 tiểu mục sau đây :

1) — Bản văn (*les textes fondamentaux*). — 2) — Thần phù (*Les formules efficaces*). 3) — Ngọc quyết (*Les commentaires et amplifications*). — 4) — Linh phù (*Les graphies efficaces, diagrammes, dessins*). — 5) — Phả lục (*Histoires et traditions*). — 6) — Giới luật (*Morale et ascétisme*). — 7) — Uy nghi (*rits*). — 8) — Phương pháp (*pratiques, manipulations*). — 9) — Chứng thuật (*diététique, alchimie, astres, nombres, etc...*). 10) — Kỳ truyện (*mythologie, légendes*). — 11) — Tán tụng (*liturgie, hymnes, adresses*). 12) — Biếu tấu (*documents, pétitions aux empereurs, édits reçus d'eux, etc.*) (Xem *Lý Kiệt*, *Trịnh Vĩnh Tường*, *Mạnh Chi Tài*, *Đạo tạng mục lục tường chú*, năm *Đạo Quang* thứ 35 (1845), và *Wieger*, *Taoïsme Tome I* p. 23)

TRỊNH TIÊU (thế kỷ 12) đã chia Đạo Tạng thành 25 tiểu mục sau đây :

1) — Lão tử 1) — Trang tử 2) — Chu tử 4) — Âm phù kinh 5) — Huỳnh đình 6) — Tham đồng khế 7) — Mục lục (*les catalogues*) 8) — Truyện (*les légendes*) 9) — Kỳ (*les histoires*) 10) — Luận (*les dissertations*) 11) — Thư (*les graphies*) 12) — Kinh (*Les textes*) 13) — Khoa nghi (*Disciplines et rites*) 14) — Phù lục (*formules et talismans*) 15) — Thở nạp (*Aérolthérapie, photolthérapie*) 16) — Thái tức (*Entre-tien du Principe vital*) 17) — Nội quan (*Soin paticulier*) 18) — Đạo dẫn (*Massage*) 19) — Tịnh cốc (*Abstinence*) 20) — Nội đan (*Cures morales*) 21) — Ngoại đan (*cures chimiques*) 22) — Kim thạch dược (*médecine et pharmacie*) 23) — Phục nhĩ (*diète des candidats à l'immortalité*). 24) — Phòng trung (*Hygiène sexuelle*) 25) — Tu dưỡng (*Hygiène physique et morale*, (Xem *Léon Wieger Taoïsme Tome I, Bibliographie générale*, p. 24).

có ghi trong Đạo-tạng và được gọi là Khoa nghi (K'o-i), cùng với những bộ pháp, ấn quyết, phù chú, sách văn, lưu truyền từ xưa, và đến nay vẫn còn là phần căn cốt, chính yếu của Lão giáo. Chữ *Tà* (Hsieh) được áp dụng cho 1) những lễ nghi không theo chính truyền Lão giáo, nhưng đã được các pháp sư dùng trong các lễ bình dân. 2) những nghi lễ cũng mang danh là *Khoa-nghi* (Ko-i) nhưng thực ra có một nội dung khác hẳn với nghi lễ chính truyền. Như phái *Thần Tiêu* (Shen hs'ao) làm các lễ có tên đúng với truyền thống, (như lễ *Tảo chiêu*, Tsao Ch'ao) nhưng có một nội dung hoàn toàn khác với các bản văn chân truyền. Theo nghĩa thứ nhất trên, thì lễ trèo thang gương 36 lưỡi, hay lễ trừ ôn (dã vương bàn) là tà, vì đã vay mượn nơi các đạo khác trong dân-dã và cho du nhập vào Lão-giáo. Theo nghĩa thứ hai, thì các lễ của phái *Thần Tiêu* (Shen-hsiao) cũng là tà, vì tuy tên lễ giống với truyền thống, nhưng nội dung thì khác hẳn. Nhà học giả cũng cần biết rằng vị pháp sư, ông gộp, thường làm cả hai loại lễ chính, tà, có thể vì vị pháp sư đó không phân biệt được chính, tà; mà cũng có thể là vì ông thích dùng tà thuật để đánh vào thị hiếu người dân Trung Hoa. Thế là sinh kế và lợi lộc đã thay thế cho sự thuần túy chính truyền trong nhiều lễ Lão giáo. Thế nên, đứng về phương diện thuần túy khoa học, cần phải đề ra những qui tắc để phân biệt thế nào là nghi lễ chính truyền, thế nào là nghi lễ bình dân, rồi ra mới sắp xếp và học hỏi được về những nghi lễ phiền tạp, đa đoan, biến thiên vô tận, khiến một học giả nhìn vào phải phát kinh, của Lão giáo.

Như vậy, trước hết, chúng ta phải phân biệt các môn phái đạo Lão, với những đặc tính truyền thống lưu lại của chúng. Hiện nay ở Á Đông và Đông Nam Á, có những môn phái sau đây, đã được tôi lưu tâm khảo sát :

1) Phái Chính nhất (Cheng I) hay là phái Thiên sư, thuộc Long Hồ Sơn, tỉnh Giang Tây. (1)

2) Phái Mao Sơn (2) với hai loại pháp môn : pháp môn nội luyện, dựa theo Huỳnh đình kinh (Yellow Court Canon) và pháp môn võ thuật, tương tự như Nhân thuật (Nin-jitsu) của Nhật Bản, dựa theo Kỳ môn độn giáp (Ch'i-men Tun-chia)

1)— Long Hồ Sơn là một ngọn núi thuộc tỉnh Giang Tây, thuộc quyền sở hữu của phái Chính Nhất, và của các vị Thiên sư, con cháu của Trương Đạo Lăng, vị Tổ sư sinh vào thời Hán. Mãi đến thời Trung Hoa dân quốc, Long Hồ Sơn mới bị quốc hữu hóa. Môn phái này được các vua chúa hết sức trọng vọng, vì các vị Thiên Sư thuộc dòng Trương Đạo Lăng đã trụ trì tại đó từ thời Hán cho tới nay. Vị Thiên sư mà các học giả Âu Châu gặp được năm 1932, xưng mình là vị Thiên sư thứ 63 dòng Trương Đạo Lăng. Các vị Thiên sư ở đây, chẳng khác nào là vị Giáo Hoàng của Đạo Lão, và có quyền phong chức đạo sĩ, pháp sư cho tất cả các môn phái khác. (Xem E.T.C. Werner, A Dictionary of chinese mythology pp. 36 et ss. và Henri Doré, Manuel des superstitions chinoises p. 165).

2) Mao Sơn, tức là núi Cú Khúc Sơn ở Giang Tô. Đời nhà Hán có ba vị đạo sĩ anh em ruột với nhau, là Mao Doanh, Mao Cổ, Mao Trung đã đến núi ấy tu luyện, sau thành tiên nên gọi là Mao Sơn. (Xem Từ nguyên)

3) Phái Thái cực (T'ai-chi) thuộc Vũ Đương Sơn (Wu-tang Shan) ở Hồ Bắc (Hupei) với hai loại pháp môn (1) : một là vũ thuật trừ tà ma bằng kiếm kích, búa, giáo, và pháp môn tu luyện theo truyền thống của Trương Tam Phong (Chang San Feng)

4) Phái Toàn Chân (Ch'uan-chen sect) có ảnh hưởng đến các tu sĩ đạo Lão tu luyện tại gia (2)

5) Phái Thần Tiêu (Shen hsiao order) gồm nhiều tiểu phái như Linh Bảo phái (Ling-pao sect), Thiên sư phái (Heavenly master sect), Lão quân phái (Lord Lao sect), và thường gồm có những đạo sĩ gốc tích ở Chương Châu (Chang Chou) thuộc tỉnh Hạ Môn (Amoy)

6) Phái Lư Sơn (Lu shan or Lü shan order). Phái này dễ nhận, vì các đệ tử thường quần khăn đỏ trên đầu, thổi tù và, rung chuông tam cổ linh hay ngũ cổ hình, bắt chước phái Chân Ngôn (Phật giáo) khi hành lễ. (3)

Bảng liệt kê của tôi, như vậy, vắn vắn chỉ gồm có sáu giáo phái, hay nói đúng hơn, có sáu cách thức cử hành các nghi lễ Lão giáo, kể ra thì quá ít ỏi ; nhất là theo công báo, có đến 86 giáo phái, hay tổ chức Lão giáo được chính quyền bảo trợ ; ấy là chưa kể đến vô số môn phái không chính thức và những biến chế tùy địa phương, tùy gia thế ; về phương diện này đạo Lão cũng không thua gì Phật giáo, các giáo phái Tin lành, các dòng tu Công giáo.

Điều tôi cần làm sáng tỏ là các pháp sư, đều thuộc môn phái nào, pháp môn nào, hành lễ ra sao, vẫn có vài điểm cốt yếu tương đồng, mà một học giả phải biết. Biết ra, công trình khảo cứu về Lão giáo sẽ trở nên dễ dàng, và sẽ thấy có một mạch lạc thứ tự giữa các môn phái và các lễ nghi phức tạp, hiện thấy ngày nay. Những nguyên tắc nòng cốt tạo thành và điều động các lễ nghi Lão giáo, theo như tôi biết, đã được thể hiện một cách thỏa đáng trong những nghi thức khác nhau của mấy môn

1) Núi Vũ Đương ở Quận Huyện, tỉnh Hồ Bắc là một dãy núi hùng danh với 72 ngọn cao chót vót. Muốn lên núi, phải vất vả, khó khăn lắm mới được. Vua Vĩnh Lạc (1403-1425) đã xuất công quỹ ra để làm đường lên núi. Trên đỉnh núi có đền thờ đức Trán Vũ : đền thờ toàn bằng đồng, gọi là Kim điện. Các đạo sĩ ở trên các đạo viện Vũ Đương thường có chừng 2000 người. (Xem Henri Doré, Manuel des Superstitions chinoises p. 162)

2) Gọi là phái Toàn Chân vì Vương Trùng Dương, tổ sư của phái này xưa ở trong một am gọi là Toàn Chân. Hơn nữa gọi là Toàn Chân, vì các đệ tử phái này muốn sống thoát tục, để bảo toàn chân nguyên. (Tư nguyên)

3) Phái Chân ngôn tông (Tantrisme) còn được gọi là Mật tông hay Du Chỉ Tông vì lối hành đạo cũng giống với nhóm Du chỉ (Yoghis) Ấn Độ. Chuyên về Linh phủ, Chân ngôn, Pháp ấn... (Phật học Tự Điển)

... núi Lư Sơn cũng ở Giang Tây (cf. Henri Doré, Manuel des superstitions chinoises. I 65)

phái kể trên. Cho nên, tôi xin nói qua về lễ nghi của 3 môn phái đã nói ở trên, tức là phái *Chính Nhất* (Cheng i), phái *Mao Sơn* (Mao Shan sect) và phái *Thần Tiêu* (Shen Hsiao order), những mong nêu ra được một phương pháp cho người sau khảo về Lão giáo.

Môn phái quan trọng nhất ở miền Nam Trung Hoa, tức là ở miền Nam sông Dương Tử, từ thời nhà Tống cho đến thế kỷ 20, là phái *Chính Nhất* (Cheng i), một môn phái Chính truyền ở Long Hồ Sơn, tỉnh Giang Tây (Kiang si). Uy tín vượt mức của môn phái này, trong và sau đời nhà Tống, do nhiều nguyên cớ, mà nguyên cớ chính là vì triều đình muốn kiểm soát các tôn giáo ở Trung Hoa. Các đạo sĩ được khuyến khích nên đến Long Hồ Sơn, xin vị Thiên sư ban sắc phong. Sắc phong, do vị Thiên sư ở Long Hồ Sơn ban, vừa làm tăng thế giá cho vị đạo sĩ, vừa là cách để kiểm soát các môn phái đạo lão. Tới triều Minh, các đạo sĩ được ban phẩm hàm theo hàng quan lại, nghĩa là các đạo sĩ đến Long Hồ Sơn xin sắc phong, đều được ân tứ phẩm hàm theo *cửu phẩm* triều đình. Điều quan trọng nên ghi nhận là các đạo sĩ, bất luận thuộc phái nào, miễn là ở miền Nam Trung Hoa, đều được khuyến cáo đến xin thụ phong với vị Thiên sư. Thế tức là vị Thiên sư, chủ đạo môn phái *Chính Nhất* (Cheng i) tại Long Hồ Sơn (Lung hu Shan), đã có quyền sắc phong cho các đạo sĩ các phái *Mao sơn* (Mao sơn) *Vũ Đương Sơn* (Wu-tang-Shan) *Toàn Chân* (Ch'uan Chen) và *Thần Tiêu* (Shen Hsiao) và dĩ nhiên là các đạo sĩ phái *Chính Nhất* (Cheng i) nữa. Thủ bản sắc phong của vị Thiên sư đã chứng minh điều này rõ ràng và tùy môn phái, lại ân tứ một loại cửu phẩm khác nhau. Và lại xưa kia, các đạo sĩ có muốn học về nghi lễ các sơn môn, đạo viện khác cũng dễ. Họ được tự do đi đến các đạo viện, và có thể lập trường giảng dạy về môn phái mình ngay tại các sơn môn, đạo viện danh tiếng khác. Sử sách đã ghi rõ ràng rằng các môn phái *Vũ Đương Sơn*, (Wu tang Shan), *Thượng Thanh* (Shang Ch'ing) ở *Mao Sơn* (Mao San) và *Toàn Chân* (Ch'uan chen) ở Bắc Trung Hoa, cũng đã từng có chi nhánh tại *Long Hồ Sơn* (Lung Hu Shan) và tại các sơn môn, đạo viện danh tiếng khác ở miền Nam Trung Hoa Hơn nữa, một đạo sĩ có thể đi khắp các đạo viện, đề học hỏi về lễ nghi của các phái khác. Họ cũng có thể rời đạo viện, đến một làng hay một tỉnh lập *đàn*, làm lễ đề *muu* sinh, thủ lợi. Ngoài ra các cư sĩ (hòa cư : Huo chủ) có vợ con như ai, vẫn có thể đến một đạo viện, xin tu ít năm, đề trau dồi phương thuật, hoặc đến Long Hồ Sơn, xin Thiên sư ban sắc phong.

Vì thế nên tuy có được nhiều môn phái, nhưng vẫn có một yếu tố liên kết được đạo giáo phái, làm cho các giáo phái đẹp bất hòa và bất tay thân thiện. Yếu tố ấy xưa nay vẫn là nghi lễ chính truyền, gọi là *Khoa-nghi* (K'o-i) còn có ghi trong bộ *Uy Nghi* (Wei-i) ở Đạo Tạng (I). Một đạo sĩ, bất kỳ ở cấp

1) Xem Léon Wieger, Taoisme, Tome I. Bibliographie générale, từ số 182 đến 215 ; từ số 462 đến 541 ; từ số 1177 đến 1412.

nào, phái nào, có chủ trương gì, xưa nay vẫn phát học về *Khoa Nghi*, mà theo truyền thuyết, đã được Trương Đạo Lăng lưu lại, từ cuối thời Hán và đã được Lục Tu Tĩnh (Lu-Hsiu-Ching) và các đạo sĩ thời Nam Bắc triều soạn thành nghi lễ. Những nghi lễ này đến nay vẫn còn được coi là tuyệt tác của Lão giáo. Nhưng nếu chỉ đọc *Khoa Nghi*, sẽ không tìm ra mối nhất quán liên kết các lễ nghi với nhau thành thủ vẫn phải đi vào đời để tìm hiểu. Đã đành vẫn có những ngoại lệ, ví dụ như những lời chỉ dẫn về lễ *Túc khải* (Su Ch'í) trong tập 281, chương 16 Đạo Tạng, hoặc về lễ *Cấm đàn* (Chin t'an) đã được mô tả hết sức kỹ càng trong tập 985 của Đạo Tạng, đã hẳn, rất khó lòng mà xin được vị pháp sư giảng cho mình nghe những lời tụng niệm đi kèm với những nghi tiết lễ nghi bên ngoài. Nhưng chuyện đó vẫn có thể thực hiện, nếu vị học giả tỏ ra là đã hiểu lễ nghi, đã đọc Đạo tạng. Các pháp sư thường không chịu tiết lộ các án quyết, thần chú, linh phù, khẩu quyết, hoặc vì muốn giữ bí truyền, hoặc vì muốn đòi tiền thưởng, một chuyện có thể có, đối với những người sống bằng nghề cúng tế. Thế nên, một học giả có thể tốn tiền, tốn công ăn chực năm chờ nhiều năm cầu xin *ngọc quyết* (Yü-chüeh), nhưng rồi cuộc mới vỡ lẽ ra rằng những bí quyết mà vị pháp sư đã tiết lộ, té ra đã được lấy trong các sách của phái *Thần Tiêu* (Shen hsiao) chẳng có gì là bí truyền, chứ không phải đã được lấy trong các bí kíp của phái *Chỉnh Nhất* (Cheng I) chân truyền. Vì thế, các học giả cần thuộc Đạo tạng để có thể phân biệt lễ nghi của phái *Thần Tiêu* (Shen hsiao), mà có lẽ đã thịnh hành từ đời Tống về sau. Một học giả, khi bước chân vào đời để khảo về lễ nghi, cần thuộc các nghi tiết đã được ghi chép rõ ràng trong Đạo tạng. Như vậy vị pháp sư dạy mình, sẽ dễ bề chỉ dẫn cho mình hơn. Vốn các đạo sĩ không được phép tiết lộ bí mật đối với kẻ phàm phu, người ngoại cuộc hay người khác phái, nhưng họ vẫn được phép bàn về nghi tiết, về cách thức vẽ bùa chú, cách thức tụng niệm với một học giả đã hiểu biết về Đạo tạng.

Nghi lễ chân truyền căn cứ vào các bằng hồ thần gọi là « *lục* » trong Đạo Tạng, trong quyển 877, *Thái Thượng Tam Ngũ Chỉnh Nhất Minh Uy Lục* (T'ai-shang San-wu Cheng-I Meng-Wei Lu); quyển 878, *Thái thượng Chỉnh nhất Minh Uy Pháp Lục* (T'ai Shang Cheng-I Meng-wei Fa-lu); và quyển 879, *Chỉnh nhất Pháp văn Thập lục Triệu nghi* (Cheng I Fa wen Shih Lu Chao Yi); Bộ « *Lục* » sau chót trên đây là sách căn bản đề phong chức cho hàng Thất phẩm (Ch'í p'ín) và chức *Tam ngũ đô công* (San wu Tu-kung) mà các pháp sư vẫn dùng khi ký tên, Bộ « *Lục* » thứ hai trên đây là sách căn bản đề phong chức cho hàng Lục phẩm (Liu-p'ín) và bộ *Lục* thứ nhất ở trên là căn bản đề phong chức cho hàng Ngũ phẩm (Wu-p'ín) và Tứ phẩm (Ssu p'ín) của Đạo sĩ. Những bộ « *Lục* » trên được ghi trong bản *Văn kiểm* (Wen Chien) mà mỗi đạo sĩ đều có. Trong bản *Văn kiểm*, ngoài các bằng danh sách tôn thần, còn có các thần chú, pháp quyết đề liên lạc với các cõi Trời, cùng những lời tập dẫn, thay đổi tùy tập truyền của mỗi vị pháp sư. Các vị pháp sư thường không thích nói đến chư thần, nhưng vẫn sẵn lòng cho các học giả xem bản *Văn kiểm*, nếu được yêu cầu.

Trong các sách lễ *Khoa nghi*, còn thấy có những tập « lục » giống như *Văn kiểm* nhưng ngắn hơn, đề dùng trong những lễ đặc biệt. Như vậy, tất cả các lễ theo *Khoa nghi* (K'ô-I) như lễ *Tiểu* (Chiao) tức là lễ cúng Xuân, lễ *Trai* (Chai) tức là lễ Cầu siêu, đều rập theo một khuôn khổ, trong đó có giai đoạn triệu thỉnh tôn thần về giám lễ, mà chỉ vị pháp sư mới biết danh hiệu, chức tước ngài. Như vậy, mỗi lễ trong *Khoa nghi* đều có một bản danh sách tôn thần riêng, đề vị pháp sư triệu thỉnh, lại còn có những vị thần đặc trách về công việc đệ trình các sớ văn lên trời. Vị học giả có thể xác định được môn phái, phẩm trật và tính cách chân giá của vị pháp sư, nếu biết so sánh các bản danh sách tôn thần, ghi trong những sách lễ mang tay của họ, với Đạo tạng.

Trong những đoạn trên, ta đã nêu rõ rằng các lễ *Khoa Nghi* đều rập theo một khuôn khổ, trong đó có đoạn hô thần đến chứng giám cho cuộc lễ.

Khuôn khổ lễ nghi chân truyền hình như đã có từ lâu. Các sách như *Vô thượng tất yếu* (Wu shang Pi yao) và *Vô thượng Hoàng lục Đại trai Lập thành Nghi* (Wu-shang Huang lu Ta chai li ch'eng Yi) quyền trên từ thời Nam Bắc triều, quyền dưới từ đời Đường, đã ghi rõ các giai đoạn nghi lễ theo *Khoa nghi* mà nay vẫn còn giữ. Đại khái, một lễ nghi chân truyền theo khuôn khổ như sau :

1. Lễ nhập đàn Rước (pháp sư) từ tịnh thất đến đàn tràng.

2. Lễ Bộ hư (Pu Hsu). Hát bài Tâm ca, đồng thời bước quanh đàn theo bộ pháp của *Đại Vũ* (Vũ bộ : Yü Pu) ; dùng bộ pháp vẽ lại *Lạc thư*, hay Bát quái Văn Vương (Wen Wang) quanh nơi sẽ hành lễ, đoạn làm lễ *Nhiều đàn* (Jao-l'an) tức là đi quanh đàn 5 lần, miệng niệm ngũ khí hay ngũ sắc của ngũ hành.

3. Lễ Khái bạch. Xướng tên các vị thần giám lễ. Vị pháp sư phải thấy vị thần mình triệu thỉnh.

4. Lễ Nhập 9 : Tụng các bản văn như *Sớ văn*, (Shu-wen), *Biểu* (Plao) *Điệp* (Tieh) *Chương* (Chang), *Quan* (Kuan) v.v... tùy loại thần, loại lễ.

5. Lễ Tồn niệm như pháp (Ts'un Nien Ju Fa) : Pháp sư qui giữa đàn, tập trung tinh thần, miệng niệm chú, tay trái bắt quyết. Cử tọa hát bài « *Ngũ tinh liệt chiếu* » (Wu hsing lieh Chao)

6. Lễ minh pháp cổ nhĩ thập tứ thông. Đánh 3x8 : 24 tiếng trống cái. Đạo sĩ tụng sách *Ngọc quyết* (Yü Chüeh)

7. Lễ Phát Lồ (Fa Lu). Đọc kinh *Vô thượng tam Thiên, Huyền, Nguyên, Thủy, Tam Khí* (Wu shang T'ien, Hsuan, Yuan, Shi, San Ch'i...) Lúc ấy, Pháp sư tụng niệm theo *Đan thư* ; bắt ấn quyết, hô thần lai giám ; dùng họa phù, phác ra các cõi trời đạo lão ; tâm niệm, chuyển khí, điều tức. Cách thức tâm niệm đều có ghi trong các bộ *Ngọc quyết* (Yü Chüeh), hay *Bi quyết* (Mi Chüeh) và nhiều nơi trong Đạo tạng (1)

1) Xem Wiegner, Taoisme, Tome I, mục *Ngọc quyết* từ các số 85 đến 143.

8. Chính lễ. Bây giờ tới phần chính lễ. Bất kỳ là *Lễ cầu siêu* hay *lễ cúng Xuân*, các lễ nghi đặc biệt cho mỗi kỳ, mỗi dịp đều được cử hành vào lúc này ; chẳng hạn như lễ *Túc khải*, các 5 đạo Linh phù ; lễ *Chính Tiểu* đề tế Tam Thanh v.v...

9. Lễ Thập phương. Cúng thập phương.

10. Lễ Trùng xưng Pháp vị (Chung ch'eng Fa Wei) (Trình biểu sớ dâng tiến Tiên cung) Tức là lễ thu hồi, bằng cách sao chép lại, các biểu sớ đã dâng lên thiên đình. Lúc này thường có lễ « Chạy đàn » dưới những hình thức khác nhau, tùy môn phái.

11. Lễ Phát thập nguyện. Phát mười điều tâm nguyện.

12. Lễ Phục Lễ. Tắt đèn nhang.

Trừ vài biến thái, tùy theo mỗi lễ, các lễ *Khoa nghi* Lão giáo chân truyền, thường theo khuôn khổ nói trên. Tuy nhiên, đừng nên kết luận rằng mọi lễ nghi Lão giáo đều theo *Khoa nghi*. Trái lại, người Lão giáo Trung Hoa đã từng được xem những lễ có tính cách khác hẳn, ví như những lễ bình dân trong các đền miếu thôn quê, có dậm thêm *kinh kệ* giảng về công tội ; phù phép trị bệnh, trừ tà ; cúng dâng thờ phượng. Tuy nhiên, chúng ta đừng có làm mà quá chú trọng đến các *kinh kệ* (Ching), các *Tiểu pháp* (Hsiao Fa) nói trên, mặc dầu thường thấy làm, thường được dân chuộng. Các *kinh kệ* (Ching) giảng về công tội, rõ ràng là bắt chước các kinh kệ Phật giáo, và cũng như các kinh kệ Phật giáo đồng loại, cốt là đề đọc cho kín các giờ kinh nhật tụng trong các đạo viện, và đề cho dân thỏa mãn, biết thế nào là công, thế nào là tội, làm sao được phúc Trời, làm sao xá tội vong nhân, làm sao tẩy trừ trần ai tục lụy. Các lễ *Khoa nghi* (K'o-i) thường được cử hành kín đáo, trong các đền miếu, cửa đóng then cài, không cho quần chúng xem. Và nếu có làm trước quần chúng, thì các án quyết phải làm dấu trong tay áo thụng, và các thần chú phải được đọc thầm. Dấu sao, thì *Khoa nghi* mới là lễ căn cốt tinh hoa của Lão giáo, và nhà khảo cứu cần biết rằng các « bí quyết » đề làm những lễ đó có ghi trong các bộ *Ngọc quyết* (Yü Chüeh) hay *Bí quyết* (Mi Chüeh) của vị pháp sư.

Nếu một lễ *Khoa nghi* được cử hành theo khuôn khổ trên, thì cứ sự thường làm đúng cách, là chân truyền. Cho nên, vị pháp sư muốn nói sao thì nói, ta cứ xem ông làm lễ, là biết ông thuộc phái nào, cấp bậc nào. Một pháp sư càng chân truyền, thì kinh sách càng giống Đạo tạng, thì cách hành lễ càng đúng nghi thức. Các lễ của phái *Thần Tiểu* (Shen hsiao) tuy trùng danh, trùng hiệu, trùng tiết tấu như các lễ *Khoa nghi*, nhưng nội dung thì lại khác, nhất là các đoạn *Ngọc quyết* (Yü Chüeh) đã bị hiểu sai hay chép thiếu. Cho nên, ta cần phải đọc kỹ lưỡng phần *Uy Nghi* (Wei-i) trong Đạo tạng, và cách sách giảng về Nghi lễ, như quyển *Thượng thanh linh bảo đại pháp* (Shang ch'ing Linh-pao Ta-fa) của Kim Doãn Trung (Chin Yun Chung) đời Tống (1) hay quyển *Đạo môn thông giáo tất dụng tập* (Tao men Tung Chia Pi yung Chi) của Lã Thái Cồ (Lu Tai Ku) cũng đời Tống. (2)

1— Xem Wieger, *Taoisme I*, Bibliographie générale, No 1205, p. 190

2— Cf. Wieger *Taoisme I*, Bibliographie générale, No 1205 et 1209.

Như tôi đã nói nơi tiết 10, trong phần phác họa nghi lễ chính truyền, lễ dâng biếu sớ cũng rất quan trọng để đoán định môn phái và truyền thống của vị pháp sư. Pháp sư theo phái *Ngọc kinh* (Yü ching), tức là một phái tu theo *Mao sơn* (Mao Shan) hay *Hoa Sơn* (Hua Shan), chạy đàn rất khéo, trước khi đốt biếu sớ dâng thần. Vị pháp sư *Đồ giảng* (Tu chiang) tức là vị xuống văn tế, dẫn bước theo hình *Lạc thư* hay Bát quái Văn Vương, đệ văn tế vào giữa đàn tràng. Ông dâng văn tế lên vị pháp sư chủ tế, Vị này lại dẫn bước tế theo hình *Hà Đồ*, tức là theo hình Bát quái Phục Hi. Ông dẫn bước tế như vậy tất cả 12 lần, mỗi lần bắt đầu từ một cung trong 12 địa chi, đã được vẽ thành vòng tròn nơi giữa đàn tràng. Vừa dẫn bước tế, vị pháp sư vừa tụng niệm, rất là phức tạp, theo phép Nội đan của *Mao sơn*; lúc mở, lúc đóng các quẻ Dịch, để dẫn linh thần vào đàn, và trục tà ma ra khỏi nơi hành lễ. Cách dẫn bước tế cũng là một nghi thức đã được ghi trong sách lễ của vị Thiên sư ở Long Hồ Sơn, mà các vị pháp sư đã được thụ phong tại đó từ đời Thanh, sau này vẫn tuân giữ, khi đi hành đạo tại các nước trong vùng Đông và Đông Nam Á.

Pháp sư phái *Thần Tiêu* (Shen Hsiao), dù được Thiên sư sắc phong, cũng không dẫn bước tế như phái Mao Sơn, lúc cuối các lễ *Khoa Nghi*. Thay vào đó, họ dẫn bước tế lối khác, và làm nhiều trò vui khác. Ví dụ họ dùng *bài Ngũ lõi* bằng gỗ hồng, gỗ đào mà lát nữa tôi sẽ bàn trở lại. Họ còn cho căng một tấm vải đen từ Bắc đến Nam đàn tràng, tượng trưng cho sự giao hội của trời đất, trước khi đốt văn tế. Lễ nghi của phái *Thần Tiêu* có điểm này đặc biệt là: họ tự do dặm thêm vào lễ nhiều trò vui để kích động dân, cảm hóa dân; những trò này chẳng liên quan gì đến mục đích của chính lễ, và cũng không đòi hỏi tâm niệm hay thi triển nội công, nội lực khi hành lễ. Dĩ nhiên là những lễ phép của phái *Thần Tiêu* vui hơn và được dân thích hơn. Pháp sư nào biết dặm thêm trò khi làm lễ, sẽ được nhiều tư gia hay đền phủ mời đến hành lễ hơn. Trong các trò bình dân ấy, có trò leo thang gươm 36 lưỡi trần; trò nhúng sắt nung đỏ vào bát dấm, rồi cho người dụ lễ bước qua làn hơi dấm để giải tội; trò dùng máu mào gà, máu mỏ vịt để giải tội; trò đốt hình ôn thần, v.v...

Theo thiên kiến tôi, thì những lễ phép không chính thống ấy, phần thì là của những sắc dân đời xưa, mà người Hán đã học được, trong cuộc Nam tiến; phần thì phỏng theo lễ nghi của những phái Phật giáo như *Chân Ngón* và *Thiên Thai*, phần thì đã được các pháp sư tự tạo ra, trong khi hành đạo sát cánh với những người dân quê Trung Hoa, theo lão giáo. Các học giả cần đề ý và ghi chép các lễ phép ấy, nhưng đừng làm lộn chúng với những nghi lễ chính truyền. Và lại những lễ phép của phái *Thần Tiêu* thì được tha hồ đem dạy cho các học giả ngoại quốc. Vì thế, một học giả, sau nhiều tháng lặn lội vào nghề, say sưa học các lễ phép Thần Tiêu, rút cuộc mới ngỡ lẽ rằng mình chưa hề được truyền một chút gì về các *Ngọc quyết* chân truyền hết cả.

Trên đây tôi đã nói về nghi lễ của giáo phái chính thống, và đã bàn qua về tính cách khoa trương của các lễ thuộc phái *Thần Tiêu*, bây giờ tôi xin nói tới các

giáo phái khác mà lúc đầu tôi có đề cập tới, đó là phái *Toàn Chân*, phái *Mao Sơn*, và một phái võ ở Hồ Bắc, pha Mao Sơn lẫn Võ Đương. Phái *Toàn Chân* không còn mấy ảnh hưởng ở Đài Loan và, theo chỗ tôi biết, cũng không còn mấy ảnh hưởng trong vùng Đông Nam Á. Tuy thế, cũng vẫn còn thấy có những vị pháp sư thực thụ thuộc phái Toàn Chân, và những cư sĩ tu tại gia theo tôn chỉ tu dưỡng của phái Toàn Chân. Nhưng vì phái này không mấy liên quan đến chủ đề, nên tôi xin nêu ra rằng phái *Toàn Chân* cũng có lễ *Tiểu* (Lễ cúng Xuân), và lễ cầu siêu tổng táng như các môn phái khác. Tuy nhiên, phái này xưa kia đã có rất nhiều ảnh hưởng ở Bắc Trung Hoa, còn hơn cả phái *Chinh Nhất* nữa. Còn phái *Mao Sơn* và phái *Thái Cực* hay *Vũ Đương* thường được nhắc tới cùng phép Ngũ Lôi, một phép mà nhà học giả cần biết. Theo tôi, thì phái *Mao Sơn* cũng như phái *Vũ Đương* hiện còn chưa được người Âu Châu viết tới mấy.

Phái *Mao Sơn*, cũng có tên là *Thượng Thanh* hay *Ngọc Kinh* có ảnh hưởng khá lớn đối với Lão giáo hiện hành ở Đông Nam Á và Đài Loan. Ảnh hưởng của phái này được thể hiện qua hai loại pháp môn : Loại pháp môn thứ nhất gồm những nghi thức căn bản, và phương pháp tu tâm dựa theo *Huỳnh Đình Kinh* và *Đại Đổng Chân Kinh*. Những đạo sĩ học theo những sách này hiện thấy ở Đài Loan, nhất là Bắc Đài Loan, nơi có đông dân gốc tích ở Tuyên Châu, Phúc Kiến. Loại pháp môn thứ hai của *Mao sơn* có vẻ bình dân hơn, chuyên về một chữa bệnh, trừ tà, và một loại võ thuật giống như *Nhãn thuật* của Nhật bản. (Tôi đang đặc biệt khảo sát về môn võ này và sẽ viết thành một thiên khảo luận riêng). Đại khái, môn *nhãn thuật* này dựa vào Bắc Đẩu và các vị thần Thiên Cương Bắc Đẩu. Các pháp sư cho rằng phép hô thần Thiên cương Bắc đẩu, và thần « Lục Đinh, Lục Giáp », để chữa bệnh hoặc báo thù, là của phái Mao Sơn. Thực ra thì vị tổ sư thứ 8 của phái Mao Sơn là Đào Hoằng Cảnh (T'ao Hung Ching), đời Lương, đã viết một bộ sách tên là *Thái Thượng Xích Văn Đổng Thần tam lục* (T'ai Shang Ch'ih wen Tung shen San Lu), khác với truyền thống *Huỳnh Đình Kinh*, trong đó có những phương thuật đặc biệt của Mao Sơn. Phái *Võ Đương* ở Hồ Bắc cũng có một môn võ giống loại võ *Nhãn Thuật*. Ảnh hưởng của môn phái này hiện còn mạnh ở khắp vùng Đông Nam Á. Y như Mao Sơn, môn phái này cũng có hai loại pháp môn. Pháp môn tu luyện dành cho các đạo sĩ, tu sĩ ; pháp môn trừ tà dành cho đại chúng. Pháp môn tu luyện của phái này do Trương Tam Phong lập ra, chú trọng về « Dưỡng khí, điều thần, điều tức ; phục dục ; phóng trung, bảo tinh, diên mệnh ». Còn pháp môn trừ tà, thì cũng giống môn *Nhãn thuật* của Mao sơn đã nói trên, chỉ khác là số linh thần được triệu thỉnh thì đông hơn, nhiều hơn, như thấy ghi trong quyển *Thái Thượng Bắc cực phục ma thần chủ sát quỷ lục* (T'ai shang Pei chi Fu Muo Shen chou Sha kuei Lu) và những quyển khác trong Đạo tạng có liên quan đến đức *Huyền Thiên Thượng đế* (Hsuan-t'ien Shang ti) vị Thần chủ của giáo phái. Phái *Vũ Đương* còn trọng vọng các vị *dị địa lý*, bôc sư, các vị võ sư *Thái Cực quyền*. Các pháp sư thuộc môn phái này thường tự xưng là *Thái cực* (T'ai chi) hay *Bắc cực sư* (Pei-chi Taoist masters).

Trên thực tế, các vị pháp sư ở Đông Nam Á ít khi là thuần túy thuộc hẳn về một môn phái nào. Nhưng thực ra, các ngài học phương thuật lẫn của nhau, và khi

ký tên, ngoài chức tước dài dặc của mình, vị pháp sư còn ghi thêm các chức tước các pháp thuật đã xin được, học được nơi khác. Một đạo sĩ khi xưng danh, thường khoe mình biết hết pháp thuật của *Mao Sơn*, *Vũ dương* và *Chính Nhất*. Vì thế nên nhà học giả cần thuộ Đạo tạng mới biết được vị ấy nói đúng hay sai. Và lại, Lão giáo cũng vốn có cổ lệ tra vấn, tìm hiểu như vậy, và tín hữu nào khi đã thấu hiểu kinh điển lễ nghi, cũng có thể đường đường coi mình như là một vị pháp sư.

Sau hết, xin đề cập đến *Ngũ lỗi pháp*. Đó là một pháp quyết có từ lâu và rất được các pháp sư xưa nay ưa chuộng. Ngũ lỗi pháp là một pháp quyết tối mật, một trong những bảo bối mà vị pháp sư muốn dấu kỹ, không muốn dả động tới. Nhưng, cũng như các trường hợp trên, Đạo tạng đã có ghi đầy đủ các Lục, Pháp về Ngũ lỗi, như ở trong bộ *Đạo Pháp Hội Nguyên* các tập từ 884 đến 941 (Tao fa hui yuan) trong Đạo tạng. (1) Nhiều vị pháp sư khoe mình rất sành Ngũ lỗi pháp, và ưa dùng Ngũ lỗi bài bằng gỗ đào khi hành lễ. Nhưng trên thực tế, nhà khảo cứu nên thận trọng đừng vội tin lời họ, hãy đọc kỹ Đạo tạng, trước khi đến với họ, hay trước khi muốn học về pháp môn nào của Lão giáo. Tôi đã thấy đa số pháp sư thường chỉ khoe hay, khoe giỏi, chứ không có thực tài, thực lực. Lý do là vì người xưa đã quá thận trọng trong khi truyền phép Ngũ lỗi, thành thử bí quyết ấy ngày một thất truyền, hay bị thất bát, tẩu tán vào trong những phù phép khác hiện hành tại Đông Nam Á. Tuy thế bí pháp chân truyền Ngũ lỗi hiện vẫn còn được phái *Chính Nhất Tự Đan* (Cheng-I Tzu Tan) ở Đài Loan giữ gìn cẩn thận. Họ cho tôi một cuốn sách mà tôi đã giao cho Nhà in *Thành Văn* (Cheng Wen) ở Đài Bắc xuất bản.

Cho nên, một học giả muốn vào đời đề khảo về đạo Lão cần phải được chuẩn bị chu đáo, đề có thể đối thoại được với vị pháp sư như với bạn chứ không như với thầy. Mặc dầu các học giả xưa nay vẫn phân biệt hai thứ đạo Lão, một thứ cho người tu hành, một thứ cho dân gian, nhưng thực ra cả hai thứ đạo này trộn vơi nhau trong các lễ nghi đạo Lão ở Đông và Đông Nam Á. Muốn trở thành một vị pháp sư thực thụ, người tín đồ Lão giáo trước hết phải học đủ thứ môn : luyện đan, điều tức, bảo tinh, và uống các loại thuốc trường sinh, diên thọ. Họ cũng còn phải học thêm các môn Địa, Bốc, Lý, Số, Âm Dương Dịch Lý. Một học giả muốn khảo sát đạo Lão hiện hành ở Đông Nam Á, nên biết những điểm trên, nên đọc kỹ các tiết mục về Lễ nghi, về Tu Dưỡng trong Đạo tạng, như vậy sẽ đỡ được nhiều năm tổn công vô ích.

Vì thế, tôi đề nghị, khi học về Lão giáo nên phân lễ thành Lễ *chính thống* hay *lễ bình dân*, tùy như theo, hay không theo *Uy nghi* trong Đạo tạng. (Chúng ta đừng dùng chữ Tà, vì chữ này ngụ ý chê bai mà các môn phái dùng để chê nhau, chứ không phải là một nhãn hiệu khoa học). Phần nhiều các lễ làm ở đền phủ hay tư gia hiện nay đều là những lễ bình dân. Một học giả, nghe cách tụng kinh, xem cách làm lễ, phải đoán được vị pháp sư đó thuộc môn phái nào và làm lễ gì. Có nhiều lễ bình dân, như lễ thả thuyền tống ôn, thực ra thảy có chút gì là Lão giáo chân truyền. Lễ này thấy người Công giáo Phi cũng làm, nhiều làng ở Okinawa (Xung Thang) cũng làm và nhiều miền khác ở Đông Nam Á cũng làm. Tuy vậy lễ nào cũng phải được chú ý, cũng phải được ghi chép tường tận. Đó là một công trình biên khảo hào hứng thú vị, mà tới nay vẫn chưa được các tập san biên khảo nào về Trung hoa dả động tới.

Bảng phiên âm các Danh từ Trung Hoa trong bài của Michael Saso ra danh từ Hán Việt

Chai : 齋 Trai

Chang : 章 Chương

Chang Chou : 漳州 Chương Châu

Chang San Feng : 張三丰 Trương Tam Phong

Cheng : 正 Chính

Cheng Chiao : 正醮 Chính Tiểu

Cheng i : 正一 Chính nhất.

Cheng i fa wen Shih lu Chao y :

正一法文十籙召儀 Chính nhất Pháp văn Thập lục Triệu nghi

Cheng i T' zu Tan : Chính nhất Tự Đàn

Ch'eng Wen : Thành văn

Ch'í pín : 七品 Thất phẩm

Ch'í men Tun chia : 奇門遁甲 Kỳ môn độn giáp

Chiao 醮 Tiểu.

Ch'í Pai : 啟白 Khải bạch

Chin t'an : 禁壇 Cẩm đàn

Chin Yun Chung : 金允中 Kim Doãn Trung.

Ching : 經 Kinh

Ch'uan Chen : 全真 Toàn chân

Ch'uan Chou : 泉州 Tuyền Châu.

Chung ch'eng Fa wei : 重稱法位 Trưng xưng pháp vị.

Fa Lu : 爐發 Phát Lô

Fa shih : 法師 Pháp sư

Fang chung 房中 Phòng Trung

Feng shui 風水 Phong thủy

Heavenly master sect : 天師派 Thiên sư phái

Hsiao fa : 小法 Tiểu pháp

Hsieh : 邪 Tà

Hsuan t'ien Shang ti : 玄天上帝 Huyền Thiên Thượng đế

Ho tu : 河圖 Hà đồ

Hu pei : 湖北 Hồ Bắc

Hua Shan : 華山 Hoa sơn.

Huo chủ : 火居 Hỏa cư

Jao tan : 遠壇 Nhiều đàn.

Jen Shu : 忍術 Nhân thuật

Ju-i : 入意 Nhập ý

Kiangsi : 江西 Giang tây

K'o-i : 科儀 Khoa nghi

Kuan : 關 Kuan

Ling-Pao sect : 靈寶派 Linh bảo phái

Liu p'ín : 六品 Lục phẩm

Lo shu : 洛書 Lạc thư

Lu Shan or Lü Shan : 廬山 : 閩山 Lư Sơn

Lord Lao sect : 老君派 Lão quân phái

Lu Hsui Ching : 陸修靜 Lục Tu Tĩnh

Lu t'ai Ku : 呂太極 Cồ

Mao Shan : 茅山 Mao sơn

Mi chüeh : 秘訣 Bí quyết

Nin-jitsu : 忍術 Nhân thuật

Okinawa : Xung Thành

Piao : 表 Biều

Pei chi : 北極 Bắc cực

Pu hsu : 步虛 Bộ hư

Registers : 籙 Lục

San wu tu kung : 三五都功 Tam ngũ đô công

Shang ch'ing : 上清 Thượng Thanh

Shang-Ch'ing Ling. Pao Ta-Fa : 上清靈寶大法 Thượng Thanh Linh

Bảo Đại Pháp.

Shen Hsiao : 神霄 Thần tiêu

Shingon : 真言 Chân ngôn

Shu wen : 疏文 Sớ văn

Ssu p'ín : 四品 Tứ phẩm

Su ch'í : 宿啟 Túc khải

Ta Tung Chen ching : 大洞真經
Đại đồng chân kinh
T'ai chi : 太極 Thái cực
T'an : 壇 Đàn
T'ai chi ch'uan : 太極拳 Thái cực quyền
T'ai Shang Cheng I Meng wei Fa lu : 太上正一命成法錄 Thái Thượng Chính nhất Mệnh uy Pháp lục
T'ai-Shang Pei-chi Fu-muo Shen-chou Sha-kuei Lu : 太上北極伏魔神呪殺鬼錄 Thái Thượng Bắc cực Phục ma Thần chú Sát quỷ lục
T'ai-shang Ch'ih Wen Tung Shen San Lu : 太上赤文洞神三錄 Thái Thượng Xích Văn Đồng Thần Tam Lục
T'ai Shang San Wu Cheng I Meng Wei Lu : 太上三五正一盟成錄 Thái Thượng Tam Ngũ Chính nhất Minh Uy Lục
Taipei : 臺北
Taiwan : 臺灣
T'an : 壇 Đàn
Tao fa Hwei yuan : 道法會元 Đạo pháp Hội nguyên
Tao Hung Ching : 陶弘景 Đào Hoàng Cảnh

Tao men T'ung Chia Pi Yung Chi : 道門通教必用集 Đạo Môn Thông giáo Tất dụng Tập
Tieh : 牒 Diệp
T'ien T'ai : 天台 Thiên Thai.
Tsao Chiao : 早朝 Tảo chiêu
Ts'un nien ju fa : 存念如法 Tôn niệm như pháp.
Tu-chiang : 都講 Đô giảng
Wei i : 威儀 Uy nghi
Wen chien : 文檢 Văn kiểm
Wu hsing lieh chao : 五星列照 Ngũ tinh liệt chiếu
Wu lei pai : 五雷牌 Ngũ lôi bài
Wu p'in : 五品 Ngũ phẩm
Wu shang Huang Lu Ta Chai Li ch'eng Yi : 無上黃籙大齋立成儀 Vô thượng Hoàng lục Đại trai Lập thành nghi.
Wu shang Pi yao : 無上必要 Vô thượng tất yếu
Wu shang San T'ien Hsuan Yuan Shih San Ch'í : 無上三天玄元始三氣 Vô thượng Tam Thiên Huyền Nguyên Thủy Tam Khí
Yellow Court Canon : 黃庭經 Huỳnh đình kinh
Yin Yang : 陰陽 Âm Dương
Yü Chüeh : 玉訣 Ngọc quyết
Yü pu : 禹步 Vũ bộ.
Yü ching : 玉京 Ngọc kinh

BÉTALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

Chuyên trị :

Bệnh tê-thấp đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.

t

Laboratoires TÉVÉTÉ SA
136, Yên-Đồ — Saigon

Tín Ngưỡng

Đạo giáo ở Việt-Nam

NHẤT-THANH

(Tiếp theo PB. số 24)

SỰ TÍCH THÁNH MẪU THOẢI

Có truyền thuyết (người vùng Tuyên quang ngày trước vẫn nhớ và kể lại) Bà là con gái Long Vương hồ Động đình (bên Tàu), Lúc bé nứt na hiệu ễ. Vua cha gả cho một ông Hoàng tên là Kinh Xuyên (phảng phất gần với chuyện Kinh Dương Vương và Âu Cơ), Kinh là con vua hạ giới, học giỏi hay chữ, nhờ có một bài phú vịnh hồ Động đình rất hay được vua Thủy phủ quý mến truyền cho phép thần thông xuống Thủy phủ, và gả cho một người con gái. Cả hai cùng lên ở dương thế. Công chúa là vợ hiền yêu thương chồng. Kinh Xuyên có vợ lẽ tên là Thảo Mai hay ton hót, khiến chồng dứt tình lại đóng cũi công chúa đem bỏ trong rừng thẳm, ngày ngày cầm thú đem hoa quả cho ăn. Một hôm có một thư sinh tên Lão Ngại đi chơi trong rừng gặp, mới hỏi đầu đuôi, Công chúa nhờ đưa thư báo cho vua Thủy-cung biết; Lão Ngại được trao cho một chiếc gậy phép, dẫn đi đến Động đình, đến gốc cây to, đánh ba lần thì quan quân lên đánh Kinh Xuyên cứu công chúa đem về. Vua Thủy phủ muốn gả công chúa cho Lão Ngại nhưng chàng từ chối và xin kết làm bạn. Khách trú lập đền thờ công chúa ở làng Tinh húc phủ

Yên sơn tỉnh Tuyên quang, quen gọi là đền thượng; người Việt Nam các tỉnh miền xuôi ngày hội đền tháng hai lên lễ và hầu bóng rất đông.

SỰ TÍCH THÁNH MẪU THƯỢNG NGÀN

Ở làng Đông cuồng tỉnh Yên báy xưa có một gia đình người Mán ăn ở rất hiền hậu phúc đức, được người khắp trong vùng quý mến. Khi đã 50 tuổi về già hai vợ chồng mới sinh hạ một gái. Năm lên mười cô bé nhan sắc tuyệt vời lại nứt na khiến mọi người đều mến yêu. Cô có lòng nhân từ ham làm phúc, hay giúp đỡ người. Rất mực hiếu thảo, lớn lên cô ở vậy phụng dưỡng cha mẹ, không chịu lấy chồng và sau khi cha mẹ trăm tuổi cô từ trần, chẳng bao lâu cô hiển linh, phù hộ cho người trong vùng thường được sở cầu như nguyện. Họ lập đền thờ ở Tuyên quang quen gọi là đền hạ, và nhiều đền ở mấy nơi rừng núi thượng du Bắc Việt, như đền Đuôm, huyện Phú Lương, cách tỉnh lỵ Thái Nguyên 25 cây số về phía Bắc (1). Cô là hiện thân của Thánh Mẫu Thượng ngàn (Thuật theo lời các bà đồng quan ngày trước hằng năm hay trải hội đền thượng và đền hạ ở Tuyên Quang).

SỰ TÍCH QUAN LỚN TUẦN TRANH

Ngày xưa ở xã Lạc giục, huyện Tứ Kỳ tỉnh Hải dương có hai vợ chồng một nhà nghèo đã già mà chưa có con ; một hôm người chồng cuốc vườn nhặt được hai cái trứng trứng là trứng chim, đem về nhà đẻ, không ngờ sau nở ra hai con rắn ; vợ sợ hãi muốn đem giết bỏ nhưng chồng vì hiếu sinh không nghe. Lớn lên hai con rắn quăn quít vợ chồng ông già lắm ; nhưng chỉ ăn gà, ông già phải đi bắt trộm gà để nuôi rắn. Người xóm làng kêu la dữ nên đành phải đem vứt xuống sông Tranh (tên chữ là Do Tranh).

Sông Do Tranh đời Trần đào qua làng Tranh Chung để tiện tái binh chống quân Nguyên ; sông đào chia đôi làng thành hai : làng Tranh xuyên phủ Ninh giang và Tranh chu sau sáp nhập huyện Vĩnh bảo. Ở khúc sông khi trước thả hai con rắn, nước xoáy dữ lắm, thuyền bè ngược xuôi phải lễ cầu đảo mới có thể vượt qua yên ổn. Ngày kia có một bà Chúa đi qua thuyền không vượt được, phải cho gọi vợ chồng ông già đến. Bà lão mẹ nuôi rắn đứng trên bờ ném đồ cúng xuống sông khẩn cầu ; chỉ trong chớp lát nước lặng sông yên, bà Chúa mới đi được. Thấy linh hiển dân làng Tranh Chung lập đền thờ, và sau khi phân sách hai làng vẫn thờ chung một đền thờ. Mỗi năm cứ tháng 2 và tháng 8 Âm lịch có hội (1). Huyện thoại

cho rằng ông Hoàng Năm, con vua Thủy Phủ, phạm tội cướp bắt vợ đẹp một viên tri phủ, bị vua cha đày ra sông Tranh, cho nên người ta gọi là Quan lớn Tuần Tranh.

ĐỒNG GÍ

Nói đến Đồng cốt thì phải kể luôn cả bọn Đồng Gí. Ở nhiều miền quê những ngày phiên chợ bọn này ngồi một dãy rầm ba người, mỗi người đằng trước trải một chiếc chiếu võng, tay cầm chiếc quạt giấy mở xòe ra che trước miệng. Giữa chiếu là một cái đĩa nhỏ, trên đĩa nằm vắt ngang một nén hương khói lên yếu ớt loảng trên không. Dáng người vẻ mặt khoe mắt của họ trông thật là đồng bóng, tưởng không có tiếng gì khác đề tả rõ hơn được. Tất cả đều là phụ nữ, đôi khi có những người ái nam ái nữ.

Người Á đông ta từ muôn đời qua đã quen thuộc với nếp sống siêu thực, với thế giới huyền bí, tin tưởng có thần linh, có hồn thiêng người đã khuất ; hai bên thường có liên hệ mật thiết với nhau qua sự cảm thông dễ dàng bằng tâm tư linh tính. Vì vậy mà Đạo giáo càng « được đất » thịnh hành, sâu xa thấp kém đến mê tín cả Đồng gí. Bọn này ngày dài tháng rộng chuyên sinh nhai về nghề nói nhảm mà vẫn có người nghe.

Bà xã xóm trên đêm trước thấy đom đóm bay vào nhà, cho

(1) Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ Đỗ đình Nghiêm, Ngô vi liên và Phạm văn Thư,

là có điều chi đây, chi nhiều bên dưới canh khuya trăng lặn nghe chim lợn bay qua kêu đôi hồi rừng mình kinh sợ ; con bác khách chợ, ngủ mê thấy vành khăn tang thì nghi hoặc lo âu... họ thấp thỏm mong đợi một phiên chợ ra bói Gi một quẻ xem sao. Khách đặt quẻ trên đĩa bằng một món tiền chẳng đáng là bao, thời xưa năm bảy xu, cô đồng thấp một nén hương đặt trên rãnh đĩa, nâng lên ngang mày, nhắm mắt lại, một tay nâng quạt lên che mặt, một tay đặt chiếc đĩa có tiền quẻ với nén hương xuống giữa chiếu, rồi chừng nửa phút sau phẩy cho khách hàng (hay là nạn nhân ?) một hai cái, đảo nhìn bên khước mắt che miệng đằng sau góc quạt, lên tiếng như tuồng nửa đọc nửa ca, tiếng bồng tiếng trầm, những câu có vần chắp mảnh, có lẽ với dụng ý chỉ cho khách nghe được loáng thoáng không rành rẽ phân minh. Lúc cời ruột tượng lấy tiền đặt quẻ khách đã kê lễ sự tình ; cô đồng vừa «ca» vừa đoán, nếu có sai chệch đôi chút hay có trái ngược không đâu thì khách hàng với bản tính quẻ kệch chất phác hay phản ứng tự nhiên, lắc đầu hay lên tiếng ; bằng không thì thường gật gù tán thưởng. Sự thật thì lại nhiều câu nghe không rõ, chẳng hiểu ra sao, hay chỉ có thể hiểu mập mờ : cô đồng cứ thế liệu mà tiếp tục «nhỏ to», và lẽ tất nhiên cũng phải «vào đề» cho khách hàng được thấy ra sao, như đem dóm bay vào nhà là hồn thiêng của cha, mẹ, hay chồng, con... về báo cho biết có điềm lành, có việc vui...

Thứ nhất đem dóm vào nhà
Thứ hai chuột rúc, thứ ba hoa đèn,
 như nghe chim lợn kêu đêm (mà chim lợn bao giờ cũng bay ban đêm đi kiếm ăn thường hay kêu, tiếng như lợn kêu bị chọc tiết, gọi ra ý bị giết thịt làm đám ma) thì là điềm chẳng lành trong họ dương hay làng xóm, như thấy khách khăn tang còn mới nguyên, thì cô đồng bảo cho biết ! :

hồn rầy hồn thác ban ngày,
Thương cha nhớ mẹ hồn rầy thác
đêm,

hoặc : *Đưa đám vào lúc giữa trưa,*
Kẻ khóc cũng lăm người đưa
cũng nhiều.

Nếu khách phủ nhận cái lúc giữa trưa thì cô đồng liền cải chính bằng câu : người tà thì vậy nhưng mình thì khác...

Được bảo cho biết mờ mả không yên, hay là bà cô ông mãnh khôn thiêng có điều hồn giặc, hay là đường xa quãng vắng gậm cầu gốc cây đã chạm vía dữ... thì về lo liệu cúng lễ nhượng tai cầu an.

Cần phải nói ngay rằng cái hại bói rất nhỏ nhoi nếu không thề nói là hầu như không đáng kể. Tại nhiều nơi nhiều làng nhiều chợ không có đồng gì ; những người hay tin tưởng gặp dịp có cô đồng đi qua hay có người khác đón về làng thì xem một quẻ, nhất là gọi hồn người thân thích mới chết đề hỏi xem hồn có được yên không, có nhớ thương không, có cần gì

(xem tiếp trang 76)

TỊNH QUÁN

KRISHNAMURTI (1)

HOÀNG-VŨ (dịch)

L.T.S. Đây là một trong những điểm then chốt của Đạo thuyết Krishnamurti. Bạn Hoàng Vũ đã dịch nguyên văn để giúp chúng ta một đề tài suy nghĩ.

1

Tĩnh quán không phải là một sự đào thoát. Đây không phải là một hoạt động nó cô lập bạn và giam hãm bạn trong chính mình, nhưng có lẽ là một sự lý giải giúp chúng ta hiểu được thế giới cùng với những tiến hóa của thế giới. Thế giới không có nhiều đề cống hiến cho ta ngoài những thức ăn, quần áo mặc, nhà ở và những thú vui bao giờ cũng cũng có những sầu muộn đi kèm theo sau.

Tĩnh quán chủ phiêu diêu ngoài thế giới. Chúng ta phải hoàn toàn ở ngoài thế giới, nếu chúng ta muốn tìm thấy một ý nghĩa nào cho thế giới ; khi ấy vẻ đẹp của bầu trời cùng vẻ đẹp của trái đất luôn luôn hiện rõ ràng. Cũng có tình thương không phải là thú vui, nhưng là sự khởi hành của một hành động, và hành động đó không do nơi một sự căng thẳng tinh thần, cũng không do nơi một mâu thuẫn hay do phù hư của quyền hành.

2

Căn phòng được xây xiên trên khu vườn, phía dưới chừng mười, mười hai thước là con sông dài, rộng và thiêng liêng đối với một số người, nhưng đối với một số người khác chỉ là diện tích nước trong đẹp, mở rộng lên bầu trời và đón nhận sự huy hoàng của ban mai. Bao giờ người ta cũng trông thấy bên kia bờ, với xóm làng cùng với những dặng cây và thửa ruộng lúa mì mùa đông vừa mới trồng. Từ căn phòng đó, người ta trông thấy sao mai và mặt trời mọc nhẹ nhàng bên trên những tàng cây ; và dòng sông trở thành con đường vàng óng của mặt trời.

Về đêm căn phòng rất tốt, cánh cửa sổ mở rộng chỉ vùng trời miền nam, và trong căn phòng ấy, một đêm — với một tiếng soạt cánh lớn — một con chim bay đến. Thế là phải thắp đèn và ngồi dậy : con chim nấp ở dưới gầm giường. Đó là một con chim cú. Nó cao chừng năm chục phân, hai mắt to tròn mênh mông và có một cái mỏ đáng sợ.

Chim và tôi ở gần khít bên nhau, nhìn nhau chăm chăm. Nó sợ hãi hoảng hốt vì ánh đèn và vì có người ở cạnh nó. Hai đứa chúng tôi nhìn nhau một lúc và trong suốt thời gian đó nó vẫn giữ nguyên hình thè của nó với cái vẻ dữ tợn đầy tư cách. Người ta có thể trông thấy rõ những móng vuốt đen ác, những sợi lông nhẹ và hai cánh của nó áp chặt vào thân hình nó.

Người ta muốn lấy tay sờ vào nó nhưng chắc chắn là nó sẽ không cho phép. Khi đó người ta tắt đèn đi cho căn phòng tối lại và trong ít lâu, tất cả đều yên lặng. Rồi bỗng có một tiếng vù của đôi cánh làm gió chuyển động quạt ngang vào mặt, và con chim cú đã bay qua cửa sò. Và nó không bao giờ trở lại.

3

Đây là một ngôi chùa rất cổ. Người ta bảo rằng nó đến hơn ba nghìn năm, nhưng các bạn biết rằng người ta nói thế là quá đáng. Có thì chắc chắn là nó cổ lắm rồi ; thoạt tiên là một ngôi chùa Phật, cách đây vào khoảng bảy thế kỷ ngôi chùa đó đã trở thành một ngôi chùa Ấn, và thay vào tượng Phật người ta đã đặt một ngẫu tượng Ấn Độ. Phía trong chùa rất tối, với một không khí kỳ lạ. Có những căn phòng được những cây cột chống đỡ, những hành lang dài với những chạm trổ huy hoàng, và có mùi dơi pha lẫn với mùi hương trầm.

Những người mộ đạo, kéo lê thân hình vừa mới tắm rửa mát mẻ xong đến đó, tay chấp kính cần, đi quanh những hành lang, cứ mỗi lần ngang qua ngẫu tượng bện áo lụa bóng loáng lại cúi rạp mình xuống lễ. Trong chính điện nơi thâm cung nhất một nhà sư đang tụng niệm bằng tiếng Phạn thật rõ ràng nghe rất dịu tai. Nhà sư không vội vã và những tiếng thoát ra từ đáy từng thâm sâu nhất của ngôi Chùa một cách duyên dáng tự nhiên. Con trẻ có, các bà già có, các thanh niên cũng có. Những người thuộc về nghề nghiệp tự do đã dời bỏ bộ Âu phục, mặc áo *dhotis*, hai tay chấp lại, vai dè trần, họ ngồi hay đứng, thái độ rất khiêm cung sùng đạo.

Lại còn có một cái ao đầy nước — một cái ao thiêng — có nhiều bậc thang đi xuống và, chung quanh, có những cột đá chạm trổ. Người ta đến chùa bằng một con đường bụi bặm, chan chứa tiếng động và mặt trời, và ở đây chiều dài của bóng tối thật êm ả. Bây giờ không còn những ngọn nến, không còn những người quỳ niệm, chỉ còn những người hành hương chung quanh bàn thờ, môi mấp máy cầu nguyện trong yên lặng.

4

Chiều nay, một người đàn ông theo đạo Vệ Đà đến thăm tôi. Ông ta nói tiếng Anh rất thạo vì đã theo học một trường đại học, và có một bộ óc linh hoạt và bén nhạy. Ông ta hành nghề luật sư và kiếm được khá nhiều tiền. Đôi mắt sắc sảo của ông ta quan sát bạn, đặt bạn lên bàn cân với một vẻ khá bồn khoăn. Xem chừng ông ta là một người đọc sách nhiều, cả những bản văn về thần học Tây phương. Chắc tuổi trung tuần, người hơi gầy và dong dỏng cao, có tác phong một luật sư đã từng thắng nhiều vụ kiện.

Ông ta nói: « Trò đã nghe Ngài thuyết pháp và thấy những lời Ngài dạy như Kinh Vệ Đà trong-sáng nhất, được hiện đại hóa nhưng vẫn giữ được y nguyên truyền thống cồ-xưa nhất ». Chúng tôi hỏi ông ta xem ông ta hiểu Kinh Vệ Đà là như thế nào. Ông ta trả lời: « Bạch Ngài, chúng con khấn nguyện rằng chỉ riêng Brahman là sáng tạo ra thế gian và cái giả tưởng của thế gian; *Atman* — ở bên trong tất cả mọi người — là từ *Brahman* mà đến, Con người phải thức tỉnh từ cái ý-thức phức tạp hàng ngày đó, nó chính là cái đặc thù của thế giới đã được thể hiện, y hệt như hần ta cố gắng thức tỉnh từ một giấc mơ. Cũng giống như một người ngủ tạo ra toàn thể giấc mơ, ý thức cá nhân tạo ra toàn thể thế giới hiện hiện, trong đó có cả những người khác. Bạch Ngài, Ngài không nói ra những điều đó, nhưng Ngài suy tư tất cả những điều đó bởi vì Ngài đã ra đời và đã sinh trưởng tại đất nước này, và mặc dù Ngài đã sống ở ngoại quốc hầu trọn đời Ngài, Ngài vẫn là thành phần của truyền thống ấy, Nước Ấn đã sinh ra Ngài, dù Ngài ưng như vậy hay không Ngài vẫn là sản phẩm của nước Ấn. Và Ngài có một tinh thần Ấn. Cử chỉ của Ngài, sự nghiêm lặng của Ngài giống như một pho tượng, khi Ngài thuyết pháp về bề ngoài của Ngài cũng là một phần của di sản xa xưa đó. Sự giáo huấn của Ngài chắc hẳn cũng là sự giáo huấn cồ nhân ta đã ban dạy từ ngàn xưa ».

Chúng ta hãy gạt sang bên vấn đề người nói là người Ấn hay là người một sắc dân khác, xem hần ta có được giáo huấn trong truyền thống đó, có được đặt trong những điều kiện của nền văn hóa đó, và xem hần có là kết quả của nền giáo dục cồ truyền đó hay không. Trước hết, hần không phải là một người Ấn trong ý nghĩa hần không thuộc về quốc gia Ấn, và cũng không là thành phần của cộng đồng những người Bà La Môn, mặc dù hần được sinh ra ở Ấn. Hần chối bỏ chính cái truyền thống mà ông khoác cho hần. Hần không nhận rằng sự giáo huấn hần chủ trương là một sự liên tục kế tiếp những nền giáo

huấn cò xưa. Hẳn đã không đọc bất cứ một cuốn kinh điển nào của Ấn Độ hay của Tây Phương bởi vì chúng không ích lợi gì cho con người đang ý thức về những gì đang trải qua trên thế giới cùng cách tiếp nhận xử thế của người đời. Người đời lập lại những mớ lý thuyết trong kinh điển, chấp nhận những sự tuyên truyền từ hai ngàn hay từ năm ngàn năm nay và đã trở thành truyền thống, chân lý và điều mặc khải.

Đối với con người chối bỏ toàn diện và hoàn toàn sự chấp nhận thế gian, những biểu tượng và những điều kiện của chúng, chân lý không phải là một vấn đề thứ yếu. Nếu ông đã nghe hẳn nói chắc hẳn ông còn nhớ rằng ngay từ đầu hẳn ta đã phát biểu ý kiến rằng bất cứ một sự chấp nhận quyền uy nào cũng chính là sự phủ nhận chân lý và hẳn ta cũng đã nhấn mạnh vào sự cần thiết phải chọn vị trí cho mình ở ngoài tất cả mọi nền văn hóa, mọi truyền thống và mọi luân lý xã hội. Nếu ông đã nghe hẳn, chắc ông sẽ không nói rằng hẳn là người Ấn hay hẳn đã lập lại trong ngôn ngữ mới một truyền thống xưa cũ. Hẳn ta chối bỏ hoàn toàn quá khứ, các vị tôn sư, các môn đệ, lý thuyết cùng phương thức của hẳn.

Chân lý không bao giờ ở trong quá khứ, Những chân lý của quá khứ là những đồng tro tàn của kỷ ức thuộc về thời gian. Trong đồng tro tàn của ngày qua không có chân lý. Chân lý là một sự gì linh động nó không thuộc phạm vi thời gian.

Sau khi đã gạt tất cả những thứ đó sang bên, bây giờ chúng ta có thể đề cập đến trung tâm liên quan đến *Brahman*, đúng như ông khải nguyện. Có điều chắc chắn, thưa ông, là chủ trương đó là một lý thuyết đã được tinh thần giàu tưởng tượng bày đặt ra, dù đấy là Shankara hay là một học giả tân thời chuyên về thần học.

Ông có thể kiểm chứng một lý thuyết bằng chính kinh nghiệm của ông, nhưng theo cách thức một kẻ, được dạy dỗ và được đặt trong những điều kiện của thế giới công giáo, có những nhãn thị về Đấng Ki-tô: điều hiển nhiên là những nhãn thị như thế về Đấng Ki-tô là những phóng ảnh của chính sự điều kiện hóa của anh ta. Cũng như thế, những người được nuôi dưỡng trong truyền thống Đấng Krishna có những kinh nghiệm và những nhãn thị do nền văn hóa của họ tạo ra. Kinh nghiệm như thế, không chứng minh một điều gì. Nhìn nhận rằng một nhãn thị của Đấng Krishna hay của Đấng Ki-tô là sự kiện của một tri thức có điều kiện. Nhãn thị đó như vậy không phải là một thực tại, nhưng là một ảo ảnh, một thần thoại được tăng cường bởi kinh nghiệm và hoàn toàn có.

tính chất giả định. Ông cần gì đến một giả thiết tại sao ông lại khản nguyện một tín ngưỡng? Cái chủ trương thường hằng phải có một tín ngưỡng là chỉ dấu một khiếp sợ: khiếp sợ cuộc sống hằng ngày, khiếp sợ đau khổ, khiếp sợ sự chết và sự sống, một sự sống hoàn toàn vô nghĩa. Trông thấy tất cả sự kiện như thế, ông bày đặt ra một giả thuyết, và khi giả thuyết ấy càng khéo léo và càng uyên thâm thì nó càng thêm trọng lượng. Sau hai ngàn năm hay mười ngàn năm tuyên truyền, giả thuyết đó, một cách không suy suyển và ngu xuẩn, trở thành «chân lý».

Nhưng nếu ông không khản nguyện một tín điều nào, thì ông sẽ thấy ngay mình trực diện với thực tại của cái gì hiện hữu. khi đó «cái điều hiện hữu» đó là tư tưởng, là lạc thú, là đau khổ và là sự khiếp sợ sự chết. Một khi người ta đã hiểu rõ cơ cấu của sự sống hàng ngày — với những đua tranh, tham vọng của nó để đạt quyền hành — thì người ta trông thấy sự vô lý của những giả thuyết, những đáng cứu thế, những «gu ru» (gourou), nhưng ta có thể tìm thấy một chấm dứt cho sự đau khổ, một chấm dứt cho tất cả cái cơ cấu mà tư tưởng đã tạo nên.

Tịnh quán chủ tiến xâu vào trong cái cơ cấu đó để hiểu nó. Khi ấy người ta thấy rằng thế gian không phải là một ảo ảnh nhưng là một thực tại khủng khiếp mà con người đã xây dựng nên trong mối tương quan của nó với đồng loại. Chính điều ấy là điều cần được hiểu chứ không phải những phương thức lễ nghi và giam nhà bán hàng cũ của một tôn giáo có tổ chức.

Khi con người ta tự do, không có lý do để sợ hãi, ham muốn hay đau khổ, thì khi ấy mà thôi, tinh thần trở nên an nhiên tịnh mặc. Khi ấy, không những tinh thần có thể thấy được chân lý trong đời sống hàng ngày, từ khoảnh khắc một, nhưng còn có thể đi ra xa, ngoài tất cả mọi tri giác, nơi người quan sát và vật bị quan sát chấm dứt và tất cả mọi nhị nguyên cũng đều tan biến.

Nhưng vượt lên trên tất cả những sự đó, và không một may mắn liên quan đến đến sự đua tranh đó, sự phù ảo hư không đó, sự thất vọng đó, còn có — và đây không phải là một giả thuyết một dòng sống linh động vô thủy vô chung, một vận động bất khả trắc lượng mà tinh thần không bao giờ có thể dẫn dụng được.

Sau khi đã nghe tôi trình bày như thế, hẳn ông sẽ dựng nên một học thuyết. và nếu học thuyết này được ông hài lòng, ông sẽ đem nó đi phổ biến. Nhưng điều mà người ta phổ biến không phải chân lý. Chân lý chỉ có đó khi nào người ta được giải thoát khỏi khổ đau khỏi phiền

muộn và tình ưa xâm hại là những thứ, trong lúc này, đang tràn đầy tâm trí ông. Khi người ta thấy tất cả những sự đó và khi người ta đối mặt được với sự ân sủng có tên là tình thương, thì khi ấy người ta mới biết rằng những điều vừa mới được nói ra là sự thật.

THÍCH BỨC TÂM THƯ BỐN TRANG CỦA MỘT TRI KỶ VĨNH LONG GỬI DỊCH GIẢ

Kính Chú Bác sĩ.

.....
Bài của Chú đăng và còn đăng một kỳ nữa ở tạp chí : « KR một thông điệp mới », tôi đọc kỹ. Thì cũng như đối với những bài chính mình viết về KR., tôi không vừa lòng. Làm sao nói hay viết được rõ mớ mình hiểu về KR. ?

.....
Xin gửi Chú xem một bài tôi viết cho tạp chí Vượt thoát, nhan đề : « Vào cửa KR. » Lại một lối nữa trong vạn lối, chú xem với nhau cho vui. Hiềm vì tạp chí ở tỉnh lẻ thiếu phương tiện.., Tôi « thương » mấy em thiện chí ấy, làm việc với mấy em để có dịp nhắc nhở KR. với mấy EM, tùy mấy EM tự hiểu lấy chính mình...

.....
Một « Nhóm thân hữu KR. (Amis de KR.) » như ở nhiều xứ trên thế giới, thấy rất cần lập — chừng năm mươi người — Có nhiều việc góp sức nhau mà làm thì vui và nhẹ hơn là lẻ tẻ riêng rẽ, cho Thông điệp mới ấy.

Bởi lẽ trong suốt 20 năm đọc học dịch nói về KR., tôi làm quen đó đây với mấy bạn ở Pháp ở Bỉ, tôi muốn « kỳ thác » cho Nhóm tất cả những gì tôi có, để mai sau khi tôi « ra về ».. cũng có vài ba điều nào đó tôi muốn gửi lại cho các bạn, để : với tôi 40 năm mới hiểu chút chút, thì với các bạn có thể là 4 năm, 4 ngày hay 4 giờ. Thì giờ lại cấp bách cho Thông điệp ấy sống nơi ta... mở mang tự ở chính ta, hầu ta « làm việc giữa đời đen tối này » cho Thông điệp.

Tôi mang cái hoài bão ấy trong những tháng năm gần Đất xa trời này.

.....
Ký tên : TÂM

Một lối nhìn trần tục hóa

TRẦN-ĐỨC-HẢI

Việt Nam có trào lưu Trần tục hóa không ? Nếu có thì ảnh hưởng của nó đến mức độ nào ? Đó là những câu hỏi có thể được đặt ra cho những ai thích theo dõi các hiện tượng tôn giáo cũng những diễn biến của nó. Gần đây Linh mục Hoàng Sĩ Quý đã phác họa phần nào « Tiến trình hồi tục bên phương Đông », hiểu như « những quốc gia cùng chung một gia sản văn hóa với chúng tôi, các quốc gia Khổng Mạnh và các quốc gia Ấn Phật. » (1). Theo ý tác giả thì hiện tượng hồi tục không ít thì nhiều đã có mặt ở các nước này. (2) Chúng tôi nghĩ rằng, muốn trả lời thắc mắc nêu trên, trước tiên cần tìm hiểu bản chất và nguồn gốc của trần tục hóa.

Hầu hết các nhà khảo cứu vấn đề trần tục hóa, công giáo hoặc tin lành, như Harvey Cox, Zahrnt, E. Schillebeeckx... đều đồng ý với nhau về bối cảnh lịch sử của nó. Đó là một ý niệm phát xuất từ nền văn minh Tây phương, một nền văn minh con đẻ của Kitô giáo. (3). Tuy nhiên khi tìm hiểu bản chất và nguồn gốc phát sinh ra ý niệm này, họ lại không cùng chung ý kiến. Một số thần học gia như H. Cox, Gogarten, Newbigin... cho rằng trần tục hóa bắt nguồn từ

Thánh Kinh (4) và đức tin Kitô giáo : « Trần tục hóa là hậu quả tất yếu và hợp lý của đức tin Kitô giáo. » (5)

Trái lại, có người cho rằng trần tục hóa chỉ là hiện tượng của nền văn minh nhân loại, « nó làm nảy sinh một đoạn giao với truyền thống, biến đổi tôn giáo đã nhận lãnh và tạo nên 1 bậc thang giá trị mới. » (6). Linh mục E. Schille-

- 1) Hoàng Sĩ Quý, « Phương Đông có thể làm gì được cho một xã hội đương hồi tục ? », Phương Đông số 23, tháng năm, 1973, trang 297 t.
- 2) Tác giả dịch chữ *sécularisation* là Hồi tục trong khi chúng tôi dịch *sécularisation* là trần tục hóa, được xem như một *tiến trình* lịch sử, và *laïcisation* là hồi tục tức là *sự kiện* (fait) một tu sĩ cởi bỏ tu phục và lối sống tu để trở lại đời sống bình thường.
- 3) Xem Hoàng Sĩ Quý, sđd và Alan Richardson, *Le procès de la religion*, Castelman 1967, trg 37 t.
- 4) Xem H. Cox, *La cité séculière*, Casterman, 3ème éd. 1968, chương một của phần nhất : Các nguồn Thánh Kinh của trần tục hóa, trg 47 t.
- 5) Friedrich Gogarten, *Destin et espoir du monde moderne*, Casterman. 1970, trg 130
- 6) Christian Duquoc, *Ambiguïté des Théologies de la sécularisation*, éd. Duculot Gembloux 1974, trg 27

beeckx hình như đồng quan điểm với Duquoc khi Ngài viết : « Trần tục hóa trước tiên không phải là 1 hiện tượng tôn giáo, hữu ích hay bất lợi cho tôn giáo, song là một sự thay đổi trong mối tương giao của con người với vũ trụ ; trước tiên nó là 1 hiện tượng xã hội. » (1) Thật vậy, dựa vào *hiện tượng luận*, chúng ta có thể nói : Một khi tư tưởng con người thay đổi thì cái nhìn của nó về thực tại sống cũng thay đổi, và ngược lại, « cách thức sống của con người trong xã hội gây một ảnh hưởng lớn lên cách họ hiểu đời sống này. » (2) Người bộ lạc và người đô thị chắc có những vũ trụ quan riêng biệt tùy thuộc vào cục diện xã hội, kinh tế, chính trị của họ. Đối với người sơ khai, vũ trụ là một thực tại huyền bí nhan nhần thần linh. Con người trở nên nô lệ thiên nhiên vì thường sống trong 1 trạng thái lo sợ khi phải mãi đối đầu với các sức mạnh mù quáng của thiên nhiên như sấm sét, gió bão, lửa... Các sức mạnh đó đã được thần thánh hóa và do đó có hai nhân vật chính trong cuộc : Thần linh và Con người. Lễ tất nhiên thần thánh có ưu thế trên con người, là chủ của nó. Song, một khi tư tưởng con người triền nở, khoa học, kỹ thuật được xúc tiến mạnh mẽ với sức khám phá những định luật tự nhiên, với các phát minh tân kỳ, con người không còn nhìn thiên nhiên bằng cặp mắt lo sợ, thần bái như trước nữa. Trái lại, giờ đây con người, tìm thấy ở đó những chất liệu mà nó

có thể dùng để tạo dựng một thế giới mới. thế giới của con người. Nói đôi lời, con người đã làm chủ thiên nhiên, đã tìm lại được tính căn bản của nó là tự do, là trách nhiệm xây dựng thực tại. Vì thế giới, xã hội trước tiên là một dữ kiện, một cái gì bất toàn và không bí nhiệm. Vì « Đây là địa trường thám hiểm của con người, là cảnh vực của cố gắng nhân loại mà các thần linh đã bỏ trốn. » (3). Như vậy nếu ở trong quan niệm cũ, thần linh là con người đóng vai nhân vật chính, thì với quan niệm này, chỉ có con người là chủ nhân ông có quyền vận dụng các tác phẩm kỹ thuật do chính nó tạo nên. Đối với nó, « các năng lực tự nhiên không còn được xem như là những tạo lực lệ thuộc vào ý muốn của một hữu thể toàn năng, trái lại được xem như những dữ kiện khách quan mà con người có ơn gọi, và hơn nữa, có bổn phận chủ trị nó. » (4)

Với ý thức sự kiện này là : « Sự phát triển kỳ diệu của các khoa học thực nghiệm và sự áp dụng tức thời của chúng trong các lãnh vực thông thường của đời sống hằng ngày làm xáo trộn tận gốc các điều kiện sinh sống của nó, dù đó là lãnh vực của việc phân phối

1) E. Schillebeeckx, *La mission de l'Église*, éd Du Cep, Bruxelles, 1969, trg 281

2) H. Cox, *sđd*, trg 31

3) *ibid*.

4) S. Dockx, *Civilisation technique et humanisme*, Beauchesne Paris, — 1968, trg 6

tổ chức công việc, giải trí phương tiện truyền thông, sự cư trú : không có gì tránh khỏi sự chi phối của kỹ thuật. » (1), con người đã thay đổi rất nhiều ở bình diện tâm lý. Nó tự xem mình là trung tâm và là cùng đích của vũ trụ. Tin vào sức lực con người, tin tưởng vào sự tiến bộ của nhân loại đã trở thành những giá trị căn bản của nền văn minh, đến nỗi « Trong thế giới hôm nay, sự tiến bộ (progrès) đã trở thành điều kiện của sự phát triển và kiện toàn con người. » (2)

Bên cạnh khuynh hướng « suy tôn, thần hóa » bản thân này, tâm lý con người hôm nay còn bị nhiều yếu tố ngoại cảnh khác chi phối. Chẳng hạn hiện tượng kỹ nghệ hóa, đô thị hóa, sự di động xã hội (mobilité sociale)... đã hủy bỏ một số không ít các cách sống và các giá trị truyền thống, làm xã hội mất đi tính chất an định, gây nên trong lòng người ý muốn luôn thích nghi với những đòi hỏi của cuộc sống mới, tức là biết loại bỏ các định chế cũ (3).

Nói tóm, thế giới hôm nay đang trải qua một cuộc biến đổi sâu đậm ở nhiều lãnh vực : kinh tế, xã hội, chính trị và cả tôn giáo nữa, công đồng Vaticanô II đã nhận định : « Những hoàn cảnh mới cũng ảnh hưởng tới đời sống tôn giáo. » (4). Tất cả những nét mô tả trên là các cấu tố của cái mà chúng ta đã gọi là « Trần tục hóa ». Nó là 1 tiến trình, 1 trào lưu dẫn thế giới hôm

nay hướng về 1 sự tự lập tự trị lớn rộng hơn so với những sức mạnh tôn giáo, thần thiêng của quá khứ. Nói đúng hơn nó là kết quả của một tiến trình lịch sử đưa đến sự tự lập tự trị của vũ trụ, của con người và của lịch sử.

Qua các khảo sát trên, chúng ta có thể rút ra nhận xét sau :

Trần tục hóa là 1 hiện tượng xã hội Tây phương tuy phát xuất từ một nền văn minh thoát thai từ Kitô giáo có khuynh hướng đề cao con người và chỉ chú trọng đến những vấn đề thực tiễn thế tục, tức là loại bỏ hay không lấy làm điều các vấn đề siêu hình, sự hiện hữu và hiện diện của Thượng Đế. Chính ở điểm sau này mà trần tục hóa, trong thực tế, mang 1 màu sắc tôn giáo : « Vì hình ảnh Thiên Chúa không bao giờ hoàn toàn tách biệt khỏi hình ảnh tiền hữu con người và vũ trụ. » (5). Và một khi con người nhận thấy mình « đã học biết giải quyết cách thành công tất

1) F. Houtart, Les aspects sociologiques des « signes du temps », Coll. Unam Sanctam, 65b, L'Eglise dans le monde de ce temps. tome 2 commentaires, éd. du Cep trg 176.

2) F. Houtart, ibid trg 175

3) Xem Gregory Baum, Causes culturelles de la transformation du problème de Dieu Concilium số 76, trg 49-57

4) Xem Thánh công đồng chung Vaticanô II, Hiến chế Giáo Hội trong thế giới ngày nay, Giáo hoàng học viện Piô X xuất bản, số 7, trg 851-853

5) E. Schillebeeckx, sđd trg 281

cả các câu hỏi quan trọng mà không cần nại đến « giả thuyết Thiên Chúa... » cũng như trong lãnh vực khoa học, « Thiên Chúa » trong lãnh vực nhân bản, luôn bị đẩy lùi xa khỏi đời sống; Ngài mất đất ! » (1). Thiên Chúa mất đất, bộ mặt Thiên Chúa lu mờ tức là tôn giáo bị coi nhẹ, bị liệt vào hàng thứ yếu và trở thành một thứ trang sức xã hội, một sinh hoạt thuộc phạm vi tư riêng. « Đối với 1 số người, tôn giáo là một công việc của những lúc nhàn rỗi, đối với một số khác, đó là dấu hiệu biểu lộ sự thuộc về 1 quốc gia hay chủng tộc của họ ; đối với một số người khác, đó lại là một thỏa mãn thuộc phạm vi thẩm mỹ. » (2)

Thật ra, với 1 tiến trình như thế, trần tục hóa đưa con người đi vào 1 vấn đề nằm ở một bình diện sâu hơn. Vì, nếu xét theo quan điểm tôn giáo, một khi con người bắt đầu thay thế « Thiên Chúa » bằng « người anh em » — nghĩa là kẻ bên cạnh trở thành trung tâm điểm của sự chú ý của con người, và đồng hóa tình yêu anh em với tình yêu đối với Thiên Chúa (3), nó đã mặc nhiên đặt câu hỏi : Tôn giáo phải chăng qui về Thiên Chúa hay, trái lại, con người là trung tâm của tôn giáo ? (La religion est théo-centrique ou anthropocentrique?). Một hình thức nhân bản đóng kín đang dần dà thay thế tôn giáo có chiều thẳng đứng ? ! Trần tục hóa biến dạng mà trở thành « trần tục chủ nghĩa » (sécularisme)

Ở bình diện thực tế, từ những quan niệm, lập trường như thế, con người rất dễ đi đến 1 lối sống của những người không tin vào siêu việt tính, chỉ sống *cho* hiện tại, thụ hưởng *trong* hiện tại mà thôi.

Ở Việt nam, chắc đã thấy xuất hiện không ít những hạng người có tâm tình tương tự. Vì tuy trần tục hóa là sản phẩm đặc thù của Tây phương, song vì là con đẻ của nền văn minh kỹ thuật Âu tây này, nó đồng thời du nhập vào những nơi mà nền văn minh này đang gây ảnh hưởng. Và chúng ta tự hỏi : Hiện nay có bao nhiêu quốc gia còn xa lạ với nền văn minh kỹ thuật hiện đại ? Một biến cố bé nhỏ xảy ra trong 1 làng hẻo lánh vùng sơn cước chẳng hạn, cũng có thể được người ta đưa lên màn ảnh vô tuyến truyền hình hay trên mặt báo chí quốc tế ; chiến tranh Việt Nam không còn chuyện nội bộ của Đông dương... ; khủng hoảng tiền tệ ở Mỹ hay Nhật gây một khủng hoảng dây chuyền quốc tế... ; một cuộc đình công ở Anh cũng như nhiều tổng liên đoàn nhân công các nước khác hưởng ứng..., tất cả các sự kiện cụ thể này cho phép chúng ta nghĩ rằng thế giới càng đi đến 1

1) Dietrich Bonhoeffer, *Résistance et soumission*, lettres et notes de captivité, labor et fides, Genève 1963 trg 145.

2) H. Cox, sđd trg 33

3) Đó là cố gắng của Giám mục Anh giáo J.A.T. Robinson trong tác phẩm nổi tiếng : *Honest to God*, SCM Press 1963 trg 50-62

hình thức « đại đồng nào đó », trong đó tình liên đới nhân loại được xem trọng và đề cao, và « các giá trị mới, phát sinh từ nền văn minh kỹ thuật, có khuynh hướng tổng quát hóa toàn thể nhân loại và nội nhập tất cả mọi nền văn hóa. » (1)

Nhận định như trên tức là mặc nhiên chấp nhận rằng trần tục hóa đã có mặt phần nào trên đất nước chúng ta, khi mà nền văn minh kỹ thuật Âu Mỹ không ngừng du nhập vào quê hương chúng ta với nhiều lý do, nhiều cớ; khi số đông người giữ vai trò quan trọng trong nước (ở lãnh vực tôn giáo, xã hội, chính trị...) thường

trở thành trong « bầu khí » Tây Mỹ; khi nền văn hóa nước nhà đang trải qua 1 giao động của thời kỳ tìm đường hướng thích nghi nhưng không bị đồng hóa, và nhất là khi chính mỗi một người Việt quên đi trách nhiệm của mình phải đóng góp tùy sức vào sự phát triển tinh thần dân tộc truyền thống của nước Việt...

Sau cùng, đối với câu hỏi : « Ảnh hưởng của trần tục hóa hiện ở mức độ nào ? », chúng tôi xin đề mỗi một người tự thâm định và tự tìm cho mình 1 câu trả lời.

TRẦN ĐỨC HẢI

1) F. Houtart, bđd trg 182

NIFLUCID

Acid niflumique SQUIBB

- ☐ **CHỦ TRỊ :** đau, sưng, nhức mỏi,
không có tính chất CORTICOÏDE
- ☐ **DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP :**
 - Thống phong (goutte)
 - Phong thấp, các bệnh đau nhức của người lớn tuổi
 - Sưng vì trật xương, gãy xương, bị thương, nhổ răng
 - Các bệnh của khớp xương
- ☐ **TÁC ĐỘNG :**
 - Mạnh, nhanh
 - Ít phản ứng phụ
 - Không làm quen thuốc
 - Dễ thay thế dần trong sự trị liệu bằng Corticoïde

Hãy dùng

NIFLUCID

UFFARMA CÔNG TY NHẬP CẢNG
186 Tự-Đức, Saigon — Tel : 92.830 - 95.308

TÍN NGƯỞNG ĐẠO GIÁO Ở VIỆT-NAM

(tiếp theo trang 64)

không.. Chẳng tốn gì mấy tí ; không như bọn phù thủy thầy cúng « đạo to búa lớn » quan trọng hóa những điều chúng bịa đặt : chết phải giờ xấu có trùng, xung khắc với tuổi vợ lớn vợ bé hay với tuổi con trai con gái, phải đợi nhiều ngày mới được giờ chôn cất, phải yếm bùa trong áo quan, trước cửa nhà, ngoài ngõ, ngoài mộ, phải lễ khu trừ ma quỷ nơi huyết táng, phải lễ mắt nhà tống tiễn hung thần. . ý hẳn người đời cũng nhận thấy bầy vẽ phiến nhiều, cho nên đã lên tiếng :

*chập chập thôi lại cheng cheng,
Con gà trống lớn đẻ riêng cho thầy
Đơm xôi thì đơm cho đầy
Đơm mà vọt đĩa thì thầy chẳng ưa.*

Phù thủy thì còn tương đối ít, cả một tỉnh chỉ vài ba người. Khi phải mời phù thủy cúng lễ thì to chuyện lắm, hao tài tốn của, vậy mà vẫn có những người thẳng giáp hạt vay nợ ăn đong, vì quá mê tín « phải » mời thầy lập đàn xin bùa phép giải oan, trừ tà, trấn yểm... Cũng là may mỗi hại đang ngày một giảm bớt; mai sau mấy thầy mỗi tuổi một già, ít người kế nghiệp rồi không còn kẻ hành nghề ấy nữa, thì tự nhiên sẽ hết.

Cũng cần nói đến mỗi hại đồng bóng Chủ vị. Thực ra các bà có số thờ cũng ít. Những người đầu tắt mặt tối, giàu bữa hôm khó bữa mai, mà là đa số gần như hầu hết trong xã hội Việt Nam ta suốt trong mấy thế kỷ, ít có dịp lui tới phủ Mẫu đền Thánh, không bị « tiêm

nhễm » cái thói dừng mõ, ít biết cái thú

*chị em thờ thẻ đêm thanh vắng,
chẳng sướng gì hơn lúc thương đồng.*

thành ra lệ đoan đồng bóng chỉ giới hạn trong đám no cơm ấm cật, thì có thể coi như những cuộc du hí, những buổi dạ hội khiêu vũ, những châu hát thâu canh dưới xóm, nhưng được cái không thường xuyên tuần này lại tuần khác, mà chỉ năm ba lần một năm là nhiều, lại không hề hấn gì đến người ngoài cuộc. Xem ra các chị em nghèo khó, nhất là lại không có tin tưởng, không bị bùa chú, ông Hoàng, cậu quận hay các cô bắt đồng. Dù sao, rồi ra sớm muộn gì Chư Vị cũng sẽ hết lưu luyến, chẳng thiết gì nữa với lũ « người trần mắt thịt » mà bằng ngàn, vượt bề, cưỡi mây đi, đi mãi không về, mặc cho nhân thế cứ ý cạy ở trí khôn không cầu cạnh mong chờ gì ở các Ngai nữa.

Giới trí thức nhiều người không tin không ưa thầy cúng đồng cốt nhưng thường lại bị áp lực tinh thần của xã hội của gia đình họ nội họ ngoại, cứ đành thụ động : Con em có lên đi xem bói gì thì cũng cam chịu coi đó là việc đàn bà con trẻ, vợ đồng bóng thì cũng « phải chiều » cho yên cửa yên nhà, nghĩ rằng của chồng công vợ cũng nên nề vì người nội tướng, ấy là chưa kể những trường hợp nội tướng mồm loa mép dài, lệnh ông không bằng công bà / nhất là những việc « phải » nghe theo phù thủy thầy cúng thì nhiều khi như bị bó buộc, nếu nhất

thiết bác bỏ không hành động theo thói thường lỗ sau có xảy ra điều chẳng lành gia đình phải gánh chịu kể cho là tại mình, mà dư luận quần chúng sẽ cho là ngang ngược vô thần, hặc cho là keo kiệt sợ phải tiêu tiền.

Tự do tín ngưỡng là quyền bất khả xâm phạm! người ta đã khéo dùng chiêu bài ấy suốt tám mươi năm Pháp thuộc để thực thi chính sách ngu dân. Ngu dân bằng tôn giáo đối với mấy dân tộc đã tiến hóa thì chẳng dễ gì, nhưng đối với người mình trước đây thì thật là «đắc sách»! không những người ta đã để cho tín ngưỡng thả đàn, tha hồ mê theo đạo này đạo khác mà còn hết sức tìm cách chính phục tâm hồn bọn người chất phác lại chính bằng tôn giáo, để lời cuốn gọi tách rời khỏi hàng ngũ dân tộc có tinh thần chống đối không chịu khuất phục. Thành ra số người đắm đuối trong u mê vốn dĩ từ xưa đã đông đảo lại càng đông đảo thêm. Cái tự do được người ta bắt phải tôn trọng kia đã không đem lại lợi ích gì, lại còn gây trở ngại cho cuộc sinh hoạt quá chật vật thấp kém của quần chúng, làm suy giảm tinh thần đoàn kết tự cường của dân tộc.

Quốc triều hình luật (Luật Hồng đức triều Lê) điều thứ 119 rằng: «Những người đem sách Phật in khắc bản in bán, làm rối loạn lòng dân, thì bị tội đồ (1); các quan

sở tại thấy mà không bắt và tâu lên, thì bị biếm (2). Nếu đã tâu lên và được phép ấn hành, thì không phải tội».

Chỉ dụ Vua Lê Huyền Tông ban hành năm Cảnh trị thứ ba (1665): «Giáo lệnh mấy năm trước đã cấm chấp đàn ông đàn bà không được mượn có làm sư lánh đi ở chùa, và không được làm đồng cốt và phù thủy, mê hoặc đời lừa dối dân. Hiện nay những người ở các huyện, xã, phường, thôn, thỉnh thoảng vẫn phạm vào cấm lệnh ấy. Vậy các quan ở nha Thừa Ti (3) phải theo giáo lệnh trước mà nghiêm cấm, để cho dân trở về chính đạo.» (4)

Còn nhiều lệnh cấm về tôn giáo chẳng cần kể dài dòng ra đây, thời xưa được ban hành phạm vào tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng không phải là chuyên chế độc tài, mà là thiện chính với mục đích giáo hóa, chăm lo cho dân sinh, cho thuần phong mỹ tục.

(1) Đồ: đem đi chỗ khác, bắt làm việc.

(2) Biếm: giáng chức.

(3) Thừa Ti: Niên hiệu Phúc thái thứ 3 (1645) Vua Lê Chân Tông quy định thê lệ xử kiện, trước hết phải do Xã trưởng, một lần không xong thì cứ lần lượt đem lên Huyện, Phủ, Thừa Ti, rồi Hiến ti, rồi Cai Đạo, rồi Cai Bộ (Bộ Hình) rồi chốt hết Đài Ngự Sử.

(4) Lê triều chiếu lệnh thiện chính Bộ Lễ.

PHẦN TƯ

Được tin Đại úy ĐÀO-SĨ-HÙNG lệnh nam Dưc sỹ ĐÀO-SĨ-CHU, đã từ trận tại Cai-lập ngày mồng 3 tháng 5 âm lịch vừa qua.

Phong trào Hưng-Giáo Văn Đông thành thực chia buồn cùng Hội viên Đào-Sĩ-Chu và gia quyến. Cầu Trời Phật cho hương hồn cố đại úy chóng siêu độ.

TIN TỨC VĂN HÓA VÀ TÔN GIÁO

Phủ Quốc vụ khanh Văn hóa khai tử.

Do sắc lệnh 490 TT/SL ngày 26-5-73, Tổng thống đã bãi bỏ Phủ quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa và cải tên bộ Quốc gia giáo dục thành bộ Văn hóa giáo dục. Như thế, Phủ Quốc vụ khanh V.H không còn và từ nay bộ Giáo dục đã quá công kênh, còn đào thêm cái ruột thừa là công việc văn hóa.

Phần thưởng Đạo đức chính phủ.

Cụ « Lễ nghĩa liêm sỉ » đã từ lâu ráo riết vận động lập phần thưởng đạo đức cho dân chúng, mà bắt đầu là giới học sinh. Năm nay xem ra Bộ giáo dục cũng bắt đầu biết nghe lẽ phải, nghĩ đến nhiệm vụ thực « giáo dục » một tí, nên dành riêng 15 phần thưởng đạo đức cho các học sinh.

Hội nghị các đan viện Công giáo Á châu.

Tháng 10 năm 1968, các viện phụ và viện trưởng đan viện (monastères) Công giáo Á châu đã hội thảo tại Vọng các, với chủ đích Đông phương hóa đường tu. Năm nay, tức 5 năm sau, các viện trưởng lại sẽ họp tại Bangalore (Ấn độ) từ 14 đến 23 tháng mười. Linh mục Hoàng-Sỹ-Quý, tuy không thuộc đan viện, nhưng vì lý do chuyên môn (Văn hóa đông phương) cũng được mời tham dự. Linh mục có ý định sang Ấn độ 4 tháng để khảo sát bộ mặt tôn giáo tại miền Nam Ấn.

Tin thêm là các đan viện trưởng Việt nam, ngày 1-6 vừa qua, đã họp lần đầu tại Tỉnh am Bénédictines Thủ đức để sửa soạn cho cuộc đại hội Bangalore.

Phần thưởng Đức hạnh nhóm Tu đức.

Nhóm Tu đức, cũng là Ủy ban vận động Phần thưởng Đức hạnh, do cụ Trọng Nghĩa (Động hữu Nghĩa) làm chủ tịch, ngày 7-6-73 đã trao tặng phần thưởng đức hạnh cho học sinh các trường Trung học tại Thủ đô. Mỗi phần thưởng gồm một bằng tưởng lệ, một huy hiệu, một gói sách và 5000đ.

Nên nhớ cụ Trọng Nghĩa cũng là Cố vấn Phong trào Hưng giáo Văn Đông, và Phong trào cũng đóng góp đôi chút vào phần thưởng đáng quý của Cụ bằng một số năm báo Phương Đông.

II
TRANG

Vitac 500

TINH CHẤT VITAMINE C

cần cho

CÁC NHÀ TƯ TƯỞNG VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

ISODINE

(Thuốc nước dùng ngoài da)

ĐẶC TÍNH

Sát trùng, chống các bệnh do nấm, rửa sạch, làm hết mùi hôi.

CHUYÊN TRỊ — CÁCH DÙNG

BỆNH NGOÀI DA : ISODINE SCRUB

- Bị viêm, bì viêm có mủ.
- Lở loét chân, phong ngứa có mủ.
- Bị viêm dát trẻ sơ sinh.

Dùng ISODINE SCRUB nguyên chất để thoa hoặc pha loãng để chà sát.

NGOẠI THƯƠNG : ISODINE SCRUB

- Vô trùng ngoài da.
- Rửa và khử trùng vết thương.

Dùng ISODINE SCRUB nguyên chất để thoa hoặc pha loãng để chà sát.

BỆNH ĐÀN BÀ : ISODINE SCRUB

- Bệnh huyết trắng do nấm *Candida*
hoặc *Trichomonas vaginalis*.

Dùng ISODINE pha để rửa và khử trùng

KHÔNG UỐNG ĐƯỢC

ISODINE không làm bẩn quần áo và có thể rửa sạch bằng nước.

Chai đựng 125 ml.

Visa No 5309 BYT/DPHC.

VIỆN BÀO CHẾ SARGET
Avenue du Président-Kennedy
33. MERIGNAC (PHÁP-QUỐC)

Công - Ty Bảo - Hiểm

RỒNG - VÀNG ĐẠI - NAM

Trụ Sở : 17, Công-Trường Lam-Son — SAIGON

Điện - Thoại : 93.444 — 93.445

đảm-nhiệm bảo-hiểm về :

- Hỏa hoạn
- Xe Ô-tô, xe Honda, xe Vespa
- Tai nạn cá nhân lao động
- Du khách
- và học sinh
- Trộm cắp
- Trách nhiệm dân sự các nhà
- Hàng hóa chuyên chở bằng
- thầu, xí nghiệp, khách sạn
- đường thủy, bộ và hàng không
- Ghe tàu chuyên chở, ghe tàu đánh cá và các loại càn duyên
- và viễn duyên.

PHƯƠNG CHÂM của

CÔNG-TY BẢO-HIỂM

RỒNG-VÀNG ĐẠI-NAM

- Dân xếp mau lẹ
- Bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng
- Quyền lợi của Bảo Viên là quyền lợi của Công Ty.



KRISHNAMURTI

MỘT TÍN ĐIỆP MỚI
CHO NGÀY NAY